VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

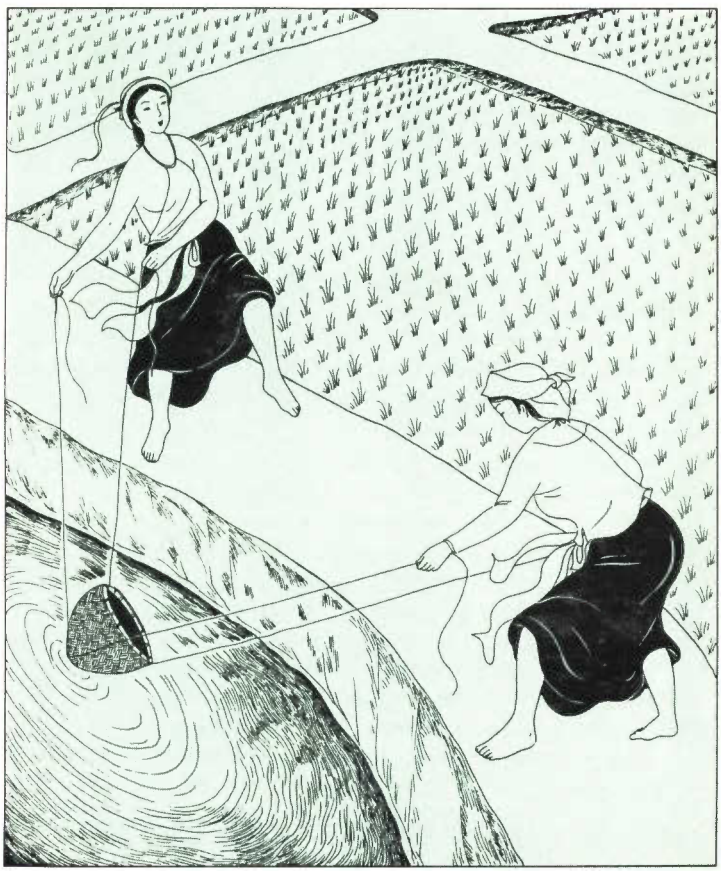

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN
SỐ 16 THÁNG 5 NĂM 1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

*** Văn Học :** *Thư Toà soạn, trang 1.* *** Thái Tuấn :** *Mơ về nguồn cội, trang 3.* *** Tạ Chí Đại Trường :** *Phổ hệ và chế độ nội hôn của nhà Trần, trang 5.* *** Trần Nghi Hoàng :** *Viết cho Mây, thơ, trang 11.* *** Nguyễn Duy:** *Mưa San Jose nhớ Santa Barbara, thơ, trang 14.* *** Phan Ni Tấn :** *Em, Đi mưa, thơ trang 17.* *** Đặng Phùng Quân :** *Hành trang, Cõi tạm, thơ trang 26.* *** Phố Tịnh :** *Nhân một vài hiện tượng văn học mới, trang 27.* *** Huy Lực :** *Sinh nhật năm mươi trên đất người, thơ trang 33.* *** Nguyễn Bá Trạc:** *Trời mưa ở Berkeley, tùy bút trang 35.* *** Phan Ni Tấn:** *Thơ, trang 42.* *** Hàn Song Tường :** *Vấn đề giải phóng phụ nữ trong văn chương nữ giới, trang 43.* *** Đoàn văn Xuyên :** *Sau ngày bom nổ tìm hồn em trong vũ trụ vô cùng, thơ trang 48.* *** Nguyễn Xuân Quang :** *Cô nàng Tô thị, truyện trang 51.* *** Nguyễn Ban Sơ :** *Bài thơ cho con đầu lòng, thơ trang 68.* *** Quyên Di :** *Hương ngâu, truyện trang 69.* *** Lê Mỹ Hương :** *Cái rác, truyện phim trang 80.* *** Thường Quán :** *Manh áo cũ, thơ trang 102.* *** Phạm Duy :** *Nhạc tình Văn Cao (2) trang 103.* *** Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký trang 109.* *** Bảo Lâm :** *Đọc Ngựa nản chân bon, trang 117.* *** Đào Huy Đán :** *Đọc Cỏ biếc, trang 121.* *** Phạm Vũ:** *Đôi khi, thơ trang 127.* *** Nguyễn Văn :** *Thời sự văn học, trang 128.* *** Một nhóm làm văn hoá :** *Tâm thư gửi đồng bào Việt Nam, trang 133.* **Văn Học :** *Sách mới nhận được, Bài nhận được trong tháng, trang 136.*

Tranh bìa của hai hoạ sĩ Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, minh hoạ bài thơ Tát Nước của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về
Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA
Phone : (714) 832. 8445

Thư Toà soạn

Kể từ số 1 Văn học Nghệ thuật bộ mới ra ngày 1.5.1985 cho đến Văn Học số 15 vừa qua, Ban Chủ biên và Quản lý chúng tôi đã vui buồn với các bạn đọc được tròn hai năm.

Văn Học số 16 các bạn đang cầm trên tay là số đầu của năm thứ ba.

Hai năm có mặt của một tạp chí văn chương ở hải ngoại, là hai năm khó khăn đầy thăng trầm, hai năm của những chán nản thầm lặng, hai năm của những cố gắng âm thầm, hai năm của những tấm lòng ưu ái hồi hộp theo dõi từng hơi thở của Văn Học.

Bù lại, như đa số nhận xét của bạn đọc, càng ngày Văn Học càng qui tụ được nhiều cây bút sáng giá, phổ biến được nhiều bài viết có giá trị, giới thiệu được nhiều người cầm bút mới độc đáo và xuất sắc. Văn Học đã thực sự trở thành nơi gặp gỡ của những người cầm bút thuộc nhiều thế hệ, nhiều khuynh hướng khác nhau, cũng như đã trở thành món ăn tinh thần của các bạn đọc yêu thích văn chương.

Kết quả đó càng khiến cho anh em cầm bút chủ trương tờ Văn Học nhận thấy cần phải cố gắng duy trì diễn đàn này.

Duy trì bằng cách nào ?

Đe doạ chính cho sinh mệnh của Văn Học vẫn là vấn đề tài chánh. Một tạp chí văn chương, trên thực tế, không thể tự nuôi nổi lấy nó nếu không có sự tiếp tay của những người ưa thích và quan tâm đến nó. Giá tiền 2.50 MK cho một tạp chí in ấn công phu dày 144 trang như Văn Học là một giá không thực tế. Một cuốn sách với chiều dày tương tự, số lượng in tương tự, theo thời giá hiện nay phải là 6 MK. Sở dĩ có chênh lệch giá cả giữa một cuốn sách và một tạp chí như thế, là do Ban quản lý hy vọng nhờ quảng cáo của các vị hảo tâm mà giá bán của Văn Học được rút xuống càng thấp càng tốt.

Nhưng thực tế hai năm qua xảy ra khác hẳn. Một tạp chí văn chương rất khó xin quảng cáo. Những vị cho đăng quảng cáo trên Văn Học chỉ vì lòng ưu ái đối với văn chương, chứ không hề mong hiệu quả quảng cáo sẽ bằng hiệu quả của các tờ báo biếu không.

Tháng 5.1986, nhân dịp kỷ niệm một năm hoạt động, Văn Học đã phải tăng từ 118 lên 144 trang cho đủ chỗ in số bài vở cần thiết, đồng thời giá bán lẻ cũng tăng từ 2 MK lên 2.50 MK cho phù hợp với chi phí mới.

Trong năm vừa qua, cả ấn phí lẫn bưu phí đều tăng theo thời giá chung, nên suốt một năm, Ban Quản lý đã phải vắt vả chạy tiền

bù lỗ hàng tháng, chưa kể lòng ưu ái tự nguyện đóng góp của một số văn hữu và quí vị hảo tâm.

Tình trạng đó chỉ có thể được giải quyết thoả đáng nếu quí bạn đọc thân mến lâu nay từng có lòng yêu mến Văn Học cho phép Ban Quản lý tăng giá lần nữa, giá bán lẻ từ 2.50 MK mỗi số lên 3 MK.

Với **nửa Mỹ kim** quí vị chi thêm mỗi tháng, quí vị đã gỡ được nỗi lo canh cánh của Văn Học, là không biết giải quyết thế nào để hàng tháng khỏi phải tìm phương bù lỗ.

Vì vậy, kể từ tháng 5.1987, **tức là từ số 16**, giá biểu mua dài hạn và giá bán lẻ tại các hiệu sách xin được điều chỉnh như sau :

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada(Gửi hạng 4)
Sáu tháng..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

Mua từng số qua bưu điện và giá bán tại hiệu sách :
Mỗi số 3 MK.
Nếu muốn báo gửi theo bưu phí hạng nhất trong vùng Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada) :
Xin thêm 1 MK cho mỗi số báo.

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu :
Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu :
Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 MK
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng gửi máy bay..... 40 MK
Một năm gửi máy bay..... 80 MK

Trân trọng,
Văn Học

* *Lưu ý chung cho các bạn đọc mua báo dài hạn :* Trên nhãn ghi địa chỉ bạn đọc, có hàng số trên cùng, ví dụ : 121. 3 - 14 , có nghĩa là trên danh sách độc giả dài hạn lưu tại Toà báo, bạn đọc ấy có số thứ tự 121, và mua dài hạn từ số 3 đến số 14.

Vì vậy, khi nào thấy số báo bạn vừa nhận sắp hay đã hết hạn, xin các bạn gửi tiền tái gia hạn ngay cho Toà soạn.

Thái Tuấn

Mơ về nguồn cội.

Cảm nghĩ nghệ thuật.

Từ phen chiếc lá lìa rừng.
Nguyễn Du

Cuộc truy tìm cái đẹp quả thật vất vả.

Cái đẹp không thể tìm trong danh từ ĐẸP. Tìm hỏi thiên nhiên thì thiên nhiên muôn hình vạn trạng, sự vật im lìm câm lặng.

Tìm hỏi con người, người nói: Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Cái vui, cái đẹp dù ta có đứng ở phía nào mà nhìn ngắm, sự cảm thấy thực khó nói nên lời. Cái đẹp thay bực đổi ngôi: Cảnh buồn người có vui đâu...

Cái đẹp tươi vui trên làn môi, héo hon trong khoé mắt. Đã có ĐẸP tất có XẤU. Khởi lên bằng lời là đã có phân chia sự vật; song le sự tiến hóa của loài người cũng bắt đầu từ sự phân chia ấy.

Trí tuệ lên ngôi và trị-vì bằng ngôn ngữ.

Ông Phật sau khi mở miệng thuyết pháp đã nói: "Ta chẳng hề nói", và ông lại tiếp tục thuyết pháp giảng dạy.

Người làm nghệ thuật lặng lẽ đi tìm cái đẹp. Sự mong ước đơn giản là làm ra được một cái đẹp "có thể nhìn thấy". Công việc tìm kiếm một cái "chẳng thể biết" quả là mơ hồ. Với sự mơ hồ đó, hắn đã mò mẫm lên đường, trên tay cây gậy của trí tuệ, của luật tắc, của kinh nghiệm kỹ thuật chồng chất. Bức tranh vẽ xong như người mù sờ thấy con voi, lòng nghi hoặc, hắn hỏi khách qua đường: "Phải chăng đây là cái đẹp?".

Những câu trả lời thành thực hay thông thái, tựa ngọn đèn dầu soi sáng: sự điêu luyện và cái hồn nhiên, trí tuệ và tình cảm, ý nghĩa và phi lý, Ý tưởng và hành động; tất cả chỉ tăng thêm lòng

ngờ vực. Cuộc đời phía Tây màu sắc rực rỡ, hướng Đông đường nét dịu dàng, tất cả cũng đều vô cùng quyến rũ.

Sự ra đi của hắn chỉ là cuộc phiêu lưu vô tận của bước chân vô định; gót giang hồ đã bao phen trầy trụa vì chông gai sỏi đá.

Hắn không có được cái may mắn của những thời xa xưa, của sự an nhàn ngày dài tháng rộng, sự yên tĩnh của thôn dã ruộng đồng bát ngát, cái trong sáng của cuộc sống còn đơn giản chất phác.

Con đường trải nhựa thênh thang mà náo nhiệt; lâu đài tráng lệ đã thay thế cho núi rừng cây cỏ; giữa chốn đông vui mà cô đơn tràn ngập.

Trí tuệ đã khuôn nắn cái tự do trong vòng luận lý khép kín. Mọi chủ thuyết, mọi đường lối dù có mâu thuẫn kình chống nhau, vẫn song song đều bước trên con đường tiến hóa ấy. Riêng sự ước mơ của con người cá nhân vẫn hướng về sông dài biển rộng của những ngày cuối tuần ngắn ngủi. Song sự vượt thoát tạm bợ chốc lát đeo theo một tâm tư nặng trĩu thì trước mặt vẫn là biển hoang sông vắng.

Bức tranh của ngày hôm nay, quả là tấm gương trung thực; người thưởng ngoạn soi vào chợt nhìn thấy khuôn mặt méo mó của chính con người. Những mối bất an, những điều khổ lụy, dòng nước mắt không còn là châu ngọc; tiếng gào thét phẫn nộ thay cho lời ca tiếng nhạc. Những nỗi đớn đau trần truồng sống sượng, chỉ kéo theo muôn vàn cay đắng. Kỹ thuật càng cao siêu thì sức trói buộc nhau càng khủng khiếp. Cái đẹp trở thành đồ trang sức của trí tuệ.

Người đi tìm cái đẹp không quay lưng cùng trí tuệ, hắn cũng chẳng hoàn toàn tin cậy ở nơi tình cảm. Hành trang duy nhất là chút trong sáng mang theo, soi chiếu cho hắn nhận ra cái đẹp trong đêm dài vô tận.

Cái Đẹp vốn đơn giản. Đơn giản đến độ chẳng còn gì để nói. Mọi lời nói đối với cái Đẹp trở nên thừa thãi.

Thái Tuấn
20 Mars. 87

**Nhắn tin chung cho các văn hữu :*

Văn Học dự định thực hiện hai số báo chủ đề :

* *Văn nghiệp nhà văn Bình Nguyên Lộc*

Ra vào đầu tháng 7 năm 1987.

* *Văn nghiệp nhà văn Vũ Khắc Khoan*

Ra vào đầu tháng 9 năm 1987, nhân ngày giỗ đầu của nhà văn

Văn Học mong nhận được bài vở đóng góp của quí văn hữu xa gần, để hai số báo nói trên được phong phú, đa dạng.

Tạ Chí Đại Trường

Phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần.

*T*rong suốt lịch sử Việt Nam, các triều đại đều có quan chức ghi chép ngọc phổ, phổ hệ của nhà vua. Nhưng các nhân vật tôn thất xuất hiện nhiều nhất trong chính sử là của họ Trần. Điều này biểu lộ đặc điểm của dòng họ đó: đây mới chính là cả một tông tộc trị nước, không phải chỉ phân chia quyền lực mà gánh vác cả trách nhiệm. Cho nên, ngay từ trong sách vở hiếm hoi để lại, ít ra là đối với số đông các nhân vật quan trọng, có thể thực hiện được phổ hệ với khá nhiều chi tiết từ các sự việc đan xen rối rắm riêng tư trong tộc họ đến những biến động của quốc gia. Việc lập phổ hệ cho họ Trần không phải chỉ đơn thuần là làm việc thay thế cho người trưởng tộc họ đó, mà như đã nói, vì vai trò to lớn của họ đã được ghi chép rõ ràng, nên việc tìm hiểu sâu về họ có thể hé mở cho ta thấy những phần tối của xã hội, xứ sở họ trị vì -- nơi mà hầu như không có tài liệu để lại cho người sau. Ánh sáng của tông tộc nắm quyền trong khi sáng lên cho chính mình đã để tỏa rộng, vượt quá khung cảnh riêng biệt của chính họ, ra đến vùng đất, dân chúng mà họ cai trị.

Một đặc điểm của họ Trần là chế độ nội hôn, chú tâm riêng biệt cho việc kiếm người nối ngôi -- đại biểu của dòng họ -- sao cho giữ thuần được dòng máu trong con người trị vì đất nước. Sự kiện gọi là *loạn dâm* đó -- sự kiện đã làm cho nhiều người kinh ngạc, chê trách hay tránh né -- cũng sẽ thấy được tính chất bình thường một chừng mực nào đó trong khi ta đi vào chi tiết về những mối liên hệ của những người trong dòng họ Trần.

THƯ MỤC. Tất nhiên là còn nhiều tài liệu khác, nhưng những thứ chúng tôi sử dụng được liệt kê sau đây, theo thứ tự nguồn tin

dồi dào hay ít:

1. Đại Việt sử kí toàn thư, bộ sách của tập thể sử quan nhiều đời, phần thuộc về họ Trần tuy không thể tách hết từng đoạn, từng câu, nhưng có thể biết là của Phan Phu Tiên (cuối thế kỉ XIV-XV), Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV). Chứng dẫn sau đây là lấy từ bản dịch Cao Huy Giu, tập II (Hà Nội, 1972), số trang ghi trong / /. Sự kiện của nhà Trần dính dáng tới nhà Lí nằm ở cuối tập I (cùng người dịch, Hà Nội 1967). Tất nhiên vì chỉ dựa vào bản dịch, nên các lỗi in ấn, sơ xuất hay do cách hiểu của người dịch mà khác với nguyên bản thì không thể nào kiểm chứng được.

2. An Nam chí lược (bản dịch Viện Đại Học Huế, 1960) của Lê Tắc, người hàng Nguyên năm 1285. Hành trạng của những người hàng Nguyên bị chính sử Việt bôi xoá hay lướt qua, thấy ở đây khá rõ.

3. Về các nhân vật cuối đời, ta có một phần là "hồi kí" của một nhân vật lịch sử: Hồ Nguyên Trừng trong *Nam Ông mộng lục* (dịch hết trong *Thơ văn Lí Trần,* tập III, Hà Nội, 1978), trong đó có chi tiết về tên riêng, hiệu của những người ấy mà sách sử không ghi.

4. Các nhân vật ngày xưa dù là võ tướng, hoàng đế cũng hay làm thơ văn nên ta có thể tìm được hành trạng họ trong các tập họp văn học. Có điều, tiểu sử của họ – ở đây là của tông tộc Trần, cũng không có gì ngoài các bộ chính sử nhiều.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ

Quí Hội đoàn, văn hữu, đại diện các báo chí cùng thân bằng quyến thuộc không ngại đường xa, thì giờ quí báu đã điện thoại, thư từ đến chia buồn, viếng thăm, phúng điếu và tiễn đưa linh cửu Chồng, Cha và Ông chúng tôi:

*CỐ VĂN SĨ **BÌNH NGUYÊN LỘC***

tức TÔ VĂN TUẤN

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có nhiều thiếu sót mong Quí Vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG BÁI TẠ.

BẢNG I

Trần Kính — Ý vương — Mục tổ hoàng đế
Trần Hấp — Cung vương — Ninh tổ hoàng đế
Trần Lí †1210 — Chiêu vương — Nguyên tổ hoàng đế

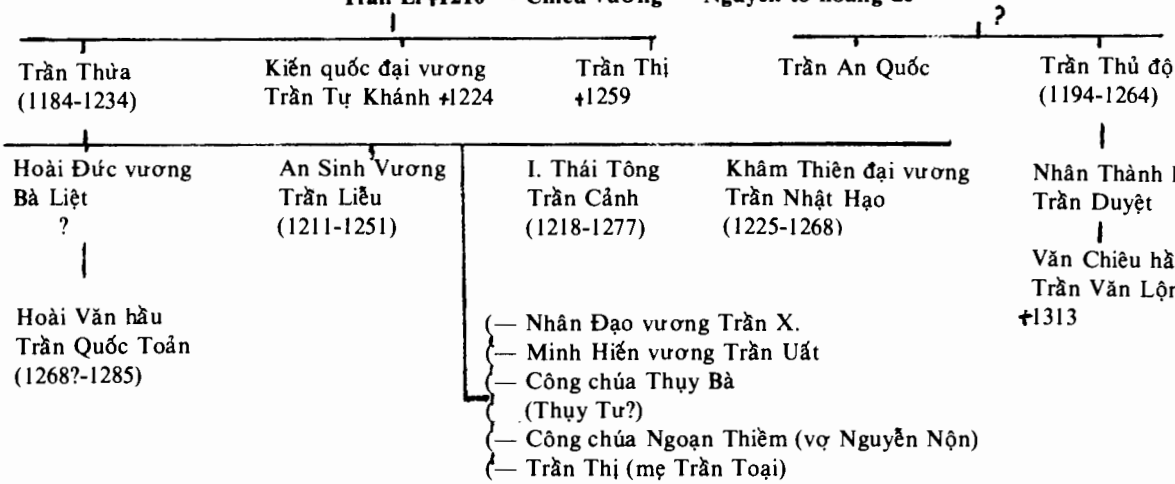

Chú thích BẢNG 1:

1. Theo gia phả về những bậc tiên hiền họ Trần /5, 102/ thì ta thấy họ này chỉ mới đến Đại Việt vào nửa đầu thế kỉ XII, không biết có phải là do những biến động làm suy sụp nhà Bắc Tống hay không.

2. Trần Tự Khánh là con thứ Trần Lí, có anh là Trần Thừa /1,302,305/. Không rõ vị thứ của Trần thị làm dâu họ Lí, nhưng xét năm lấy chồng (1209) và xét lúc Trần Tự Khánh đã xuất hiện cầm quân năm 1211 thì chắc bà là em. Bà bị gả về cho Trần Thủ Độ (1226), nhưng qua hai người con gái của Lí Huệ Tông, bà cũng là mẹ vợ của Trần Liễu, Trần Cảnh, Lê Phụ-Trần (Tần).

Vợ Trần Thừa tên là Diệu, họ Lê, chết năm 1230 (7,10,71).

3. Trần Thủ Độ có người anh là Trần An Quốc /34/ (nghi là tước phong -- như Kiến Quốc Trần Tự Khánh), đều là 'chú họ' của Trần Cảnh, nên không phải là con Trần Lí. Tên Nhân Thành hầu Trần Duyệt và Văn Chiêu hầu Trần Văn Lộng cùng năm chết của ông này là lấy từ *An Nam chí lược* (ANCL), 215,216. Lộng hàng Nguyên năm 1285. *Toàn thư* /54/ chỉ ghi có tước Văn Chiêu hầu và tên Lộng cùng năm hàng thôi.

4. Trần Thừa có người con trai tư sinh là Bà Liệt (B.liệt?), nhận con và phong tước vào năm 1232/11/. Chỉ vì đến năm này, Bà Liệt mới được công nhận vào họ Trần, nên vào đầu năm 1226 Trần Thủ Độ gọi Trần Cảnh là 'chàng Hai' /1,310/, hẳn Trần Liễu là anh cả.

Không rõ lấy từ tài liệu nào, các tác giả *Địa chí Hà Bắc* (Ty văn hóa thông tin — thư viện tỉnh, 1982, 327) đã ghi Trần Quốc Toản là con trai Hoài Đức vương Bà Liệt, người Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, Hà Bắc, nhưng chú thích của *Toàn thư* /256/ lại ghi thôn Bà Liệt (của Hoài Đức Vương) tương đương với huyện Nam Trực, Trực Ninh, tỉnh Nam Định, đúng là thuộc khu vực họ Trần, khác với quê Trần Quốc Toản đã ghi ở trên.

5. Trần Uất được ghi vào năm 1311 là em út của Thái Tông /100/ (Út Uất?). Ông này có mặt với các con của Trần Quốc Tuấn trong trận chiến 1285/51/. Nếu Trần Thừa chết đi mà vẫn có con thì nơi chiến trường Chiêm Thành năm 1311, Uất đã đến 77 tuổi.

6. Công chúa Thụy Bà (bà Thụy?) được xác nhận là chị Thái Tông /22/. Lê Tắc /ANCL., 240/ nói đến 'thượng quốc cô Thụy Tư, có thể là chỉ bà Thụy này vì ông nhắc chuyện chính Thái Tông Trần Cảnh phong chức (Đạo Lục hầu) cho chồng bà (Hoàn Nguyên). Công chúa Ngoạn Thiềm gả cho Nguyễn Nộn từ 1228, phải là chị Thái Tông. Tuy nhiên vì không biết vị thế đích xác của những người này (các công chúa đều không có năm sinh), nên ta xếp chung vào một nhóm.

BẢNG II

An Sinh vương Trần Liễu

(1211-1251)

1. Thượng Sĩ Tuệ Trung Hưng Ninh v. T. Tung (1230-1291)

Hưng Đạo đ.v. Trần Quốc Tuấn (1232-1300)

Vũ Thành v. Trần Doãn (?)

Tĩnh Quốc đ.v. Trần Quốc Khang (1237-1300)

5. C/c Thiều †1287) VỢ THÁNH TÔNG

Chương Hiến hầu Trần Kiện (†1285)

Mặc hầu

T. Huệ Nghĩa

T. Quốc Trinh

Hưng Vũ.v. T./Quốc?/Nghiễn

Hưng Trí v. T./Quốc?/Hiện

Hưng Nhượng v. Trần Quốc Tảng (†1313)

— Trần thị VỢ NHÂN TÔNG (1275) Khâm Từ (†1293)

— Trần thị: Tuyên Từ (†1318)

Văn Huệ vương Trần Quang Triều (1287-1325)

— Uy Huệ (vương? hầu?)

— Thuận Thánh hoàng hậu, VỢ ANH TÔNG †1330

Chú thích BẢNG II :

1. Hưng Ninh vương Trần Tung có tên quen thuộc trong giới thiền môn — và do thơ văn để lại qua sự lưu giữ của giới Phật giáo nên cũng được giới văn học biết đến – là Tuệ Trung Thượng sĩ. Ông là con trưởng của An Ninh (sửa là Sinh -- xem Bảng VIIII) vương Trần Liễu /104/. Tiểu sử Trần Tung với nhiều chi tiết không có trong *Toàn thư* được tập hợp trong *Từ điển văn học II* (Hà Nội, 1984, 438-439). Năm sinh của Trần Quốc Tuấn cũng lấy từ sách này.

2. Vũ Thành vương Trần Doãn là con của Trần Liễu và Lí Thuận Thiên /26/. Có lẽ Trần Quốc Tuấn cũng vậy. Như thế Doãn sinh năm 1231 hay 1233-36(Có lẽ đúng hơn, do ta dựa vào sự chiều chuộng của Thuận Thiên đối với ông, người con nhỏ nhất lúc bà bị cướp). Có phải vì biến cố gia đình (mẹ bị cướp) mà mỗi người con phản ứng mỗi khác không: Tung mềm yếu bỏ đi tu, Doãn tỏ thái độ thù địch, nhưng khi mất người che chở (Thuận Thiên chết) thì đành mang cả nhà bỏ trốn -- không được (1256) /26/, Tuấn mang tính xung động nhiều hơn lại chỉ có thể nghe lời cha một nửa, cướp con 'người thù' nhưng đã bị sự kiện đưa đẩy đến chỗ hòa giải, phục vụ dòng họ hơn là phục vụ gia đình nhỏ?

Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang tuy sinh ở nhà Thái Tông, được gọi Thánh Tông là 'chú hai' /37/, nhưng thực ra là con Trần Liễu, vì thế không được nối ngôi, và dù vậy vẫn bị Thánh Tông dòm ngó (chuyện năm 1270). Nhân con của Thái Tông từ Trần Hoảng (Thánh Tông) trở đi không hoặc có chữ lót khác, hai người con của Trần Liễu (Tuấn, Khang) đều có chữ lót 'quốc', ta nghi rằng Cung và Doãn cũng lót chữ 'quốc' như vậy.

Con gái, thứ 5 (vị thứ do *Toàn thư* ghi), vợ Thánh Tông (1258), tên Thiều /29/, còn có tên Hâm /71/, chết năm 1297, không phải là con Thuận Thiên vì bà này đã về với Thái Tông năm 1237, con gái nếu có sinh trước đó thì đã lớn tuổi hơn Thánh Tông nhiều. Có lẽ là con của Thiện Đạo phu nhân, húy là Nguyệt /76/. Năm 1299, đời Anh Tông, có lệnh kị húy gắt gao (không được dùng) tên bà và Trần Liễu, trong khi tên các người họ ngoại khác, trong đó ta thấy có (Trần Quốc) Tuấn, cha vợ Nhân Tông, (Trần Quốc) Tảng, cha vợ Anh Tông, thì chỉ phải viết bớt nét thôi. Lệnh đó hẳn là của thượng hoàng Nhân Tông, người thực sự nắm quyền, đưa ra để báo hiếu với cha (Thánh Tông).

4. Chi tiết về Trần Kiện /53,65/ lấy nhiều của Lê Tắc /ANCL 216, 217/, người ôm xác ông chạy trốn trong trận bị phục kích sau khi hàng Nguyên (1285), trở về Trung Quốc. Theo Lê Tắc, thoát chết có 'ông ngoại/Trần Kiện/ là thân huynh của thế tử /Thánh Tông/', không rõ là ai, vì Thánh Tông là con trưởng của Thái

Tông, còn ai là lớn (đủ tuổi) để gả con cho Quốc Khang là ngang bực về thế thứ? Lê Tắc chắc không lầm nhưng các bản sao qua chép lại có gây nên sự rối rắm đó không? Vợ Trần Kiện là Quỳnh Huy, con Chiêu Minh vương/Trần Quang Khải/. Con Kiện là Mặc hầu -- không phải tên.

5. Con gái Trần Quốc Tuấn, vợ chính của Nhân Tông (1275) có người em gái cũng lấy Nhân Tông, được phong Tuyên Từ /269, chú lấy của *Cương Mục*/, chết năm 1318, sau người chị (1293), làm người chủ trì hậu cung rất có uy tín. Có vẻ như đây là ảnh hưởng của vai trò Trần Quốc Tuấn trong các cuộc chiến vừa qua.

6. Một chi tiết của sử quan khen Bảo Từ (vợ Anh Tông, con gái Trần Quốc Tảng) cho ta đoán ra bà có người anh em là Uy Huệ (hầu?) /124/.

viết cho mây

• rời cũng trơ vơ như đá núi
em mây rớt hột, sẽ còn chi ?
một thoáng mặn nồng, ôi rất vội !
trong đời ta hạnh phúc lưu ly.

• rời vẫn một mình ta lặng bước
những bước trần ai máu lệ nồng
ta chẳng có gì cho em được !
ngoài một buồng tim, một tấm lòng.

• mai kia, lỡ một mùa phiêu lãng
áo bạc màu trong giấc mộng cuồng
mộng cuồng, mộng cuồng hề ! chí cả
chí cả thu hề ! ta vai mang.

• áo cơm không trả, đời đâu kể
yêu em điên mê, tình trăm năm
hề ! dẫu mai kia ngàn dâu bể
vẫn máu trong tim những giọt bầm

trần nghi hoàng

BẢNG III

Lí Chiêu Hoàng (1218-1275)
Hoàng thái tử Trần Trịnh (†1233)

Lí Thuận Thiên (1216-1248)
II. THÁNH TÔNG Trần Hoãng (1240-1290)

THÁI TÔNG Trần Cảnh (1218-1277)
/3/ Chiêu Minh đ.v. Trần Quang Khải (1241-1294)
Văn Túc vương Trần Đạo Tái
Uy Túc vương Trần Văn Bích
Chương Túc Quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán (1325-1390)
(—Trần Mộng Dữ
(—Trần Thúc Dao '-1407')
(—Trần Quỳnh
(—thị Thái
(—thị Thai

? + ?
(— Vũ Uy vương Trần Duy
(— ? Trần Nhật Vĩnh
(— Chiêu Đạo v. Trần Quang Xưởng
(/5/
(— Chiêu Quốc v. Trần Ích Tắc
((1254-1329)
(— /6/ Chiêu Văn v. Trần
(Nhật Duật (1255-1330)
(— Vũ Đạo hầu
(— (Thượng vi hầu?) Trần Thôi
(— C/c Thiên Thành (-1288)
(— C/c Thiêu Dương
((Thúy-1277)
(— C/c Thụy Bảo
(— C/c An Tư (út).

Ích Tắc Trần (1254-1329)
Trần Bá Ý (?)
Đại Thúc h. Trần Dục (1279-)
T.Thúc Ngao (?)

Trần Nhật Duật (1255-1330)
(— Trần Thánh An
(— C/c Thánh Nô
(— Cương Đông

Vũ Đạo hầu (?)
Văn Nghĩa h. Trần Tú Viên (Tuấn -1349)
Trần thị phi của Thoát Hoan

Chú thích BẢNG III.

1. Về các vua, ta chỉ giữ lại các danh hiệu quen thuộc. Các niên hiệu có thể thấy ở các nơi khác. Lê Tắc chỉ chép đúng năm mất và tuổi thọ của Thái Tông thôi, còn về Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông đều sai vì không theo sát được biến chuyển trong nước. Trần Cảnh còn có tên (húy) là Bồ /5/.

2. Con của Trần Cảnh với Lí Chiêu Thánh chỉ có Trần Thịnh sinh ra là chết ngay /12/, mẹ mới 15 tuổi. Chiêu Thánh sau này lấy Lê Tần (Phụ Trần) có hai con là thượng vị hầu Lê Tung và công chúa Ưng Thụy tên Khuê /43/. Nhìn các tước phong này và việc chọn người gả chồng cho vợ, ta thấy Trần Cảnh vẫn giữ nghĩa thủy chung, tuy các sử quan vẫn nặng lời chê trách vì khác với khuôn khổ đạo lí của họ.

3. Thuận Thiên tên Oánh /71/ chỉ có con với Trần Cảnh là Thánh Tông và Trần Quang Khải vì đến đây là tước phong đại vương cho con hoàng hậu chấm dứt; các người sau là con thứ chỉ được tước vương, thứ nữa là hầu (qui định năm 1241). Nhưng trong chuyện đùa cợt trong cung, Quốc Khang đã gọi Thánh Tông là 'chú hai' /37/, như vậy Khang được kể là con trưởng, tuy không được nối ngôi vì chính là con Trần Liễu. Thứ bực này cũng đúng khi ta thấy *Toàn thư* /17/ ghi Quang Khải thứ 3, Khang là trưởng (sao không là Trần Trịnh?). Liệt kê tiếp theo có /Trần/ Nhật Vĩnh, Ích Tắc, Nhật Duật, như vậy đúng với thứ tự số 6 của Nhật Duật /25/. Lê Tắc cho ta biết thêm Ích Tắc thứ 5/ ANCL., 213/. Nhưng qua chuyện Nguyễn Đại Phạp đi sứ Nguyên /60/, ta thấy nói Ích Tắc có người 'anh cùng mẹ' là Trần Quang Xưởng, cái tên không thấy có trong bảng liệt kê chép năm 1241 trên. Hay Quang Xưởng là Nhật Vĩnh?

Vũ Uy vương Trần Duy trốn nhà đi đánh nhau với con dân /24/ chắc là con một bà phi khác với nhóm Nhật Duật.

4. Công chúa Thụy Bảo có chồng ('cháu kêu Thái vương bằng cậu' -- ANCL., 236) là Uy Văn vương Trần Toại /43/, Toại chết, lấy Trần /Lê/ Bình Trọng (chết 1285), có lẽ đã sinh người con gái lấy Anh Tông và là mẹ Minh Tông /104/.

Công chúa An Tư gả cho Thoát Hoan là con út /53/.

5. Công chúa Thiên Thành, vợ Quốc Tuấn, được người chú giải bản dịch xác nhận /239/ là 'con gái thượng hoàng' /Trần Thừa/, nghĩa là cô Quốc Tuấn, không biết lấy tài liệu ở đâu. Nhưng Thụy Bà đã là chị Thái Tông mà Thiên Thành là 'trưởng công chúa' /22/ thì chẳng lẽ lại là chị Thụy Bà, người nuôi Quốc Tuấn? Xét sự việc ta thấy Thụy Bà (đại diện đàng trai) dâng mâm vàng vừa để chuộc lỗi, vừa là đi hỏi vợ cho con nuôi; Thái Tông nhận, trả lễ lại đền bồi người cưới vợ hụt, rồi gả công chúa cho

Trần Quốc Tuấn, như vậy Thái Tông đã xử sự với tư cách là cha của Thiên Thành . Trong " Bước đầu nghiên cứu chữ húy đời Trần", Nghiên Cứu Hán Nôm, 1.1986, ông Ngô Đức Tạo cho rằng bà tên *Anh*, vì trong lệnh kỵ húy năm 1299, chữ này được xếp giữa tên *Tuấn* trước và *Tảng* sau, theo thứ tự chồng,vợ, con. Cũng nên chú ý, ở đây tác giả cho bà là con Trần Thừa.

6. Lê Tắc (ANCL., 211, 215) cho biết Trần Tú Viên (Tuấn) là 'cháu gọi An Nam quốc vương / Trần Ích Tắc/ bằng chú bác', hàng Nguyên năm 1285 cùng với cha mẹ. Như vậy, Thái Tông còn một người con vợ thứ nữa, phong là Vũ Đạo hầu.

7. *Toàn thư* có mâu thuẫn: sự việc năm 1407 ghi Thúc Dao là em Trần Nguyên Đán, nhưng trong liệt kê sự trạng Nguyên Đán /1801/ thì lại cho là con, có lẽ đúng hơn. Mộng Dữ được Nguyên Đán cho là con nuôi Hồ quí Li để nhờ cậy, được gả công chúa Hoàng Trung, con gái Trần Nhân Vinh, con ghẻ Quí Li, chị em cùng mẹ với Hồ Hán Thương. Trần Thúc Dao hàng Minh năm 1407 bị Giảng Định đế giết /234/. Thái là mẹ Nguyễn Trãi.

9. Văn Hiến hầu 'có sách chép là em Nhật Duật' /119/. Bản dịch ghi 'Cương Đông Văn Hiến hầu', phải chăng là Văn Hiến hầu (Trần) Cương Đông? Trần Nhật Duật có vợ chính là Trịnh Túc phu nhân, người Thanh Hóa.

10. Lê Tắc / ANCL, 185/ cho biết Trần Thôi, người bị tội (?) nên lén sai người xin quân Nguyên sang đánh, là 'quốc đệ'. Suy ra, đó là em Thánh Tông.

Mưa San Jose nhớ Santa Barbara

Đêm như vàng dịu nắng trời
Ơ kìa. Từng hạt nắng rơi Thiên đàng
Nơi đây mưa đổ miên mang
Tôi như hạt nước nhớ ngàn nắng trưa.
Nguyễn Duy

BẢNG IV

II. Trần Hoảng — THÁNH TÔNG
(1240—1290)

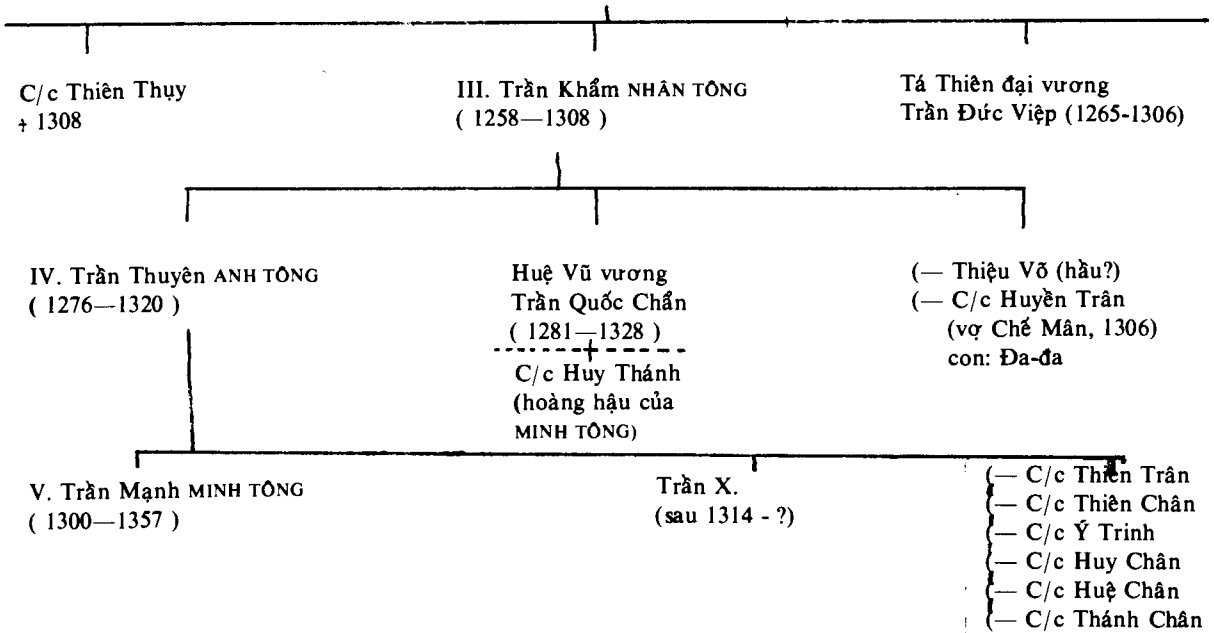

Chú thích BẢNG VI :

1/ ANCL. 210/ ghi về Thánh Tông 'trước đặt tên là Thế', người dịch chú 'có lẽ sai lầm' dựa trên chứng cớ tên thường thấy là Hoảng. Nhưng Lê Tắc chắc không sai vì là người đồng thời, vả lại lời văn nói rõ *'trước đặt tên* là...'

2. Con trai của Thánh Tông chỉ có hai người, không biết vì lẽ gì. Lê Tắc /ANCL., 216/ ghi rằng Trần Kiện có hiềm khích với Trần Đức Việp.

Công chúa Thiên Thụy là chị của Nhân Tông, chết năm 1308, cùng ngày với em /95/, là dâu Trần Quốc Tuấn, vợ của Hưng Vũ vương Trần (Quốc?) Nghiện, người tình của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư /48/.

Thiệu Võ chỉ xuất hiện với việc Quốc Chẩn bị giết /119/. Bản dịch mới /tập II, 1985, 113/ ghi là 'con'.

3. Nhân Tông có vợ chính và vợ thứ là con gái Trần Quốc Tuấn (Bảng II).

4. Các vợ Anh Tông được ghi khá rõ, hình như tình hình ổn định của vương triều đã dẫn đến sự ghi chép chi tiết này. Nhưng cũng từ đây, ta gặp được những thú nhận về mâu thuẫn của chế độ.

Vợ chính của Anh Tông là con gái lớn của Trần Quốc Tảng, lấy chồng năm 1292/68/, chết năm 1330, được ghi rõ là có con gái lớn (vì thuộc dòng đích) tên Thiên Chấn /107, 123/. Bà còn có người con trai sau khi Minh Tông đã lên ngôi (1314), nhưng chỉ sống có hai năm /143/ (Hồ Nguyên Trừng/Thơ văn Lí Trần III, 690-691/). Có lẽ vì Anh Tông chờ vợ chính sinh con trai nối ngôi nên ông lên ngôi năm 1293 mà mãi đến năm 1309 vợ chính vẫn là 'phu nhân'. Đến năm này phong hoàng thái tử cho Trần Mạnh nên bà mới được là hoàng hậu; do đối chiếu với nơi khác, ta biết tước hiệu của bà lúc bấy giờ là Thánh Bà phu nhân /96, 103, 104/.

Vợ lẽ sinh Minh Tông là con gái Trần Bình Trọng /104/.

Một thứ phi là con gái Phạm Ngũ Lão, Tĩnh Huệ, không con, xuất gia khi Anh Tông mất /96, 142/.

Hai người phi không rõ gốc gác là hai chị em: Văn Đức phu nhân (bị phế), Thánh Tư phu nhân (thay) /69/.

Năm 1311, thu nhận Đa-la-thanh, con gái sư 'người Hồ' làm phi /99/.

Ngoài ra, còn có cung tần là Trần Thái Bình.

5. Sách dẫn *Toàn thư* /314/ nhập chung Thiên Trân và Thiên Chân. Thiên Trân vợ Trần văn Bích 1301 /87/, chết năm 1309 /97/; Thiên Chân được gả chồng (Huệ Chính vương) năm 1318.. Năm trước đó, sử ghi Minh Tông gả chồng cho 5 công chúa: Thiên Chân, Ý Trinh, Huy Chân, Huệ Chân, Thánh Chân. Nhìn qua, ta tưởng đó là các con của Minh Tông, nhưng thực ra năm này ông

mới có 17 tuổi. Vậy ông gả chồng cho các chị em mình – trừ Thiên Trân đã được Anh Tông gả từ trước. Thiên Chân con của hoàng hậu, đã nói, Huệ Chân là con gái của một thứ phi /123/. Huy Chân là con của cung tần Trần Thái Bình /106/, Ý Trinh, Thánh Chân không rõ là con ai, nhưng vì sự việc gả chồng trên mà có thể đều là con của Anh Tông.

Văn Bích /71, 73, 97, 147/, sau khi Thiên Trân chết, lấy Huy Thánh, không rõ con ai, nhưng chắc chắn chỉ là người trùng tên với hoàng hậu của Minh Tông, người bị Dương Nhật Lễ giết sau này.

Thơ Phan Tấn Hải

EM

Đêm
Cười
Nhung nhớ và lang thang
Kìa con nai của đêm
Tôi muốn làm quen với sự cô đơn của em
Rừng thông còn xanh trên tóc
Lối mòn còn sâu trong mắt
Giấc mơ thở hồn nhiên
Ngày xưa kìa ngày xưa.

ĐI MƯA

Sáng qua đi mưa
Tối qua gác nhỏ nằm chờ
Giấc ngủ vu vơ
Sáng mưa không lạnh bằng chiều mưa
Chiều mưa không lạnh bằng tối mưa
Tối mưa không lạnh bằng giấc ngủ của tôi
Gặp em đạp mưa về
Hơi thở của ta run rẩy giữa vòm cây lá
Đêm nay nếu gặp nhau trong mơ
Xin em mở to đôi mắt huyền đen cà phê
Để ta được thấy trong tận cùng đáy mắt ngủ mưa
ngàn kiếp sau
tôi sẽ là
ngọn gió lạnh và buồn
Tóc mềm như một dòng sông lụa
Giấc ngủ vùi quên.

BẢNG V

Trần Mạnh MINH TÔNG

(1300—1357)

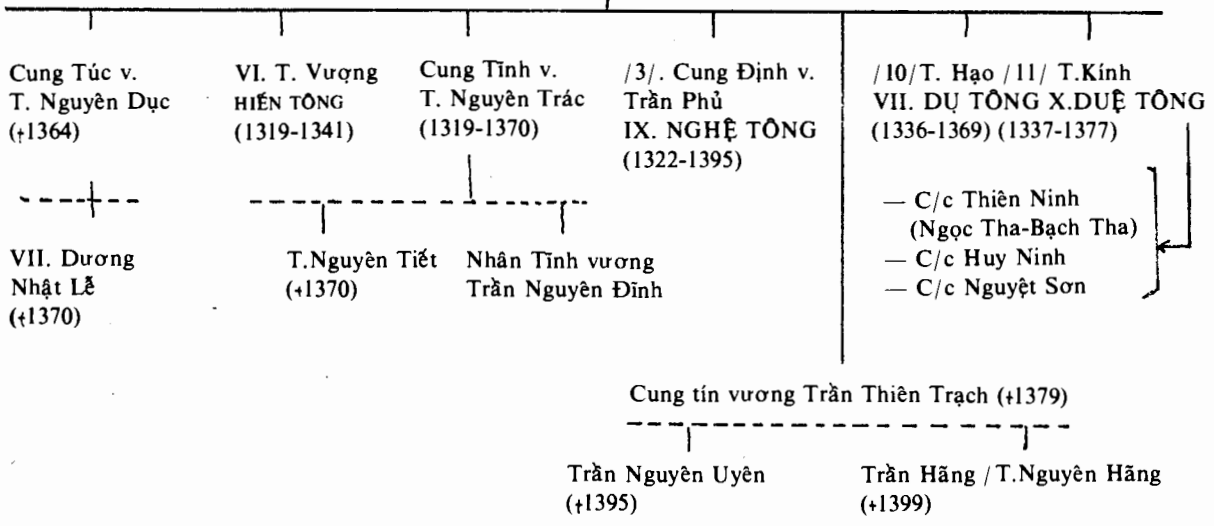

Chú thích BẢNG V :

1. Trần Mạnh — MINH TÔNG, có tên riêng là Thánh Sinh, do Trần Nhật Duật, được gởi nuôi, đặt ra /86/, là cháu ngoại Trần Bình Trọng / 104/. Có lẽ bà ngoại là công chúa Thụy Bảo, cô Nhân Tông: bà được Anh Tông giao nuôi hoàng tử Mạnh, nhưng bà từ chối nên hoàng tử mới về với Nhật Duật -- giao cháu cho bà ngoại là điều dễ hiểu. Ngay cả việc từ chối của bà -- mà sử ghi là vì bà 'đang lúc ách vận', cũng có ý nghĩa liên hệ bà cháu: Anh Tông khó nuôi con, mượn người khác nuôi giùm để tránh 'con sát' mà bà ngoại đem về thì liên hệ vẫn còn. Dù sao thì đến đây Lê Hoàn cũng có một người cháu làm vua họ Trần.

Mẹ Minh Tông có tước hiệu là Huy Tư hoàng thái phi, Chiêu Từ / 112/, Chiêu Hiến hoàng thái hậu / 104/, chết năm 1359 / 146/.

2. Vợ chính Minh Tông là con gái Trần Quốc Chẩn, công chúa Huy Thánh / 114/ với các tước hiệu là Lệ Thánh (hoàng hậu), Hiển Từ / Huệ Từ (thái hậu). Bà hoàng này vào cung muộn nên Minh Tông lên ngôi năm 1314, có con lớn năm 1319 mà đến năm 1324 mới được chọn làm hoàng hậu, và sự chậm trễ này không hiểu vì lí do nào (Huy Thánh còn nhỏ chưa vào cung được?) khiến dẫn theo việc muộn con đã gây ra cuộc tranh chấp thừa kế mà kết quả là Quốc Chẩn phải chết / 119/.

Minh Tông có hai người vợ thứ là chị em ruột, cô của Lê Quí Li: Anh Tư (nguyên phi), Minh Từ (hoàng thái phi), chết năm 1365, và Quang Hiến (thần phi), Đôn Từ (hoàng thái phi) chết năm 1347 / 137, 151, 161, 162, 164/. Một thứ phi khác biết tên là Thiên Xuân / 112/. Minh Tông cũng lấy không chính thức cháu gái là Vương thị, con gái Huệ Chân / 123/.

3.Trần Vượng — HIẾN TÔNG, có hiệu là Thiên Kiến / 108/, anh cùng mẹ với Trần Phủ — NGHỆ TÔNG / 151/. Đoạn *Toàn thư* / 156/ cho rằng mẹ Nghệ Tông là em Hiển Từ là sai. Trần Kính — DUỆ TÔNG mới là con người em của mẹ Nghệ Tông — Đôn Từ / 162, 164/.

4. Hiển Từ, vợ chính Minh Tông, có con gái lớn / 161/ là Thiên Ninh / 155/, hai con trai là Cung Túc vương Trần Nguyên Dục và Trần Hạo — DỤ TÔNG (tên khác: Lộc Tinh -- *Thơ văn Lí Trần,* III, 282). Dục bị chê là 'chơi bời phóng đãng' (bằng cớ gián tiếp: vụ Dương Nhật Lễ), nên là 'con trưởng' mà sau khi Hiển Tông chết, Minh Tông bỏ, lập người em (Dụ Tông) / 133/. Chắc vì biến cố về sau (vụ Dương Nhật Lễ) nên sử không ghi ngày sinh của Dục.

Xét biến cố tranh giành ngôi hoàng thái tử năm 1328 dẫn đến việc Quốc Chẩn bị giết, ta thấy rằng Dục phải sinh sau năm này, có lẽ 'vài năm sau' nữa, khi vụ vu cáo Quốc Chẩn vỡ lở, Hiển Từ mới

có dịp sinh con. Có lẽ vì muốn tranh giành quyền lợi cho Trần Nguyên Dục, người con trưởng đã chết (1364), nên Hiến Từ dựa thế là mẹ ông vua đương quyền vừa mất, liền lập người con (ghẻ) của Dục, Nhật Lễ — Vong Danh *(Thơ văn Lí Trần,* III, 683) lên ngôi. Do sử quan ghi sau lúc lên ngôi, Nhật Lễ 'muốn đổi lại họ Dương' / 156/, ta biết trước kia ông vẫn được nhận làm người họ Trần. Chuyện của Hồ Nguyên Trừng kể lại về Trần Nghệ Tông, cho thấy Nhật Lễ tuy bị hoàng tộc xầm xì, nhưng vẫn chính thức là người họ Trần và việc lên ngôi buổi đầu tương đối suông sẻ. Chuyện Trừng thuật lại thái độ quị luỵ của Trần Phủ (Nghệ Tông) trước một Dương Nhật Lễ bị đánh bại chứng tỏ địa vị chính thức ấy của Nhật Lễ. Sử quan gián tiếp công nhận điều này khi ghi lại lời thương cảm của Trần Phủ trước một Nhật Lễ đến hàng / 159/.

5. Cung Tĩnh vương Trần Nguyên Trác, không thấy nói là con của bà nào, chỉ sinh sau Hiến Tông có 6 tháng / 108/, chết cùng với con vì chống Nhật Lễ / 156/.

Cung Tín vương Trần Thiên Trạch 'anh' của Dụ Tông / 145/, không có năm sinh, chết năm 1379 / 178/, không thấy nơi nào nói cùng mẹ với Dụ Tông.

6. Công chúa Thiên Ninh, rất đàn ông, sẽ đóng vai trò tích cực trong việc giành ngôi lại cho họ Trần, xứng được phong tên lại là Quốc Hinh (hương thơm của đất nước) / 161/.

Công chúa Huy Ninh có chồng là Trần Nhân Vinh chết (1370) trong vụ chống Dương Nhật Lễ, lại lấy Lê Quí Li, mẹ của Hồ Hán Thương.

Công chúa Nguyệt Sơn được Minh Tông gả cho Ngô Dẫn vì ham thông gia với người giàu. Dụ Tông thực hiện ước vọng của cha một cách giản dị hơn: tịch thu gia sản của Dẫn / 149/. Chú ý: sử *không nói rõ* công chúa Nguyệt Sơn là con của Minh Tông.

BÀI SẼ ĐĂNG TRÊN SỐ SAU :

* Những bài thơ mới nhất của Viên Linh.
* Phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần, nghiên cứu sử của Tạ Chí Đại Trường.(phần tiếp)
* Về vấn đề dịch thơ, của Đoàn Xuân Kiên.
* Đọc "Cậu bé và Hoa mai" của Đào Trường Phúc.
* Văn Học phỏng vấn nhà văn Tưởng Năng Tiến.
* Tạp ghi về thơ , của Ngu Yên.
* Câu chuyện của Thầy Hương quản của Ngô Nguyên Dũng
* Buổi trưa , những bông hoa,truyện của Nguyễn Hiền Thảo.

BẢNG VI

IX. Trần Phủ NGHỆ TÔNG

(1322 - 1395)

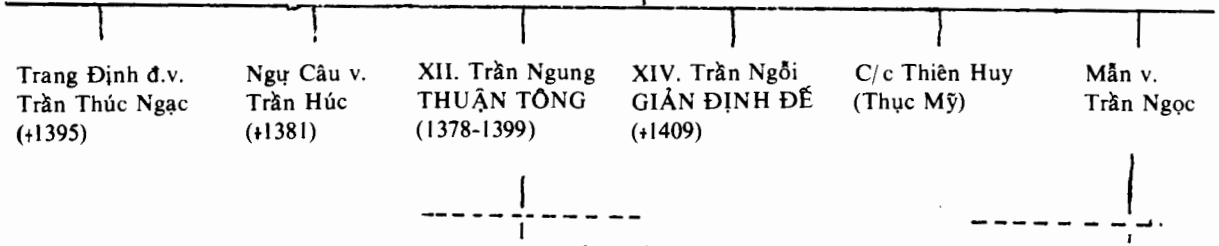

Chú thích BẢNG VI :

1. Nghệ Tông (tên húy khác : Thúc Minh -- *Thơ văn Lí Trần* III, 282), có vợ cả là Huệ Ỷ phu nhân, Thục Đức, Thục Từ hoàng hậu, chết năm 1370 /158/, nhường ngôi cho em (con dì ruột) là Duệ Tông. Một người vợ khác sinh ra Trần Ngỗi, chết năm 1409 /238/, chắc lúc thường ở địa vị thấp nên các sử quan lấy tên tử niên hiệu của Giản Định (Hưng Khánh thái hậu).

2. Có Thúc Ngạc, con Nghệ Tông, làm tư đồ coi trấn Thái Nguyên năm 1375 /167/. Năm 1388 lại có thái úy Ngạc âm mưu với Trần Nghiễn giết Quí Li. Nghiễn chết mà Ngạc lại không việc gì, lại được đề nghị nối ngôi (từ chối) và phong đại vương. Như vậy, thái úy Ngạc là tư đồ Thúc Ngạc, thoát chết chỉ vì là con Nghệ Tông. Thuận Tông, con út của Nghệ Tông chỉ bị giết khi ông thượng hoàng này chết năm 1395. Tuy thoát nạn, Ngạc vẫn lo sợ nên đến năm 1391 lại trốn đi và bị Quí Li ngầm sai giết chết. Người giết bị Nghệ Tông truy xét phải tự tử. Lại thêm bằng cớ Ngạc là con Nghệ Tông và chính tên là Trần Thúc Ngạc.

3. Ngự câu vương Trần Húc lấy (1376) công chúa Tuyên Huy, con gái Duệ Tông /169/, theo Duệ Tông đánh Chiêm Thành, bị bắt (1377), lấy công chúa Chiêm /169/, theo quân Chiêm về cướp Nghệ An (1378) /173/, bị Đế Nghiễn (có phần chắc là Nghệ Tông) dụ (?) giết (1382) /177/, Húc được vua cha quí mến đến bực nào mà có tước hiệu Ngự Câu (con ngựa non của vua?). Điều này giải thích được tại sao ông chịu "dụ" không?

4. Trần Ngung, con út Nghệ Tông, hẳn là con một bà phi lớn cấp hơn mẹ Trần Ngỗi, lên ngôi năm 1389, có vợ chính là Thánh Ngẫu, con gái lớn của Quí Li, đẻ ra Trần An, Thiếu Đế (1398) /203/.

5. Không rõ vị thứ giữa GIẢN ĐỊNH ĐẾ Trần Ngỗi và Mẫu vương Trần Ngọc, cha TRÙNG QUANG ĐẾ Trần Quí Khoáng, người kháng Minh chết năm 1414, trên đường bị giải về Trung Quốc /239, 249/.

BẢNG VII

X. Trần **Kính DUỆ TÔNG**

Chương Vũ đ.v. Trần Vĩ (1360- ?) | **Trần Nghiễn (1361-1389) XI. PHẾ ĐẾ** | T. Nguyên Diệu (-1390) | Chương Tĩnh v. T. Nguyên Hi | C/c Trang H | C/c Tuyên H

Thuận Đức vương Trần X

Chú thích BẢNG VII :

1. Duệ Tông lên ngôi năm 1372, có vợ là em con chú Quí Li /185/, thần phi Hiển Trinh /164/, trùng tên hiệu của công chúa con Trần Đại Niên, thần phi của Hiến Tông /131/. Hoàng hậu Gia Từ này /165/ chết năm 1387, có con là Trần Vĩ, nhờ năm phong tước Chương Vũ đại vương mà ta biết năm sinh, nhưng không rõ năm chết /165/.

2. Trần Nghiễn Phế Đế, có vợ là công chúa Thiên Huy (xem Bảng VI). Vì việc Nghiễn bị giết, ta biết Duệ Tông có hai người con trai nữa là Trần Nguyên Diệu hàng Chiêm năm 1389 /188/, đi theo Chế Bồng Nga, lại trở về (1390), bị giết /189/, và Cung Tĩnh vương Trần Nguyên Hi /190/. Thứ tự các người con trai của Duệ Tông có vẻ rõ rệt.

3. Công chúa Trang Huy được gả (1375) cho Trần Nguyên Dận /167/, con trai Cung Chính vương Trần Sư Hiền. Dận bị Quí Li giết (1395) cùng với Phủ Quân ti Trần Nguyên Uyên /197/ con Cung Tín vương Thiên Trạch. Sư Hiền hàng Minh năm 1407 /228/.

BẢNG VIII
Những người ít biết đến.

1. BẢO HƯNG VƯƠNG chỉ được nhắc tới để biện minh cho việc Anh Tông trọng Đoàn Như Hài /91/, và tính thận trọng của Minh Tông /132/.

2. BẢO UY VƯƠNG TRẦN HIẾN (-1347), muà hạ năm 1346 được sai đi đánh Ai Lao, thắng trận, nhưng năm sau bị giết vì tội trộm áo quí của Dụ Tông, bị Minh Tông giáng chức, sai người giết chết trên đường lưu đày /136, 137/.

3. BẢO VŨ (VƯƠNG) được nhắc như người Tôn thất gần mà không có tài /132/.

4. CHIÊU HOÀI HẦU TRẦN HIỆN (-1314), năm 1294 được trông coi quan chức ở cung Thánh Từ (của thượng hoàng), chức vụ quan trọng, nên năm 1303 được phong làm phụ quốc thái bảo và chết ở chức này /71, 88, 103/.

5. CHIÊU THÀNH VƯƠNG, tháng 4 âm lịch (1285) chỉ huy đánh trận Tây Kết với Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái /55/.

6. CHÍNH TÚC VƯƠNG TRẦN KHAM (hay ***Hưng Túc vương),*** chồng của công chúa Thiên Ninh Ngọc Tha (hay Bạch Tha) (1342) /134/.

7. CUNG CHÍNH VƯƠNG TRẦN SƯ HIỀN được phong tước này vào năm 1371, cha chồng công chúa Trang Huy, năm 1377 được Nghệ Tông sai giữ cửa Đại An chống Chế Bồng Nga, hàng Minh

năm 1407 /161, 167, 170, 227-228/.

8. CUNG GIẢN VƯƠNG TRẦN NGUYÊN THANH chỉ có tên, chết năm 1350 /138/.

9. CUNG MẪN VƯƠNG TRẦN NGUYÊN HỬ, cũng chỉ có tên, chết năm 1346 /137/.

10. HOÀI NHÂN VƯƠNG TRẦN KIỆN, cùng với Trần Quốc Toản, vì nhỏ tuổi không được dự hội nghị vương hầu ở Bình Than (1282) /49/. Không phải Chương Hiến hầu Trần Kiện hàng Nguyên năm 1285 vì người sau này có tước khác đã được coi quân, lớn tuổi, có con.

11. HUỆ TÚC VƯƠNG TRẦN ĐẠI NIÊN (1306-1360) làm phò kí lang (1322) /113/, đi đánh Chiêm không được (1326), trong chuyện tỏ ý chống Phật với Minh Tông, gả con gái Hiến Trinh cho Hiến Tông (1337), gả con gái thứ 4 là Ý Từ cho Dụ Tông (1349), làm bình chương chính sự (1360) và chết /117, 131, 137, 147/.

12. HƯNG ĐỨC HẦU TRẦN QUÁN, trong chuyến Nguyên xâm lăng 1387 đón đánh giặc ở Lãnh Kinh /59/.

13. HƯNG HIẾU VƯƠNG đánh người Man ở Đà Giang /122, 131, 132/.

14. NGHI VỖ HẦU TRẦN QUỐC TÚ cùng với Trần Nhật Duật giữ nước khi Anh Tông đánh Chiêm (1312) /101/.

15. NHÂN ĐẠO VƯƠNG /22/ là em Trần Cảnh. Ông Hoàng xuân Hãn (Tập san *Khoa Học Xã Hội* số 7, Paris, 1980, 81) cho Nhân Đạo Vương 'có lẽ' là em ruột Thái Tông. Xét việc làm sui dự tính và việc phong tước cho anh em bắt đầu từ Thái Tông, ta thấy việc phỏng đoán của ông Hoàng xuân Lãm trở thành xác định vì thứ bực Trần Liễu (1), Trần Cảnh (2) đã rõ.

16. NHÂN ĐỨC HẦU TRẦN DA /Gia/, theo Lê Tắc /ANCL., 88/ phục kích quân Ô Mã Nhi bên trong cửa Vạn Ninh (Lãng Sơn) không thành (11-11 âm-lịch 1287).

17. NHÂN ĐỨC HẦU TRẦN TOÀN, theo *Toàn thư* /59/ cũng phục quân thủy của Nguyên ở vũng Đa Mỗ ngày 28.11 âm-lịch, 1287. Sự việc chứng tỏ Toàn, Gia có thể chỉ là một người, còn chi tiết có khác về việc thắng bại chỉ là chuyện thường của phe phía thôi.

18. NHÂN TÚC VƯƠNG TRẦN TOÀN năm 1273 được phong nhập nội phán đại, tôn chính phủ đại tôn chính, có lẽ là chức trưởng tộc /39/. Không biết chừng đây là dòng của Trần Liễu.

19. THIÊN GIA (công chúa) người cùng với Trần Sư Hiền hàng Minh năm 1407 /228/.

20. THƯỢNG TRẤN (công chúa) vợ Trần Quang Triều.

21. TRANG THÀNH VƯƠNG, làm tiên phong trong chiến dịch đánh Ai Lao 1294, bị vây, được Phạm Ngũ Lão cứu /73/.

22. TRẦN DI ÁI/ Trần Ải được cử đi sứ năm 1281, được Nguyên

phong làm 'lão hầu' /47-48/ (ANCL., 210, 'An Nam quốc vương') để thay Thánh Tông, là 'chú họ' của vua (Nhân Tông). Người chú *Toàn thư* /262/ cho rằng Ái về thay Nhân Tông vì sự việc xảy ra vào thời Nhân Tông. Nhưng Lê Tắc sống đồng thời, triều Nhân Tông, khi viết về người chủ nước đương quyền, gọi là 'thế tử' thì đều chỉ Thánh Tông. Điều này dễ hiểu: Nhân Tông làm vua, nhưng thượng hoàng Thánh Tông mới là người nắm quyền thực sự nên dưới mắt người Nguyên (và Lê Tắc viết sách ở Nguyên) chỉ có Thánh Tông.

23. TRẦN ĐỖ, con của thượng vị hầu Trần Tung, mẹ lấy Quí Li /182/.

24. TRẦN LÃO (thượng vị hầu) bị tội 'làm thư nặc danh phỉ báng nhà nước' năm 1283 /49/. Xét việc Trần Thôi (Bảng III) xảy ra trước 1284, ta ngờ rằng đây là Trần Thôi mà tên Lão chỉ có nghĩa là 'già'.

25. TRẦN LỆ (phái cuối cùng trong họ nhà vua', phạm tội đại nghịch (?), bị đày ra châu Ác Thủy, Yên Bang nơi 'không thể sống được' (1309) /96/.

26. TRẦN NGUYÊN DẬN, con Trần Sư Hiền, lấy công chúa Trang Huy (1375) /167/, bị Quí Li giết (1385) /197/.

27. TRẦN NGUYỆT HỒ, khi quân Minh sang, được Phạm Chấn lập làm vua ở Bình Than (1407) và bị bắt /234/.

28. TRẦN NHẬT CHƯƠNG 'tôn thất', bị Nghệ Tông giết (1392) vì mưu giết Quí Li /193/.

29. TRẦN TUNG, thượng vị hầu, vợ lấy Quí Li (xem Trần Đỗ).

30. TRẦN TÙNG năm 1396 được sai đi đánh Chiêm Thành, bắt tướng đem về /199/, lại đánh Chiêm năm 1400, được Quí Li cho họ Hồ /209/.

31. TRẦN VẤN đánh Chiêm năm 1400, cũng được cho họ Hồ /209/.

32. TRUNG HIẾN HẦU TRẦN DƯƠNG được vua Trần sai cầu hòa với Nguyên (1285) /ANCL., 87/, bị Thoát Hoan giữ lại. Sách này, trang 226 lại chép là *Trần Thang*.

33. TRUNG THÀNH VƯƠNG, chồng hụt của công chúa Thiên Thành /22/.

34. UY GIÃN HẦU năm 1323 được phong 'chức thấp': tham thị triều chính tri quân quốc sự /114/.

35. UY TỨC VƯƠNG, chồng công chúa Thiên Trân, Thiên Trân chết, lấy công chúa Huy Thánh /94, 147/.

36. VĂN HƯNG HẦU, chồng công chúa Triều Dương, rể Thái Tông /42/.

(tiếp theo)

VẤN ĐỀ LOẠN LUÂN CỦA HỌ TRẦN

Thơ Đặng Phùng Quân

HÀNH TRẠNG

Sông từ thuở nhóm phần thư quyết định
Đất nổi can bằng dậy sóng ưu tư
Chim vẫn hót đầu cành nghe gió sớm
Hỡi nhạc thiều sao trỗi khúc Xuân Thu

Từ trăm họ lê dân còn khốn khó
Ta lại đăng trình theo gót lãng du
Trang lịch sử - đổi thay lời phán xét
Trống trận dàn xuyên giáo mặt nạ thù
Em hãy đứng biên đầu dòng hoả tuyến
Đời, trăm nghìn trái phá ngực trung thư

Kinh khổ hạnh kê vai hồng thánh giá
Chiến trường xa. Non nước bãi sương mù
Ai đã chết ? Vàng phai lòng cô phụ
Xiêm áo nhầu thương hương phấn từ vu
Em hãy đứng biên đầu dòng hoả tuyến
Sống, một lần cho thấm gót thiên hư.

CÕI TẠM

Vàng xưa nhớ thuở lên non
Gánh ưu tư nặng chon von dặm đời
Kinh thề không gợi lên lời
Yêu. Sao tâm nở giữa trời từ vu
Rừng hoang sông núi ơ hờ
Nửa quê chia nẻo mịt mờ tình dâng
Cõi ngoài nơi tạm. bâng khuâng
Gió vương ý gió, lòng vâng lệnh truyền
Tóc phai đôi ngả thệ nguyền
Ngỡ cầu sương cũng trinh nguyên má hồng
Ngày thâu điểm tuyết giọt rồng
Thương người mắt lệ muôn trùng héo hon
Ngõ về mỏi gót chân son
Bơ vơ hồn cũ niệm chôn cuộc sầu
Tạ từ lá cỏ hoa ngâu
Chìm theo ngày tháng -

Phố Tịnh

Nhân một vài hiện tượng văn học mới.

Tặng Trần Quý Sách

Tháng 9 năm 1986 Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển đã quyết định trao giải thưởng Nobel văn học 1986 cho nhà văn da đen Wole Soyinka (nước Nigeria). Đây là giải văn học quốc tế hàng đầu, cho nên thật vinh dự cho một nhà văn ở thế giới thứ ba khi tác phẩm của ông được công nhận là một cống hiến xuất sắc cho việc xiển dương giá trị truyền thống và những tư tưởng tiến bộ về cuộc sống, về xã hội đang sôi bỏng giữa trận chiến ý thức hệ quốc tế. Tưởng cũng nên nhắc lại là trong thập niên qua Soyinka là nhà văn thứ nhì thuộc đội ngũ nhà văn các nước nghèo Á-Phi-Mỹ La tinh được trao tặng giải này; người đầu tiên là Gabriel Garcia Marquez (nước Columbia) được trao tặng giải thưởng năm 1982.

Giải Nobel văn học thường trao cho các nhà văn có những cống hiến xuất sắc vào tư tưởng nhân bản và nghệ thuật văn học. Những năm gần đây, giải này không tránh khỏi tác động của những thời tiết chính trị trong hoàn cảnh thế giới sôi động vì chiến tranh lạnh và nóng khắp nơi. Ngay ở lục địa châu Phi da đen, chủ nghĩa apartheid đang là cái gai quái đãn đâm buốt vào lương tâm lương tri nhân loại. Giá trị của văn học châu Phi những năm gần đây là ở chỗ nó lên tiếng nhân danh quyền sống của người da đen vốn có một truyền thống lâu dài về văn hóa nghệ thuật. Tiếng nói văn học da đen đã vang dội quốc tế từ rất lâu: ta đã biết tiếng thơ trầm lắng của Leopold Senghor, hay tiếng thơ Augustino Neto hào sảng; thế giới cũng đã quen với tiểu thuyết của Chinua Achebe. Đến Soyinka, tiếng nói châu Phi da đen được chuẩn nhận giá trị

của nó. Trao tặng giải Nobel Văn học cho Soyinka năm nay là thừa nhận giá trị của mảng văn học châu Phi da đen mà Soyinka là một người thay mặt; đồng thời, nó cũng phần nào nói lên thái độ của công luận đối với những bất hạnh mà người da đen đang chịu đựng trên chính quê nhà mình. Văn học đã đánh thức lương tâm thế giới đấy chăng?

Wole Soyinka trưởng thành trong một xã hội châu Phi cũng "khẩn trương" như đất nước chúng ta. Ông làm văn, viết kịch với tâm thức một nghệ sĩ luôn luôn gắn bó với thân phận châu Phi, làm nhân chứng ghi lại những kinh nghiệm máu xương của xã hội mình, *và làm tiếng nói lương tâm* của thời đại mình. Đó là thời đại dành cho anh ta để lên tiếng đáp ứng tận cùng bản chất của anh ta như chính lời ông phát biểu về sứ mệnh văn nghệ. Vì thế mà ông đã *"vượt thoát vòng vây của những chủ nghĩa thời trang Leninist, Stalinist, Maoist vốn chỉ là những khuôn sáo rỗng và khô cằn trong vỏ danh từ học thuật mà chẳng liên hệ gì thiết thân đến những yêu cầu của xã hội cả".*

Những cai thầu văn nghệ Cộng sản ở những nước thế giới thứ ba hẳn phải nhíu mày suy nghĩ về lời phát biểu thẳng thừng trên đây. Họ vẫn tự đắc với những tiêu chuẩn, lí tưởng văn học Mác Lênin và nhìn đâu cũng thấy "hạn chế", "nhược điểm"...

Bạn bè chúng ta ở VN có lẽ đã được thông tin về giải Nobel năm nay, nhưng không hiểu có được thông tin về những quan điểm văn nghệ của người được giải? Hẳn là họ sẽ ấm lòng bao nhiêu khi biết rằng ở phương xa có một người đã nói hộ tâm sự sáng tác của mình.

Tâm sự? Chính thế, cái nỗi lòng thầm kín ấy cứ nghẹn ngào từ sau vụ Nhân Văn/Giai Phẩm đến giờ. Ba mươi năm biết bao là dâu biển. Nhưng văn học ở nơi đó nở rộ một vườn "vạn thọ" như lời cảnh giác của Phan Khôi đã báo trước. Một nhà thơ như Quang Dũng đã từng có những vần thơ đẹp để về một thời tuổi trẻ tuyệt vời của người Hà nội; sau hòa bình (1954) lui về bóng tối, mãi đến những ngày gần đây mới được nhắc nhở lại khi các nhà cai thầu rao in tuyển thơ của ông có tên là *Mây đầu ô*. Một cây bút phê bình đã viết thế này:

"Trong *"Nhớ Tây tiến"*, anh không dùng đến phép hóa thân, phép giấu mình. Trong nỗi nhớ của anh những nét hiện thực của hoàn cảnh gian khổ và những *cảm nghĩ tài hoa nghệ sĩ* cứ xen lẫn... Bài thơ được nhiều người thích vì tính chất tài hoa của nó... Đâu phải cứ có thơ in bán phố phường thì người đọc mặc nhiên công nhận là thi sĩ *đích thực*. Anh làm thơ quá ít, chỉ làm thơ theo cảm hứng. Mà cảm hứng của anh như đám mây trời lang thang, không có ý thức nhanh nhạy về thời gian, không gian. Mà thơ in báo, in

vào tuyển tập thường phải có tính thời sự khá rõ...".

Và bài viết trên báo Văn Nghệ (Hà nội, 1986) đã kết thúc thế này:

"Quang Dũng đã đưa đến cho chúng ta phần tốt đẹp nhất của tâm hồn mình, của cá tính sáng tạo của mình, trong đó có những bài thật có chân tài. Ta trân trọng những bài thơ của anh như trân trọng tâm hồn anh: một tâm hồn chân thật, khiêm tốn và luôn luôn mang nặng tình đất nước quê hương, luôn luôn ước mơ... từ lúc còn trai trẻ đến lúc tóc đã ngả màu."

Tạ ơn trời về một sự "xét lại" kịp thời đối với một tài năng bị bỏ quên! Luồng gió mới chăng? Còn quá sớm để gọi tên một sự chuyển dịch—thường rất hiếm hoi — ở thị trường chữ nghĩa Cộng sản. Nhưng có thể ghi nhận thêm ở đây vài "hiện tượng lạ" khác trong năm 1986 trong sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Ta hãy đọc đoạn viết sau đây:

"Ca khúc (của các cây bút cai thầu âm nhạc) nói đến cánh đồng nhiều tấn, nói về điện, về rau, về heo gà, về cửa hàng ăn uống, về biển, về sông. Chúng ta đã viết rất nhiều về người công nhân, người lính... Nhưng đó là người công nhân trong xí nghiệp, người lính ngoài biên giới. Những con người ấy ngoài nhiệm vụ ra vẫn còn có một đời sống bình thường, đời sống của một con người đơn giản nhất với tất cả niềm vui và nỗi buồn của họ, con người thường ngày với những bất hạnh và hạnh phúc của nó. Chúng ta hoặc vô tình, hoặc cố ý chưa đề cập đến... Tôi nghĩ rằng muốn có một *nền nghệ* thuật nhân đạo thì nghệ thuật ấy phải nói đến *con người, phải đứng về phía con người*. Con người với tiếng cười và tiếng khóc bình thường, với tình yêu và cả sự đánh mất tình yêu... Làm thế nào để có được những tiếng nói sâu sắc, đậm nét, nếu chúng ta không chạm đến tận cùng của tiếng cười, tiếng khóc, của sự sống và cái chết của con người... Nói chung, tôi ước mơ trong ca khúc ngày mai của chúng ta có *chân dung thật đầy đủ* của một đời người, một con người bình thường lúc nào cũng có thể gặp gỡ được" (Phát biểu về ca khúc Việt Nam hiện nay, in trong tập san Liên hoan ca múa nhạc TP.HCM lần 2/1986).

Tiếng nói của ai thế? Một cai thầu văn nghệ nào vậy? Không, một người quen thuộc của chúng ta hôm qua — Trịnh Công Sơn. Anh ta được nói những lời này chẳng phải là vì tình cờ hay vì lưỡi kéo kiểm duyệt sơ sót. Anh ta chỉ nói ra cái tâm sự sáng tác mà ở gần nửa vòng trái đất bên kia, Camus trước kia đã nói lên, và gần đây Soyinka cũng đã nhắc lại.

Không biết tôi có cần nhắc lại với anh ở đây chuyện xảy ra đã sáu năm có lẽ ở chính đất nước chúng ta, khi một anh trí thức CS hẳn hoi tỏ bày ý kiến về ba mươi năm văn học (Cộng sản) Việt

Nam? Anh ta nói rằng ba mươi năm qua, văn học (CS) Việt Nam chỉ là "văn học hiện thực *phải đạo*", vì nhà văn chỉ viết theo đơn đặt hàng của nhà chính trị, chỉ viết về con người *như máy*, lúc nào cũng lên gân, hô khẩu hiệu rất tài. Anh ta đã thận trọng đến điều dùng lời nói xa xôi cầu kì rằng nhà văn (CS) Việt Nam cứ bận tâm nói đến *"con người phải là"* mà quên mất *"con người đang là"*! Thế là suốt năm 1980 và 1981, tất cả các báo chí lớn nhỏ đều đăng bài phản pháo của tất cả các quan to quan bé, các cai lớn cai con của nền văn nghệ CSVN; chúng nguyền rủa anh trí thức "cận thị" kia là đã *to gan sổ toẹt* hết cả những thành tựu "to lớn" của văn học nghệ thuật (CS) hơn ba mươi năm ròng rã dưới sự lãnh đạo "sáng suốt" của Đảng! Anh trí thức kia vuốt mặt không kịp, đành phải lủi mình về giảng đường vì cái tội "nói đâm hơi".

Đến hôm nay, lời anh ta mới được chứng minh rõ ràng là có lí. Văn nghệ không thể bỏ quên *cái đang là, con người đang là!* Không bao giờ.

Và cũng không biết tôi có thể nói thêm ở đây một "hiện tượng lạ" khác trên thị trường văn nghệ Việt Nam hôm nay? Chẳng là, trên tờ báo "Tuổi Trẻ Chủ Nhật" (tờ báo của Đoàn Thanh niên, những tên CS oắt tì bảo hoàng hơn vua) số ra mới đây, có in một bài thơ làm ra từ 1981 của một anh thi sĩ trẻ, trẻ như Phùng Quán hay Trần Dần năm xưa. Bài thơ của anh ta dài lắm, nói về nỗi thất vọng của tuổi trẻ VN, về thực trạng đốn mạt, giả dối của xã hội VN dưới sự lãnh đạo sáng suốt (!) của Đảng. Anh ta lay tỉnh mọi người thế này:

Năng động lên nào!
Từ mỗi tế bào, từ mỗi giác quan
Cố nhiên cần lưu ý tính năng động của cái lưỡi
Lời nói thật thà có thể bị đem ra xử tội
Lời nịnh hót dối lừa có thể được tuyên dương
Đạo đức giả có thể thành dịch tả
Lòng tốt lơ ngơ có thể lạc đường...
Cần lưu ý:
Có cái miệng được chế thành cái bẫy
Sau nụ cười là lởm chởm răng cưa
Có cái môi mỏng ráp hơn lá mía
Hôn má bên này: bật máu phía bên kia
Có trận đánh úp nhau bằng chữ nghĩa
Cần lưu ý:
Có lắm nghề lạ lắm
Nghề mánh mung cửa cổ bóp hầu nhau
Nghề chửi đổng, nghề ngồi lê, nghề vu cáo

Nghề ăn cắp lòng tin và chẹt họng đồng bào
Có cả "nghề siêu nghề" gọi là nghề không-làm-gì-cả...
Thọc gậy bánh xe cũng là một thứ nghề.
Bộ siêu tập những điều ngang trái ấy
Là phù chú ma tà ru tiềm lực ngủ mê.
(Nguyễn Duy, "Đánh thức tiềm lực")

Chúng ta không ảo tưởng ngồi vỗ tay mừng, hoặc chờ đợi một sự diệu kì thần thoại. Những hiện tượng mới chấm phá trên chỉ mới là những dấu hiệu chỉ báo về một sự chuyển mình tất yếu của mặt trận văn học. Tiếng nói của văn học là tiếng nói của lương tâm, lương tri. Văn học có mặt để làm chứng cho cuộc vận động lâu dài bền bỉ mà con người tiến hành trên bước đường chinh phục hạnh phúc. Nhà văn viết nên tác phẩm không phải để dối mình hay lừa người bằng những *tác phẩm giả trá*. Bốn mươi năm qua, chỉ riêng trên đất nước khốn khổ của chúng ta, không biết bao nhiêu là tác phẩm văn học được in ra, nhưng có còn bao nhiêu tác phẩm sống được bền lâu trong trí nhớ người đọc—nếu thừa nhận tiêu chuẩn này là một thước đo giá trị tác phẩm văn học ? Chúng ta có không thiếu những "tác phẩm" ra đời theo đơn đặt hàng của các quan lại văn hóa cỡ lớn cỡ nhỏ: hễ có đợt phát động cải cách ruộng đất thì có các "tác phẩm" viết về nông thôn, về cải cách ruộng đất, và nhất thiết phải có người nông dân được đưa lên địa vị ưu thắng và đợt cải cách phải "thắng lợi vẻ vang". Cứ thế mà nhà văn bị lôi xềnh xệch từ kế hoạch này đến đợt thi đua nọ, nhân vật và hình tượng văn học cứ được tô hồng đẹp đẽ suông sẻ theo công thức "ta nhất định thắng, địch nhất định thua".

Ở một cực đoan khác, ta có không thiếu những tác phẩm ra đời như thể những ảnh sao về những con người ở một xã hội xa lạ nào khác với những tâm trạng chán chường, bế tắc, "nôn mửa" hệt như những nhân vật văn học phương Tây những năm sau thế chiến; giữa lúc quần chúng quay cuồng giữa những cơn lốc chiến tranh và chính trị bất ổn thì nhà văn nhởn nhơ viết về hạnh phúc ở giữa những tà áo hẹp hay trên khoảnh vuông của manh chiếu. Những "tác phẩm" như thế chỉ là sản phẩm của thái độ khinh thường độc giả, và số phận của chúng chỉ ngắn ngủi như bao kiếp bọt bèo khác trên đời.

Thực tế VN mấy mươi năm qua không thiếu những điểm nóng đủ làm chín suy tư về nghệ thuật; thế mà văn học nghệ thuật chúng ta vẫn xanh xao thiếu máu chẳng những vì không khí chính trị bị nhiễm độc đã đành, mà còn do chính đảm lược của nhà văn đã quá bạc nhược để bị dắt đi trên những nẻo đường lang thang như những con rối.

Tất cả những chuyện buồn nói trên sở dĩ có và tồn tại lâu dài như vậy biểu hiện một sự vắng mặt của nhà văn trong một tình thế xã hội mà Sartre đã gọi là khẩn trương. Trong tình huống khó khăn ấy, thân phận con người như treo dưới sợi chỉ mành, sẵn sàng làm con tốt thí dưới tay các thế lực chính trị hắc ám. Trong thế như vậy, nhà văn đứng ở đâu? Thực tế cho thấy không phải nhiều nhặn gì các nhà văn của chúng ta đã *xuống thuyền* như là Camus đã nhắn gửi như thế ba mươi năm trước, khi ông nhận giải văn học Nobel dành cho mình.

Cho nên những dấu hiệu báo trên đây chỉ là điều phải có cho một sự thức tỉnh của một trạng huống trì trệ đã lâu ngày. Tất cả còn nguyên vẹn ở bước chuyển mình. Từ đó đến sự vận hành thực sự, con đường còn xa và còn khó khăn nhiều, đòi hỏi đến dũng khí của những con người trong cuộc. Ở chừng mức này, chỉ có thể nói rằng sự chuyển mình của văn học nghệ thuật ở bên trong xã hội VN đã chứng tỏ một điều : đã đến lúc quần chúng thưởng ngoạn không còn cúi đầu chịu bằng lòng với những gì hiện có, họ *muốn* có một cái gì *khác*.

Tôi không thích trò chơi tiên đoán, cũng không muốn làm ngự sử lên giọng thầy đời. Lượm lặt những mẩu ý nghĩ tâm sự của bè bạn các nơi vào bài xuôi dòng này, tôi chỉ muốn tỏ bày mối đồng cảm của riêng mình với những tấm lòng tích cực vận động cho cuộc trường chinh giành lấy hạnh phúc *làm người*. Văn nghệ để làm gì nếu nó không nói được tiếng nói của lòng người? Dân tộc chúng ta đã phí phạm nhiều quá rồi sinh lực của mình trên mọi mặt sinh hoạt. Liệu rồi chúng ta có chịu bằng lòng như thế mãi không? Nói riêng về sinh hoạt văn học nghệ thuật, liệu rồi chúng ta có chịu bằng lòng với những tác phẩm khô cằn với những con người dối trá hay máy móc vô hồn, và với những tác phẩm khác, với những con người mà hạnh phúc chỉ ở giữa hai tà áo hẹp, hay khoảnh vuông của chiếc giường, mạnh chiếu?

Phố Tịnh

Anh quốc, tháng 10/86

Huy Lực

Sinh nhật năm mươi trên đất người

Tuổi năm mươi ơi !
ngày sinh nhật tha hương trôi nổi dòng đời
lắng cạn đau thương tận cùng ký ức
máu yêu thương cuồn cuộn tim hồng
thơ lên màu bút mực
dòng chữ tuôn thơm ngát phổi tim ta
ngũ thập hề ! tri thiên mệnh cuồng ca...

Đất nước quê hương máu thịt chan hoà
nửa vòng bán cầu ta quay tròn trở lại
tuổi thơ thần tiên đâm bông kết trái
mái trường xưa học làm Nguyễn Huệ-Quang Trung
Bình Định ơi !
nơi chôn nhau cắt rún kiêu hùng
nuôi lớn đời trai kiên cường chí cả
thơ thay hịch vang vang Trường sơn vách đá
tiếng trống Hà Hồi nhịp bước đường đời xa
soi gương anh hùng cười bát ngát với bao la...

Vào tuổi năm mươi dòng sống thực vỡ oà
ta yêu cô gái Việt Nam
thân tặng chồng con dòng đời xuôi ngược
ngày nghĩa đêm tình dáng yêu tha thướt
chất vợ hồng môi thủ thỉ mớm đời ca
tiếng chim Việt lạc tổ gọi bầy
ôi sức sống mới giữa chiều sa...

Sự từng trải năm mươi bật sáng chói loà
ta hoá thơ bay dò tìm vô hạn
quả tim đời tha nhân
độ lượng hương thơ hoà vào ánh sáng
tiên đẹp rồng hùng
rực rỡ lửa dân tộc trong ta
thời gian vô cùng
theo lịch sử thăng hoa...

Đại học vùi thân bốn bể một nhà
bụi phấn kết hoa giảng đường mặt lạ
bao năm rồi giọng cuốc buồn ra rả
ta nói với người hay cho chính thân ta...

Mười hai năm nhật nguyệt lửng lơ
ngày tháng nặng la đà
lượng đời mong manh
trên hồn đau bé thơ quê nhà hắt héo
thơ đời xanh xao
trên thân xác em xinh dày vò hải tặc
mạch đời buồn
quê hương tù ngục uất hận mờ trăng sao
tiệc đời dâng
chợt nức nở nghẹn ngào
nhan sắc mời say
chợt lên hình tội lỗi
bạn bè anh em
trơ xương rừng sâu tóc rối
não cân đời
căng trùng phạt thần kinh ta
tuổi năm mươi
khóc ngất trẻ thơ nước mắt nhạt nhoà...

Có phải sắp nhập bao la
ta thấy sức mình hữu hạn
có phải không làm được gì
cho nước nhà tươi sáng
ta sợ hãi thời gian
nỗi bất lực trong ta cựa quậy lan tràn...

Năm mươi nhé, chân đời đưa bước mỏi
không còn gì ta thôi thúc đường trưa
mắt trũng mong chờ mù mịt quê xưa
thơ chắp cánh mang sầu bay trọn kiếp...
Huy Lực Bùi Tiên Khôi 1987

Nguyễn Bá Trạc

Trời mưa ở Berkeley.

"Và tôi là một mũi tên, một giọt sương đã vụt bay".
Thơ của Sylvia Plath

Berkeley một buổi cuối tuần. Trời đã sang xuân, nhưng hôm nay vẫn trông như một buổi mùa đông, tuy không lạnh bằng. Góc đường Vine và đường Oxford. Nhà cửa làm bằng gỗ, thường là hai tầng, có vườn. Cây cỏ mọc thong thả, không bị cắt tỉa quá cẩn thận như những vùng kỹ nghệ, một vẻ đẹp mềm mại, hoang dã. Mùa này hoa me trên các bãi cỏ bên đường bắt đầu nở, màu vàng da chanh tây, tức là vàng pha xanh lá cây. Trời không nắng.

Ngay góc đường Vine và đường Walnut, một tiệm bán cà phê hột, dụng cụ pha cà phê, ly tách, những cái cối nhỏ xíu bằng đá hoa cương mầu trắng hay mầu đen tuyền như hạt huyền. Tại đây cũng có một quầy bán cà phê pha sẵn cho những người chen chúc sắp hàng mua đem đi. Đem ra trước mặt đường uống túm tụm. Họ mặc quần áo cũ kỹ nhưng đều có cá tính. Nhiều người mang theo sẵn cái ly để mua rẻ hơn được 15 xu. Một ly cà phê giấy 45 xu. Mang theo ly của nhà 30 xu. So với thời giá trung bình 50 hay 75 xu, đó là một tiệm cà phê *to go* rẻ tiền. Cà phê ngon.

Tôi ngồi xuống cái ghế gỗ dài đóng liền vào vách trước cửa tiệm, phía lề đường. Bên cạnh tôi, một phụ nữ trẻ và to lớn, tóc mầu hung. Trước mặt tôi, *một thi sĩ điên*. Gã ngửng mặt chăm chú nhìn trời, đọc những điều khó hiểu, cúi xuống cặm cụi viết với cây bút chì. Tấm giấy trắng chi chít chữ đặt trên mặt ghế xi măng dưới gốc cây. Gã ngồi ở một đầu ghế, khom mình xuống tờ giấy. Viết. Ngửng mặt nhìn trời. Nói lớn những điều khó hiểu.

Đám đông tụ tập trước mặt quán. Ông già râu bạc đeo cái đàn

mandoline sáng nay lại có mặt. Hình như âm nhạc của ông ta không có nét rõ rệt. Hình ảnh ấy chỉ thêm vào cho đám đông một chút nghệ thuật, bên cạnh thi sĩ điên, những người đàn bà cao lớn mặc nhiều mầu đen, đeo vòng bạc, dắt theo những con chó không có nguồn gốc như là lang, vằn, vện.

Berkeley có một cá tính, đối với tôi, là một người ngoại quốc. Những vòng bạc, mầu đen của dạ và vải thô, con cháu của những người *hippy*, truyền thống của ngôi trường đại học nhìn thẳng ra đường Telegraph đầy những nghệ sĩ thủ công nghệ. Người da đen đội mũ len rách, đi lừ đừ. Một cô gái xinh đẹp may vá bên vệ đường, cạnh con chó cuộn mình nằm ngủ mặc kệ người qua lại.

Cái thích của du khách là nhìn những cái mới mẻ, chẳng hiểu gì, mà đối với tôi, một người ngoại quốc, những cái đó là: người đàn bà để râu mép, ông Mỹ trắng râu bạc đeo cây đàn mandoline, những người da đen ngồi trên mấy bậc thềm gỗ. Và, mặt khác, tôi còn là một người giản dị, hơi thô lỗ, kém tinh tế, chìm đắm trong thế giới nội tâm, tôi bất cần *(I don't care)*, tôi xa lạ, tôi nhìn lờ mờ, vì sau hết, tôi còn bị viễn thị.

Quan sát là một sự thú vị. Tất nhiên. Nó làm đời sống đang lù mù bỗng sáng sủa hơn một chút, hoặc nở hẳn ra tươi thắm như những đóa hoa hồng tỉ muội *Pink minimo Minirose*, rất nhỏ, rất chói.

Đời sống hiện gồm có tất cả: Bên kia là trại tập trung, ở giữa là biển cả, bên này, những nhà hàng ăn treo lủng lẳng xúc xích, thịt bò bầm, hoa đào, hoa me đất, hoa hồng tỉ muội, những người Mễ ăn *Taco*, người trắng và đen, *thi sĩ điên*, những thi sĩ không điên. Những nhà khoa học. Những kỹ sư, kiến trúc sư, kinh tế gia, chính trị gia, tài phiệt. Và ở góc đường Vine, đường Oxford, dưới những căn nhà gỗ, bên vệ đường, hoa me đất nở. Tôi đi trên những con đường ấy quan sát, nghĩ, nhìn, dừng lại ghi chú, vuốt ve một con chó mầu nâu, nói chuyện với một cô bé con xinh đẹp.

Berkeley. Tôi nghĩ như bất cứ một du khách lẩn thẩn nào. Hãy hồi tưởng về những du khách Mỹ bụng bự mặc quần ca rô ngắn, không giống ai, đi lênh nghênh trên hè phố Sài Gòn năm xưa với cái máy ảnh. Cái gì cũng chụp. Như một ông Nga Sô. Một ông Trung Cộng. Tôi vừa gặp một đám nữ du khách Tầu. Tầu cộng hay Tầu Đài Loan? Hồng Kông? Họ ầm ĩ mua đồ kỷ niệm bán đồ rẻ tiền.

Ở quán *Gió Đông*, một tiệm sách Á châu, có những quyển sách tuyệt đẹp bằng chữ Tầu và chữ Nhật. Tôi lân la mở ra những trang giấy, ngẫm nghĩ về liên hệ văn hóa, yêu ghét với nhau giữa những người Á châu, tôi thấy văn hóa Tầu đẹp, văn hóa Nhật đẹp, văn hóa Hy Lạp, La Mã, Esquimo, người da đỏ, người Nam Mỹ,

người Trung đông, người Hồi giáo. Tất cả đều đẹp lạ. Mặc dầu vậy, tôi rờn rợn nhìn hình ảnh những cái mũ sắt đe dọa của người võ sĩ *phát xít* Nhật. Rồi tôi lưu luyến cái hình bìa đơn giản của một nhà văn Tầu. Quay lại ngắm cái ảnh cô *Gheisha* mặt phấn trắng. Người Nhật thực là một giống đặc biệt. Và người Việt Nam vừa nghèo, vừa nhỏ, vẫn kiêu hãnh và độc lập.

Những món nợ ràng buộc người Việt về văn hóa. Tôi rất chán nợ nần.

Phải mất thì giờ rất lâu để tìm cho mình cái nhìn sòng phẳng về mình, rồi về dân tộc mình, ý niệm quốc gia, nhân loại, tất cả những cái nhìn sòng phẳng về những nền văn hóa đẹp đẽ khác trên thế giới, mở đôi mắt ngắm vẻ đẹp của đất bùn trét trên mặt những vũ công Phi châu, chiếc váy sặc sỡ của một cô con gái Tây Âu hay Đông Âu, khuôn mặt trang điểm tỉ mỉ như chạm trổ trên ngà voi của một cô gái Tầu có nước da mầu vàng đất. Mà vẫn yêu dân tộc mình mãnh liệt.

"Bạn ơi, tôi sẽ tặng cho bạn cái mặt trăng này. Nếu nó rụng xuống, bạn gắng mà bắt lấy."

Berkeley sáng ra ròn rã với những ly cà phê nóng hổi. Chiều về ngần ngừ, làn khói buông từ những ống khói trên nóc nhà. Trên núi.

Tôi hút một điếu thuốc, nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời xa ánh ngời một giải vàng, phủ lên những đỉnh nhà chọc trời ở San Francisco, cách mặt vịnh mầu bạc, mấy ngọn núi xanh lam.

Bên này là Berkeley. Bên kia là San Francisco. Bên kia nữa là Hà Nội, Huế, Đà Lạt, Vũng Tầu, Hội An. Hồng Kông. Thái Lan.

Văn chương có cái khả năng làm người ta đi lạc rất nhanh trong hiện tại tương lai, quá khứ, đến những điểm khác nhau mọi phía quả đất. Lạc luôn ra ngoài vũ trụ âm u, cô độc, cái lỗ đen sâu hút. Thì cứ trở về lại Berkeley 1987, những thùng đồ gửi về Việt Nam, những người tỵ nạn mắc kẹt trên các đảo bé bằng bàn tay từ năm này sang năm khác, họ điên khùng dưới nắng, trên cát, lở loét và thần kinh xáo trộn vì dồn nén, chẳng một nước nào nhận, kể cả Mỹ, đàn anh khối Tự Do chống với Nga, đàn anh giới Cộng Sản, bạn của Tầu, Cộng sản thân hữu. Còn Cộng sản, họ đã làm cho người ta bỏ nước ra đi.

Tôi nên dừng bút ở đây, điểm một tiếng cười khà. Quay lại bảo: Cookie, có lẽ thay vì làm một tuyệt phẩm điện ảnh, bà nên làm phim tài liệu. Sẽ được trợ giúp tài chánh. Hãy mang máy quay tới các trại tỵ nạn. Hãy chiến đấu cho họ. Bà sẽ có lý do tốt. Sẽ không sợ sai. Và cũng dễ thực hiện thôi.

Tôi hụt một chuyến đi mấy tháng rồi. Bây giờ chỉ sống. Đôi lúc, dừng lại. *Take a break*. Nghỉ một chút. Quan sát. Nghĩ. Ghi

chú. Chia nhau một chút núi đồi, hoa lá. Những con đường lên núi, chim sẻ kêu *luýt chuýt* (Chữ của nhà văn B.V.P. bạn thân của nhà thơ N.T.N.). Tôi cũng cần nói rõ thêm là hôm nay ở đây trời không nắng nhưng cũng không có bom đạn.

Tôi nhìn xuống đường thấy hai cô bạn gái dừng xe, bước ra khỏi xe, ôm chầm lấy nhau. Dơ tay chào. Lên lại xe. Lái xe đi. Đời sống diễn ra đúng nhịp với cái đồng hồ của hiện tại. Những âm thanh xung quanh vang lên trong điện thoại bằng tiếng Anh. Xe chạy rì rào dưới đường và cây lá xanh.

Những bức tường bằng kính vỡ loảng xoảng khi các ngôn ngữ thông thường được ghi chú bỗng vượt lên, nổ tung ra. Tôi đọc T.G., truyện ngắn Vũng lầy đăng trong tạp chí V.H. số mới (Tạp chí tiếng Việt, xuất bản ở *Orang county, California).* Bỗng thấy như vậy. Tôi gọi điện thoại viễn liên hai ba lần từ Berkeley. Tóm dịch câu chuyện ra tiếng Anh bạch thoại, giảng cho Cookie. Bảo đó là một mảng tin tức nữa để cuốn phim tương lai của bà về Việt Nam *nếu có,* được phong phú hơn. *Toàn ảo tưởng.* Đôi khi văn nghệ chỉ là ảo tưởng. Rồi cũng có khi là bom.

Tự trong cùng mỗi người nghệ sĩ, họ đã nổ tung ra.

Sự nghiệp của thi ca, văn chương, phim ảnh, hội họa, triết học... là những mảnh vụn nổ tung ra. Chắp lại thành những cuốn sách. Những bố cục mầu. Những bức tượng đào lên từ đất, đầu một đàng, tay một nẻo. Có khi sứt mũi, sứt tai.

Người nghệ sĩ cặp giò khẳng khiu vẫn đẹp như chúa Giê Su đóng đinh trên thập tự giá. Bị ném đá. Bị xua đuổi.

Sự nghiệp của nghệ thuật làm bằng những mảnh vụn tan nát. Đây là thời đại của chúng ta: Tượng làm bằng những lóng tay, những mảnh xương tìm lại được. Bằng hoài niệm. Bằng yêu thương và căm thù. Bằng cô đơn thất lạc, chết chìm trong cuồng phong bão tố. Tù ngục. Bom đạn. Chia cách. Làm bằng la de *Budweiser* Mỹ. *Vodka* Nga. *Mai quế lộ* Tầu. Bằng nước mắt và các thứ độc dược. Những đứa con lai. Những đứa con côi. Những cuồng lưu. Những gì vỡ vụn sẽ một ngày hàn gắn lại.

Những hy vọng, tuyệt vọng, rồi lại hy vọng. Tức là máu, nước mắt và sau đó là mồ hôi. Khóc để kiến tạo bằng óc, cảm xúc và bắp thịt, cho những mảnh vụn trở thành cuốn sách, một bức tượng vỡ dán lại bằng keo, *keo điên,* nhãn hiệu thương mại ở Mỹ hiện gọi là *Crazy glue.*

Núi chợt lóa sáng lên màu vàng. Những mảnh tường trên những ngôi nhà lóa lên như vàng. Tôi quay lại sau lưng nhìn. Mặt trời từ bên kia vịnh San Francisco lóa lên như vàng.

Mặt trời vàng, chắc chắn đó cũng là nghệ thuật.

Người ta cứ bảo người viết là một người chứng cho thời đại

mình. Đúng. Chúng ta cần rất nhiều người chứng. Mỗi người là một mảnh của sự thật, bao gồm những gì tầm mắt có thể thấy, dẫu cho người ta có thể bị cận thị hay viễn thị, loạn sắc cũng vậy. Người ta vẫn nghe. Người ta nếm những vị cay đắng ngọt bùi. Ráp tất cả lại *một cách thẩm mỹ*, chúng ta có một bức tượng. Nó tượng trưng cho vẻ đẹp của sự thực (một cách quy ước như Venus là vẻ đẹp). Cho nên người ta ngồi đây nhấm nháp một ly cà phê nữa, vào buổi sáng hôm sau. Mưa phùn. Mưa phùn gây gấy lạnh. Vào một buổi sáng hôm sau, bầu trời trắng đục như nước gạo.

Liệu người ta có thể làm chứng cho tất cả cuộc sống phong phú đang diễn ra ở mỗi góc đường? Ghi hết xuống được mọi cái xấu, cái tốt, những vẻ đẹp? Lòng yêu mến? Sự đau đớn, nhớ thương, tức giận? Hay người ta có quyền chọn ra một cảm xúc trội yếu nhất để ghi lại như ấn tượng về một vệt màu sáng nhất hay tối nhất?

Tôi đây, một sinh vật hãy còn tự do di chuyển trên hè phố, không bị Cộng Sản nhốt trại tập trung, tôi đi la cà, tôi ngồi trong những quán cà phê, đứng lại dọc đường vuốt ve một con chó, gọi điện thoại cho những người bạn ở cách xa 800 dặm, muốn nói gì thì nói. Đồng ý là chống Cộng, *nhưng sau đó là cái gì?* Bạn tôi hỏi. Hôm qua, buổi trưa tôi ăn thịt bò bằm. Buổi chiều, bánh mì xúc xích Ý, cá hồi xông khói, tráng miệng bằng sữa chua trộn với dâu tây.

Ở góc đường *Vine* và đường *Shattuck* là tiệm sách *Black Oak Books*. Trên cửa kính hôm nay có dán một tấm cáo thị mầu tím. Chúng tôi rất vui sướng mời bạn tham dự buổi phát giải thưởng lần thứ sáu của Hiệp hội những nhà phê bình sách thuộc vùng vịnh Cựu Kim Sơn. Diễn giả then chốt: *Carolyn Kiser* nói về *Làm thế nào làm cho con của bạn trở thành một nhà văn, kết quả bảo đảm*. Buổi phát giải tổ chức vào ngày thứ sáu 20 tháng 3, 1987 (ngày sinh nhật của bạn tôi), sẽ trao cho 3 người viết tiểu thuyết, 4 thi sĩ, 2 người về văn học nghệ thuật, 2 người về các đề tài hiện đại, 3 người về sách nhi đồng, 1 người về đề tài của cộng đồng, cuối cùng 4 cuốn sách dịch. Một cuốn dịch tuyển tập thơ của *Yehuda Amichai*. Một cuốn dịch của *Czelow Milosz*. Một cuốn tự truyện của *Semen Ivanovich Karatchikov*.

Có lẽ, tôi nghĩ, đây là một tiệm sách quan trọng. Trong tiệm sách có một phòng nói chuyện chứa được khoảng 100 người. Một cáo thị khác dán trong tiệm sách ấn định lịch trình các buổi nói chuyện của một số tác giả có sách mới xuất bản. Tuần rồi, tôi nhòm vào thấy một ông tác giả hói đầu. *Hệt như Lenin*. Hình như ông ta có đánh phấn cho ăn đèn. Ông có một vẻ thông minh lạnh lẽo.

"The Making of the Atomic bomb". Cuốn sách bìa đỏ, cuộn khói nguyên tử bốc lên mầu vàng. Tác giả, *Richard Rhodes* nói về lịch sử quả bom nguyên tử, *Tracy Kidder* giới thiệu: Đây cũng là một công trình văn chương.

Những tiệm sách quyến rũ tôi, nhất là vì những cái bìa. Nhiều tuyệt phẩm hội họa Trung Hoa được in lại cách tinh vi. Hình ảnh những ngôi đền bằng đá trong những thành phố lặng thinh của người Maya. Và các cô con gái tươi cười.

Mưa phùn. Mưa phùn. Ở Hà Nội có một thứ mưa phùn người ta gọi là *ngoài phố mưa bay xuân bốc rượu, tấc lòng mong mỏi cháy tê tê*.

Tôi đang đi trong mùa xuân và mưa xuân chỉ vừa đủ để ướt mặt. Bình an. Và có lẽ hạnh phúc, tôi nhìn những đóa hoa đỏ nở ra trên lá xanh đậm. Những hạt nước đọng trên cỏ lấm tấm. Long lanh. Và chim bay trong mưa. Văn chương thì chơi đùa với hạnh phúc và bất hạnh, cùng một lúc. Rồi thẩm mỹ, âm nhạc, trộn lẫn với các khát khao về sự thực và điều thiện. Tất cả góp lại thành những bản tự phê, tự kiểm, xảy ra từng giây từng phút trong đời sống của một người viết văn.

Tôi về lại căn phòng. Rồi lại đi ra ngoài phố, Nước ướt nhoè trên mực, trên xấp giấy, nhưng con đường đã khô hơn. Mặc dầu vậy, các cô gái vẫn che dù. Một ông bố dắt tay hai đứa con chạy tung tăng. Tôi dừng lại tiệm bánh mì, số nhà 1512 đường Shattuck, nhìn những cái bánh mì khô mốc treo lủng lẳng *một cách nghệ thuật* trên cửa kính để trang điểm cửa tiệm, để quảng cáo những cái bánh mì mới ra lò thơm phức xếp ở bên trong. Tôi bước qua cái ngân hàng *Bank of America*, nhìn một cô tóc vàng đang lãnh tiền ở cái máy tự động *Versateller*. Cô ta quay lại. Cái mũi quặp xuống như diều hâu. Vỡ mộng.

Tôi bước vào quán cà phê, số nhà 1540 đường Shattuck. Tôi tự làm cho mình thoải mái, một lần nữa, trên cái ghế gỗ *teak*, nhìn những người Berkeley đọc báo, uống cà phê, nói chuyện. Một cô sinh viên cầm cuốn sách. Một cô khác đang chùi vết kem dính trên cái váy đen. Thế giới đi về đâu? Người ta có thể bước ra góc phòng lục lọi trong cái thùng giấy. Một chồng báo cũ. Có thể có cả báo mới ra ngày hôm nay. Bệnh AIDS đang tiếp tục lan tràn. Vatican chống lại việc sản xuất trẻ con trong ống nghiệm. Hãy cầm lấy tập báo Mỹ hàng ngày, bạn có thể đọc một tuần không hết.

Tôi rời quán cà phê ra đường phố tìm thêm một mớ mảnh vụn nữa. Nhưng tôi bất lực. Đời sống thật dài giòng. Và phong phú. Hơn hẳn cái giới hạn của diễn tả và ghi chú. Cái chiều sâu của đời sống là mầu gỗ gụ, người ta không nên tạo ra bằng xảo thuật như là đánh dầu bóng *vẹc ni*. Người ta bỗng đâm ra bối rối liếc nhìn

chung quanh một tiệm cà phê khác, âm nhạc nhẹ, những cô gái mạnh khoẻ hay xinh xắn, một anh *Iran* tóc xoăn, bức tranh vô hình dung mầu tím lẫn với xanh lá cây, *bánh croissant*, và bạn ơi, có một tấm tranh in lại của Modigliani thời lãng mạn cổ dài.

Tôi ngừng lại hớp một hớp cà phê sữa sủi bọt nhẹ, nó nhẹ tất nhiên vì nó là bong bóng. Đời sống ấm và ngọt trôi vào cổ họng, trôi xuống dạ dầy. Như mỗi lần người ta ngừng viết, ngừng sống, ngừng làm việc, ngừng kiếm tiền, ngừng xáo trộn. Người ta ngó vào cặp mắt của những cô bé gái. Hai cô bạn đang uống nước trà ăn bánh nho. Một ông già để râu dê, đội mũ cát két như thủy thủ, ông ta đeo kính cận thị, đọc báo San Francisco, Examiner and Chronicle.

Anh A, B, C, D, E, F thân,

Kết luận là hy vọng. Luôn luôn hy vọng và làm tốt đời sống. Luôn luôn tiến lên, tiến lên. Tiến đi đâu? Đi đâu cũng được. Vào lòng người. Từ lòng mình tiến thẳng ra. Tiến đến một vùng cao sáng: Đất mọc cỏ non và lúa vàng. Sông chảy nước ấm và trong như nước giếng khơi. Con diều bay thẳng giây chứ không rơi xuống lả tả như tranh của V.Đ. Không hằn học. Không khóc than. Không đau buồn. Không chia cách. Một miền cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng điểm một vài bông hoa. Ngòi đầu cầu nước trong như lọc. Đường bên cầu cỏ mọc còn non. Cỏ non? Thứ này nuôi bò sữa thì tuyệt. Rồi gì? Mít ổi chín? Tiên nữ đong đưa hai cánh tay hát bài Thiên thai! Thiên thai! Chúng em xin dâng hai chàng trái đào thơm. *"Và tôi là một mũi tên, một giọt sương đã vụt bay"*, thơ của Sylvia Plath. Chuyện Sylvia tự tử, đó là chuyện khác. Còn trên vùng biển chỉ có cát trắng, nắng ấm và san hô. Những con cá nhiều mầu. Không có ai tự tử. Không có ai chết chìm. Chết ngộp. Chồng chết, vợ chết, con chết. Mày là ngụy. Chính mày mới là ngụy. Cơm hẩm cháo hiu. Thuốt đất sét. Chợ trời mánh mung. Nhà thổ. Bệnh AIDS. Thế giới đây là một thế giới trước cả thời tiền sử, lúc ấy không khí chưa bị ô nhiễm, chưa có các loại vi trùng, nhân chi sợ tánh bổn thiện. Và dẫu cho các cậu trai các cô gái xinh đẹp vẫn thường hay tinh quái, nhưng sự tinh quái ấy đáng yêu, nó không xấu. Nó như văn chương nhăn mũi. Nó là vẻ đẹp của Tây Thi. Và lúc các ý nghĩ cuồn cuộn chảy như sông, hay lững lờ như suối, va chạm, đứt gẫy như ghềnh thác thì tất cả cũng chỉ là vẻ đẹp của thiên nhiên: Mặt trời mọc, mặt trời lặn, ánh sáng, cây cối, vẻ mạnh bạo hơi trẻ con của đàn ông, vẻ tươi tắn vừa muốn được người ta che chở vừa muốn che chở cho người ta, của đàn bà.

Và ngôn ngữ như âm nhạc trôi, không bị câu thúc, ngăn cản, thắc mắc bởi luận lý, vì rồi chính nó là luận lý phát ra từ những trái

tim của nhân loại, trái tim mềm mại như tóc tơ.

(Trích **Chuyện của một người di cư nhức đầu vừa phải** *Văn Nghệ sắp xuất bản trong năm 1987.*

Thơ Phan Ni Tấn

ĐỖ QUYÊN

Chim quyên xưa hót trên cành
Chẳng may lạc điệu chết thành bụi cây
Người sau về ẩn chốn này
Nghe trong xưa tiếng quyên gầy hót ra

YÊU QUÍ

Nhìn sông nắng phủ nhập nhoà
Hấp hiu cuối bãi một tà khói sương
Xa người mấy độ tà dương
Mà sao yêu quí còn vương tấc lòng

NGƯỜI THƠ

Cảm thương con khướu trong lồng
Vô tâm hót lệch mấy dòng chuông ngân
Non cao bước xuống phong trần
Đôi tay rộng lượng thả vần thơ bay

MẢNG SẦU

Mảng sầu trăng rụng non Tây
Làm xao xác vệt chim bay cuối trời
Thương ai tức tưởi mấy lời
Để hoa rụng trắng tâm người trầm tư

NHẮN THĂM

Nhớ cây vú sữa trước nhà
Con trăng lỡ độ đường xa ngủ nhờ
Mười năm nặng một dòng thơ
Hỏi con trăng nọ bây giờ ở đâu ?

NƯỚC BIẾC

Con chim bỏ núi xa đàn
Sớm theo gió bạt xuống ngàn dặm sông
Nước đi xanh biếc một dòng
Hẹn trăng ra biển bỏ buồn cho Thơ.

Hàn Song Tường

Vấn đề giải phóng phụ nữ trong văn chương nữ giới.

Phong trào giải phóng phụ nữ đã thực sự xuất hiện sôi nổi vào những thập niên 60 và 70 trên khắp thế giới từ Âu Tây đến Đông Á. Những tác phẩm của các nữ sĩ, thi sĩ được viết ra đánh dấu một bước tiến mới của người phụ nữ. Những tác phẩm như *Sexual Politics* (1969) của Kate Millet, *The Feminine Mystique* (1963) của Betty Friedan, *The Female Eunuch* (1970) của Germaine Greer đã gây sôi nổi dư luận. Ở Pháp vào đầu thập niên 50, Simone de Beauvoir đã viết cuốn khảo luận "La deuxième sexe", đi tiên phong trong việc đặt lại vấn đề nữ giới trong văn học và xã hội. Từ đó, khắp nơi phong trào giải phóng phụ nữ có rất nhiều thành viên hoạt động tích cực, tạo một hiện tượng mới mà người ta gọi là "cuộc cách mạng tình dục". Văn, thơ của phụ nữ xuất hiện qua mọi ngôn ngữ phản ánh sự tham gia của các nữ sĩ vào phong trào đó. Tôi muốn nói phong trào giải phóng phụ nữ, gắn liền với những hoạt động chính trị, xã hội. Chẳng hạn vào thập niên 70, phụ nữ nước Anh đã tranh đấu giành được những thắng lợi quan trọng như luật trả lương đồng đều, luật cấm kỳ thị làm việc, luật hợp thức hóa việc phá thai và ly dị.

Nếu xét lại lịch sử thì truyền thống giải phóng phụ nữ đã có ngay trong văn chương từ thế kỷ 19 với những tác phẩm của nữ sĩ Jane Austen (1774-1817) của chị em nữ sĩ Charlotte Bronté (1816-1855) và Emily Bronté (1818-1848); trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Jane Eyre* (1847) đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, Charlotte Bronté đã tạo dựng một nhân vật phụ nữ có quyền yêu đương bình

đẳng và tự do trước những ràng buộc của xã hội, và trong những cuốn khác của bà, vị trí của phụ nữ ở ngoài xã hội quan trọng chẳng kém trong gia đình. Có thể nói những tiểu thuyết gia phụ nữ của thế kỷ 19 đã hoàn toàn ảnh hưởng đến các nhà văn phụ nữ của thế kỷ 20. Vào những thập niên đầu thế kỷ 20, một nhà văn phụ nữ khác cũng bầy tỏ quyền lợi của đàn bà, nữ sĩ Virginia Woolf (1882-1941). Bà viết: "Người đàn bà đã phục vụ trong những thế kỷ này như những tấm gương soi có quyền năng ảo thuật và tuyệt tác trong việc phản chiếu hình ảnh người đàn ông hai lần kích thước tự nhiên của nó"(trong tiểu luận *A Room of One's Own.)*

Có phải quan niệm người phụ nữ đấu tranh cho bình đẳng xã hội quan trọng hơn việc tự do luyến ái mà bà Doris Lessing đã nêu ra mối quan hệ gắn bó giữa vị trí của người đàn bà đối với bản chất xã hội. Có phải cuộc đời bi thảm của nhân vật Mary Turner trong *The Grass is singing* (1957) đã hoàn toàn do lỗi lầm của xã hội tạo ra nếp sống, nếp suy tưởng mà thành kiến đã ăn sâu vào xương cốt. Trong cuốn *Children of Violence,* nhân vật Martha Quest ngay từ lúc ấu thơ đã cảm thấy không hòa đồng vào xã hội thuộc địa cũng như gia đình, với người cha ù lì, tiêu cực, bịnh hoạn và quá khứ đầy ảo tưởng huy hoàng giống như đế quốc cổ xưa vậy. Tác giả diễn tả quan hệ giữa hai mẹ con mà người mẹ đã hướng đạo cho cuộc đời con gái. Mới 14 tuổi Martha đã quyết định "Tôi sẽ không như thế này" với niềm hy vọng của nàng về một cuộc sống tốt đẹp, chân thật về một thành phố hoàng kim nào đó, nơi ấy da đen, da trắng, da vàng sống bình đẳng như nhau, không có hận thù và bạo động. Đã từ lâu Martha coi giới phái và gia đình như một đe dọa cho nhân cách độc lập của nàng. Tuy vậy nàng cũng lấy chồng, đẻ con và làm tròn bổn phận của một người mẹ, một người nội trợ tận tụy. Rồi Martha lại sớm nhận ra rằng nàng phải chấp nhận một lối sống tư sản, cho nên nàng nổi loạn bản thân, bằng cách gia nhập đoàn thể Cộng sản để rồi thất vọng về nền đạo đức của xã hội chủ nghĩa. Cuối cùng trong một cuộc tìm kiếm ý nghĩa đời sống đi vào ngõ cụt, đến nỗi nữ sĩ tin tưởng rằng chỉ có thần giao cách cảm mới dẫn người ta thông hiểu nhau.

Cũng giống như Doris Lessing, nhà văn Margaret Drabble cũng không bằng lòng với cuộc đời và xã hội chung quanh mặc dù bà không nhận mình là người trong phong trào giải phóng phụ nữ. Những nhân vật nữ của bà là những người trung lưu có học thức, phần lớn đều cảm thấy xa lạ với đời sống gồm những luật lệ, phép tắc. Trước hết họ xung đột với gia đình, lễ nghi và giá trị ảo tưởng. Trong *The Waterfall* (1969), tình yêu là một phép lạ, một cú định mệnh tuyệt vời, nhưng liệu tình yêu có là một giải thoát, một cứu cánh, dù vậy bà vẫn coi nặng vấn đề gia đình và nhất là con cái rất

quan trọng trong cuộc đời người phụ nữ. Bà viết "có đứa con làm cho cuộc đời tôi có kỷ luật và tổ chức hơn". Việc sinh nở đối với bà là một biến cố, đưa người đàn bà ra khỏi cái tổ kén của thế giới chật hẹp. Trong cuốn tiểu thuyết tâm lý *The Needle's Eye* (1972) nhân vật Rose là một người đàn bà nổi loạn thành thực với cái xã hội đầy tham vọng tiền tài, vật chất, nhưng nàng cũng không thoát khỏi cái lỗ kim "hoàn cảnh". Cuộc phiêu lưu tình ái của Rose không đi tới đâu, khi nàng trở lại làm hòa với chồng. Như vậy yếu tố xã hội đã ảnh hưởng quá nhiều với đời sống bủa vây nàng. Margaret Drabble chú trọng nhiều đến những yếu tố xã hội khi bà phát biểu: "Quả thật trong những cuốn tiểu thuyết đầu, tôi viết về hoàn cảnh thế nào là một người đàn bà, bị kẹt vì có con, hay có con không chính thức, hay bị kẹt vì vấn đề hôn nhân khi không công ăn việc làm. Nhưng bây giờ dần dà tôi ít chú trọng đến điều đó: cuộc đời của con người rộng lớn hơn khi họ càng trưởng thành và sách vở phản ảnh đời sống của con người ta vậy."

Như chúng ta đã biết ảnh hưởng của sách vở phong trào giải phóng phụ nữ, như những khung cửa mở ra trên khắp thế giới đưa người phụ nữ đến gần nhau tạo dựng một tập thể văn chương mà tư tưởng của người đàn bà được diễn đạt, phô bày trong mọi ngôn ngữ. Tôi muốn chọn trong những nữ sĩ của Việt-nam đã gây được ảnh hưởng đến cuộc sống phụ nữ cùng thời. Nhà văn Nguyễn thị Hoàng với quyển *Vòng tay học trò* (1964) đưa ra nhân vật Trâm muốn thoát khỏi cái vòng xiềng xích của xã hội, một quy luật mà con người không dễ dàng cởi bỏ: "nàng nghĩ, tôi ngủ trong phòng, bên lò sưởi, dưới bếp, ở nhà xe, hay đâu mặc xác tôi chứ. Luật Pháp đâu có cấm đoán người đàn bà sống độc thân. Vậy thì tôi muốn sống như thế đó. Và tôi có quyền sống như vậy". Trong đoạn khác bà viết "thôi ngủ đi Trâm, ngủ đi những xao xuyến rộn ràng, những ước mơ thầm kín, những cảm giác mơ hồ vừa thức giấc, thì thầm kêu gọi cho yên những ngày huyên náo cũ, những cuộc tình đã dẫy chết, ánh sáng đã lu mờ từ những đêm khuya. Ngủ yên cho cơn gió bão lại muốn bắt đầu" và "dồn tốc độ đam mê trong khoảnh khắc cho tôi sống một lần và chết một đời". Nhưng sự nổi loạn của Trâm như tiếng kêu la vô vọng trong một sa mạc cuộc đời, bằng âm thanh chiêm bao tưởng tiếng mình chuyền đi khắp địa cầu mà miệng lưỡi vẫn câm lời khó nói. Cuối cùng dấu vết của một xã hội còn dẫy đầy khuôn sáo đã khiến Trâm mệt mỏi, đầu hàng. Trong cuốn *Vực nước mắt* (1968), nỗi đau khổ của cuộc tình sớm gẫy đổ vì chinh chiến, đứa con và vật chất đã ám ảnh Thủy Túy suốt một đời người đàn bà "như tiếng nấc của con cá treo phập phồng vào lưỡi câu oan nghiệt của tay đời mệnh số." Đầu tập truyện là thơ đề từ:

"Không nơi nào tìm đến,
Không nơi nào trở về
Trong vực nước mắt này
Tôi chôn sống."

Có phải bà đã thất vọng giữa một cuộc cách mạng bản thân mà những nhân vật phái nữ tiêu biểu muốn bước ra khỏi luật lệ và ngưỡng cửa của gia đình, đoàn thể và xã hội. Có phải người đàn bà Việt-nam sinh ra và lớn lên giữa chiến tranh, những giọt nước mắt hẳn nhiên được cô đọng vào sách vở, những tập quán như một thành tường vững chắc khó lay chuyển. Những nhân vật của nữ sĩ là vết buồn oan khiên của một kiếp đàn bà.

Một nữ sĩ khác, Nhã Ca tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết và thi ca. Bà viết được mọi đề tài từ tình cảm, tâm lý, đến xã hội, thời thế và tình yêu của bà. Ngoài những tiểu thuyết, bà còn tập *Thơ Nhã Ca* (1973) rất duyên dáng và thành công. Thơ bà trau chuốt, dịu dàng. Những băn khoăn về thời thế, tuổi trẻ, thân phận nữ nhi, như tiếng nói thì thầm và quyến luyến trong bài thơ "Nhã Ca thứ nhất" có đoạn:

"Tôi làm con gái
Buồn như cỏ cây
Chút hồn thơ dại
Xanh xao tháng ngày".

Một bài thơ khác rộn rã một tình mẫu tử bao la, mà bà luôn luôn hãnh diện:

Con nói đi kìa sáng chủ nhật
Chủ nhật sao đầy ắp cửa nhà.
Nụ cười trong máu hơi trong đất
Tiếng nói con đầy lịch sử ta.

Văn chương của bà nói lên được lòng ấp ủ, một tình yêu trong sáng, lòng độ lượng. Bà thành thật trong cả cuộc sống, khi lìa bỏ gia đình để theo người yêu dấu, bà gạt bỏ dư luận thành kiến, còn tồn tại ở xã hội Việt Nam, bà viết: "Tôi sinh ra ở Huế, lớn lên với Huế, nhưng khi trưởng thành đã rời bỏ gia đình bỏ thành phố và ra đi biền biệt." Trong một đoạn bà viết về quê hương, kể những hình ảnh tàn bạo của chiến tranh: "Nhiều loạt súng đạn, nhiều loại tang tóc, đã nổ, đã tàn phá Huế: Công trình ấy không biết từ đâu, nhưng dù do đâu đi nữa, thì cái tội ác tàn phá một thành phố lịch sử là Huế, chính thế hệ chúng ta, thời đại chúng ta phải chịu trách nhiệm." Bà can đảm với mọi thử thách, bà không nghĩ bà chỉ là một nữ nhi yếu đuối, quả thật tinh thần bà kiêu dũng lắm.

Tiểu thuyết của Nguyễn thị Thụy Vũ không mấy chú trọng đến tâm lý mà chú trọng đến xã hội. Bà viết rất táo bạo, thẳng thắn. Trong cuốn tiểu thuyết *Khung Rêu*, bài Thay Lời Tựa có đoạn:

"Từ hồi tôi còn nhỏ, tôi đã chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam. Nguyên nhân chánh của sự suy sụp bệ rạc này ai cũng biết: "chiến tranh, một cuộc chiến tranh dằng dai hai mươi lăm năm, khoảng thời gian gần bằng số tuổi của tôi". Trong truyện, nhân vật Ngự ngay từ thuở nhỏ nàng đã được xếp đặt và nghĩ "đứa con gái 13 tuổi đã rành rẽ về khoa nuôi dưỡng trẻ con, vì đã tập sự làm mẹ từ lúc lên bẩy. Ngự thèm một chân trời khác, xa lánh hẳn ngôi nhà phên vách tênh hênh. Ngần ấy tuổi, đáng lẽ Ngự phải được đi học, như bọn trẻ hàng xóm, chớ đâu sớm biến thành kẻ lãnh những bổn phận nặng còn hơn đội đất, giết lần hồi tuổi thơ ấu" hoặc "Ngự chỉ mong một ngày nào đó có người giải phóng cho mình". Về một nhân vật nữ khác "Lúc nào Tịnh cũng mang mặc cảm cô đơn, nàng dành cho Hoàng tất cả tình yêu không đắn đo. Nàng bám víu vào tình yêu như bám víu vào tôn giáo." Phải chăng tình yêu của hai nhân vật nữ giới trong cuốn *Khung Rêu,* nỗi cô quạnh, niềm mong ước về người bạn tình khác nhau đến độ tương phản. Với Ngự, nàng thích những chân trời xa lạ, bay nhẩy từ vòng tay người đàn ông này đến vòng tay người đàn ông khác. Với Tịnh, một cuộc tình là một vĩnh cửu. Kỷ niệm như một ước mơ :"Anh Hoàng! Một ngày nào đó, anh ngạc nhiên khi gặp lại em nơi khác lâu bền hơn đầm nước này". Đó là tiếng kêu thảng thốt của nàng khi mất người tình, và cuối cùng nàng đã ngã quỵ mặc cho định mệnh và giòng đời cùng cõi chết.

Chính vì những băn khoăn về thân phận người phụ nữ đã đặt thành vấn đề quan trọng khiến cho văn chương nữ giới có một sắc thái đặc biệt và chiếm một địa vị quan trọng trong văn học thế kỷ 20 ở Việt nam cũng như các nước Tây Âu khác trên thế giới. Ngoài mặt văn chương, người phụ nữ cũng đóng góp vào việc giải phóng những ràng buộc câu nệ đã trói buộc người đàn bà trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Đó là lý do tại sao người ta lại gắn liền tên tuổi các nữ sĩ với phong trào giải phóng phụ nữ, mặc dù nhiều khi chính họ phủ nhận có liên hệ với những phong trào này. Thực vậy, phong trào giải phóng phụ nữ có tính cách chính trị thái quá, nhất thời, trong khi văn chương thì êm đềm và vĩnh cửu.

Hàn Song Tường

Đoàn văn Xuyên

Sau ngày bom nổ tìm hồn em trong vũ trụ vô cùng

Cứ cho là có linh hồn bất tử. Nhưng còn nguyên hình tính khi qua nhiều kiếp, chiều ngang chiều dọc ? Khi thời gian như sóng, vỗ lên ngàn vì sao ? Khi ngọn gió càn khôn làm vật-chất-thành-hình-đắc-ý ? Khi mà cách đây mười ngàn năm, nhân loại chỉ độ năm triệu, nay đã hơn năm tỉ ?...

Thì cứ tạm chiều theo kẻ cho rằng linh hồn mới đã trải đường xa, từ cõi khác càn khôn đến (1), hay cứ tạm như kẻ khác nghĩ rằng linh hồn cũ đã qua lò luyện, như nguyên tử gia tốc chạm vào nhau khốc liệt, tan thành nhiều mảnh mới tái sinh (2). Thoạt quên, thoạt nhớ. Không còn gánh nặng xưa ? Nhưng thế sao còn thấy mặt quen, như MacLaine kiếp này vẫn còn nhận mặt người yêu còn vương nợ của hàng chục ngàn năm trước (3)...

Còn nguyên hình tính không ? Và khi yêu Nàng, Nàng còn đó không, khi tìm nhau qua thời gian thăm thẳm, lộng gió cõi vô cùng ? Nhớ lại buổi học trò trung học, đến sân cỏ vùng Tân Sơn Nhất đá banh cùng chúng bạn. Có những lúc gối đầu lên tay nhìn trời mây cao lướt thướt, tưởng như có những sinh vật thông minh từ ngoại tầng không gian ghé đến thăm, cùng nhau đá banh, cười trên cỏ xanh. Linh hồn của cõi khác đó chăng ? Ngày đó yêu người nơi hành tinh khác. Nay vẫn đi tìm...(4).

Đưa tay ra đằng trước, sau ngày đám mây về đổi chỗ muôn người
Hồn em bật tung muôn mảnh nhỏ
Ở các vì sao
Nơi tinh cầu này, qua nghìn kiếp

Tiếng cỏ mọc lao xao, như kiến bò chăm chú
Linh hồn khó nhọc bắt đầu
Biết mình là gió
bật mở toang từng cửa sổ
thét gào
vào khoảng trống xanh tươi
cửa phòng bỏ ngỏ
Linh hồn về thăm cõi cũ
Chẳng nhận quen
những ngày có Nàng có Chàng

Em chôn muôn ngàn tế bào đang sống dậy
trong lòng đất thân yêu - cũng cùng nguồn
Cùng gốc
Hồn em như gió
Gợn sóng từng hơi thở
Mất mình đi, còn đó
Những "thức thể" chạy ngang, "truyền thể" chạy dọc (5)
Anh lấy của người quen, nhiều như bố mẹ

Em làm gì trong nỗi niềm riêng quạnh ?
Xếp chuỗi vòng sinh hoá ban sơ
quấn quít ? (6)

Những hồn thật cũ, sống thật lâu
Như đá đêm trăng lăn trên sườn núi
bật thành tiếng gọi
Những hồn tái sinh sau
Như dòng suối trên rừng
Về nghe mẹ
Như muôn ngàn vụn sắt
Chầu cực nam châm

Nhưng những tinh cầu phát nổ đã lâu, muôn nghìn kiếp trước
Nay mới về trong mắt người, giao động
Như hội đêm trăng

Vì ánh sáng đi quá chậm!

Anh sẽ tìm em trên muôn ngàn ngã tư, ngã sáu
Ngã 12, ngã 100, ngã
5000,
vô tận...
Giữa đêm xanh nhìn quanh bầy tinh tú
Sinh sản như sâu bọ ngày hè
Gió vô cùng lồng lộng
Như gió quê

Tóc bay cả tinh cầu náo động
Nhìn trước sau chỉ thấy thời gian
loáng thoáng đi, về
Tìm em cũ

Linh hồn đã thành muôn tiếng gọi mất tăm
Chỉ còn em trong cõi mình lay động
Em về trong gió lớt phớt ngoài biển hôm nay
Chảy trong máu giận hờn nóng mặt

Thế là còn ?/
Là Mất ?
Như bông Hạnh cũ (7)
Ngày sống chật hẹp
nơi thành phố
Giữa người...

San Jose 3.87.

(1) Quan điểm chung của K.N Jayatilleke (nguyên lý thuyết gia Phật giáo thập niên 60 tại Tích Lan) và G. MacGregor (lý thuyết gia Thiên chúa giáo, Hội Văn học Hoàng gia Anh).
(2) Bruce Golberg (lý thuyết gia Mỹ).
(3) Shirley MacLaine, tài tử điện ảnh Mỹ, trong tác phẩm tự truyện " Out on a Limb".
(4) Có nhiều người có vẻ may mắn hơn, đã tìm thấy . Nhưng không phải là thấy người yêu.(Gần đây nhất là tác giả Whitley Strieber trong cuốn " Communion", 1987, kể lại những lần ông ta tiếp xúc với những dạng thể tựa như các sinh vật từ ngoài trái đất).
(5) "Memes" và "Genes" (Chữ đầu do khoa học gia Richard Dawkins đặt ra, 1976)
(6) Cấu trúc double helix của phân tử DNA
(7) Chu Mạnh Trinh: "Cũng có người bảo tại nước chảy hoa trôi lỡ bước, nên cành đưa lá đón quen thân; nào ai hay bông Hạnh nở ngoài tường , chưa để con ong qua tới"(Vịnh Kiều).

Nguyễn Xuân Quang

Có nàng Tô Thị.

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị đứng chờ đợi ai...

Đoạn đường từ Đồng Mỏ ngược lên Ải Nam Quan con đường cái quan chạy men theo vách đá dựng đứng cheo leo. Từ sáng đến giờ đi xe kiểu dịch độ người Nguyễn bã ra, nhừ tử, đau như dần.

Chiếc ô-tô ca cổ lỗ sĩ, cũ kỹ tơi tả, tang thương, cà rịch cà tàng, khục khặc chỉ bò được một quãng gần một cây số lại phải tạm dừng lại để thở dốc lấy thêm sức. Cái thùng xe, sơn đã tróc không còn chỗ nào to hơn bàn tay, phơi bày ra cái hoen rỉ bẩn thỉu trông đến phát sợ, vá víu chằng chịt bằng đủ thứ đồng nát sắt vụn, từ chiếc ống bơ sữa bò, cái thùng sắt tây dầu lửa, cho đến miếng vỏ thùng "phuy" đập dẹp... Chiếc xe ì ạch đã hơn mấy tiếng đồng hồ rồi mà chưa lết được hết đoạn đường núi đèo, từ thành phố Lạng Sơn lên Đồng Đăng, đoạn đường chỉ hơn mười cây số, nếu làm bài tính về vận tốc, chuyển vận lớp nhất thì chiếc xe còn chạy thua một người chạy bộ.

Dậy từ bốn giờ sáng, rời khách sạn Đồng Lợi ở Hà Nội ra bến để lấy xe đi Lạng Sơn mà vẫn không mua được một chỗ, chàng không tài nào có thể tranh giành cướp giật để mua lấy cái vé xe. Cái vé xe chừng mấy chục bạc, chàng đã đề nghị cho tên tài phụ hai trăm bạc nhưng nó bảo chàng nếu có thể len nổi chân để cướp được một chỗ trên nóc xe thì lên, nó không dám xí chỗ cho chàng sợ bị đánh vỡ đầu. Đường Hà Nội Lạng Sơn mỗi ngày chỉ có hai chuyến xe chạy suốt, từ lúc xảy ra chiến tranh thù nghịch ở biên

giới, nhu cầu chuyển vận gia tăng gấp bội mà số xe vẫn vậy. Cuối cùng chàng phải đi cái kiểu dân miền Bắc gọi là dịch độ. Dịch độ là đi từng chặng, từng quãng. Thoạt đầu lấy xe đi từ Hà Nội lên Bắc Ninh rồi qua Bắc Giang, lên Hữu Lũng Đồng Mỏ rồi đến Lạng Sơn, cuối cùng là từ Lạng Sơn lên Đồng Đăng.

Những cái đệm xe chỉ còn cái khung sắt đã hàn đắp nhiều chỗ, có chỗ phải chằng dây thép, may mắn thì ngồi vào được chỗ có cái miếng ván gỗ, còn không chỉ có mấy miếng tre lót. Lúc đầu chưa có kinh nghiệm, đít và phía dưới đùi bị rệp cắn tịt dầy lên như nổi mần tịt mần đay, sau đó chàng phải cởi cái áo khoác ngoài lót xuống ghế để ngăn cản lũ rệp.

Chiếc xe dừng lại ở một con phố núi nhỏ. Đám hành khách lại bắt đầu la lối chí choé, chửi bới tục tằn, xô đẩy, chen lấn.

Bà cụ già đáng tuổi mẹ chàng đang bị con bé ranh con bằng muỗi mắt chửi rủa như tát nước vào mặt, bà cụ cũng văng tục trở lại nhưng không bằng cái mồm loa mép giải còn dai sức của nó. Suốt từ lúc bước chân lên xe từ Bến Nứa ở đầu cầu Long Biên đến bây giờ cứ mỗi lần xe ngừng lại, đổ bớt khách, lấy thêm khách, trận đấu khẩu võ mồm thô tục đến buồn mửa lại được những cái loa mồm mở hết cỡ phóng thanh ra. Thoạt đầu chàng khó chịu và xấu hổ nhưng dần dà chàng thấy tội nghiệp. Chàng biết dân miền Bắc chửi bới đảng và nhà nước không được đã phóng uế hết những chất bài tiết của cuộc sống tinh thần và vật chất lên nhau.

— Đến nơi rồi anh kia còn ngồi ỳ ra đấy tính ăn vạ đấy hả.

Nguyễn giật mình. Chàng đưa mắt thật nhanh nhìn cái dãy phố nằm giữa rừng núi trùng trùng điệp điệp. Đồng Đăng đây à? Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa. Đồng Đăng cái địa danh lịch sử chỉ cách Ải Nam Quan có bốn cây số. Chàng đã ở Năm Căn Cà Mau bây giờ chàng đang ở nơi đây, ải biên thùy. Trước khi đi chàng đã dở cuốn album gia đình ra coi lại mấy cái ảnh của cha mình thời trước đã chụp ở miền thượng du Bắc Việt, có cái ảnh chụp ở trụ cây số bằng xi-măng hình cái bản lề ở một góc phố Kỳ Lừa, một cánh có mũi tên chỉ về hướng Trung Hoa: Nam Quan 4km, bên dưới có khắc hàng chữ Peking 2971, cánh bên kia có mũi tên chỉ: Cao Bằng 121km, ở dưới có hàng chữ Paris 12.672. Peking một thời đã được xem như là Paris của Á Châu. Ngay trên bức tường phía sau có viết hàng chữ VISITEZ DONG DANG, bên cạnh có vẽ một chú lính Lê Dương cầm súng đứng ở thế thao diễn nghỉ, cái mũi lõ to hơn cái mặt trông giống như mặt con chó Snoopy.

Chàng nhẩy vội xuống xe. Hai chân ngồi bó giò thịt đã đông cứng lại, vết thương bên đùi đau khiến chàng muốn khuỵu xuống, chàng lom khom cho bớt đau và cũng để đưa mắt xuống gầm hàng ghế tìm cái túi hành lý của mình.

Cả cái gầm xe trống rỗng. Chàng cố gắng không tin nhưng trong nháy mắt chàng nhận ra rằng cái túi hành lý của mình đã bị ăn cắp mất rồi. Ngơ ngẩn. Nguyễn biết mình không thể chửi bới lỗ mãng như những lời chàng đã nghe thấy trong chuyến đi về thăm đất Bắc này.

— Tìm gì nữa đấy ?

— Cái túi hành lý của tôi.

— Túi nào ?

— Xe chật tôi nhét xuống dưới chỗ ngồi.

— Anh có nhớ đem theo hay là để quên ở nhà rồi. Đừng có vu cáo mà đắc tội với tập thể, với nhân dân đấy.

— Chắc chắn tôi đem theo mà, cái cậu tài phụ có cầm trao cho tôi lúc lên xe ở Lạng Sơn.

— Này, không ai biết gì cả đấy nhá, ai cầm của cái nhà anh.

Nguyễn biết cái túi đã bị ăn cắp, nói nhiều cũng vô ích. Chàng đứng thẳng dậy vươn vai nhìn xuống cái lũng núi đồi chập chùng xế chiều.

— Bác tài cho tôi hỏi thăm đường đến nhà ông Cún.

— Ở đây làm gì có ai tên Cún. Tên gì mà phong kiến lạc hậu thế!

— Cún thì thiếu gì cún, cún vàng, cún vện, cún khoang, cún mực, cún mốc... thiếu gì ở ngoài bãi...

Một người đàn ông tiến lại, chế riễu chàng. Người tài xế, tên tài phụ và vài người đàn bà còn đang đứng chờ để lấy quang gánh hàng họ hãy còn ở trên nóc xe, nhe răng cười hềnh hệch.

— Ông ta làm trưởng ban công an biên thùy...

Người đàn ông hãm cặp môi đang cười ngon trớn lại nhưng hãy còn chưa vén khéo đủ để che kín được cái hàm răng thô và vẩu của thời kỳ con người hãy còn cạp thức ăn sống chưa biết dùng lửa để nấu chín thức ăn, đúng theo thuyết tiến hóa của Darwin.

— Có phải đồng chí Nguyễn Anh Dũng không ?

Nguyễn nhận bừa :

— Đúng đấy, tôi cứ quen miệng gọi như thuở bé...

Người đàn ông sau một thoáng bàng hoàng lấy lại được bản lãnh của con người xã hội chủ nghĩa:

— Anh là ai? Tàn dư Mỹ Ngụy trong Nam ra phải không?

Nguyễn biết hắn dở trò đàn áp tinh thần mình, chắc hắn là tên công an mật vụ, cán quân gì ở đây, hắn đã nhận diện ra chàng là một kẻ lạ mới đặt chân tới hay đã được mật báo viên báo cho biết nên đã giả vờ ra nói chuyện hỏi han với người tài xế để theo dõi chàng.

— Giấy tờ đâu? Bây giờ bọn phản động, bọn tay sai Trung quốc thù nghịch trà trộn đầy ở đây đấy.

Hắn ngắm nhìn chàng từ đầu tới chân "và cả lũ tù cải tạo vượt thoát..."

Chàng ngần ngừ nhưng biết thân phận mình nên móc túi đưa giấy tờ cho hắn xem.

Hắn xét giấy tờ của Nguyễn, với cái nghi ngờ đã biến thành một thứ di thể nằm trong từng sợi nhiễm sắc thể của hắn, hắn không tin, nhìn ngắm mãi, nhưng cuối cùng rõ ràng trước mắt hắn cái giấy có đầy đủ những thứ cần thiết, hắn có moi móc tìm những giả mạo sai trái mà không tìm thấy, hắn giơ cả tờ giấy lên soi trong ánh nắng tà của miền thượng du.

— Này cái chuyện đồ đạc để thất lạc ở đây đừng có tưởng đi trình đi báo, anh trưởng ban công an không hơi sức đâu mà đi điều tra những chuyện vớ vẩn như thế, đất nước đang thời kỳ giặc trong giặc ngoài... có của không biết giữ lấy...

— Tôi đâu dám đi trình đi báo gì đâu... ông ta là thân nhân của tôi, tôi được phép về thăm viếng...

— Thật thế hả ?

— Tôi đâu trí trá gì.

Cuối cùng hắn đành lòng đưa lại giấy tờ cho chàng.

— Cám ơn ông.

— Ông với bà gì, ăn nói hay nhỉ, phải gọi bằng anh, người miền Nam các anh ăn nói hãy còn lăng nhăng, chưa vào khuôn vào phép cách mạng gì cả.

— Có cái gì trong cái bị hành lý?

— Chỉ có vài bộ quần áo và mấy món làm quà lặt vặt cho gia đình anh ấy.

— Để tôi cho bố trí điều tra xem sao, nếu tìm không ra thì mất ở mãi đâu đấy.

Hắn xoay người lại đưa tay chỉ xuống chòm nhà dưới lưng đồi:

— Nhà đồng chí trưởng ban ở cái chòm cây vải thiều xanh thẫm dưới kia, nhìn thấy chứ, đi qua cái nương thuốc lá và cái nương chè...

— Tôi thấy rồi.

Nguyễn lững thững đi men theo con đường đất núi gồ ghề, thiếu cái túi hai tay thấy thừa thãi nhơ nhớ.

Xuống hết con dốc, chàng nhìn thấy cái chợ con con có mấy cái chõng tre nứa, mấy cái chòi chỉ có một hai căn nhà tranh trông có vẻ "bề thế", người đi chợ chỉ còn lèo tèo ít người. Chàng ghé vào xem có thể mua được cái gì để làm quà thay cho mấy thứ vừa mới mất và cũng muốn tìm cái gì ăn cho chắc bụng, kinh nghiệm bị nhịn đói ở Hà Nội giờ khiến chàng thận trọng hơn. Chàng ghé lại thăm người bà con ở phố hàng Ngang cứ tưởng mình sẽ được mời ăn

cơm, ai dè ngồi cả buổi tới tối mịt bà dì cũng không đả động gì tới cơm nước, mặc dù chàng đã cho gia đình bà những món quà trị giá đến mấy hào chỉ vàng, sau cùng chàng phải lấy cớ đi thăm người bạn ra phố tìm đồ ăn, nhưng những cửa tiệm thực phẩm quốc doanh đã đóng cả, chẳng tìm đâu ra cái gì dằn bụng, cuối cùng chàng phải vào tiệm kem mua cốc kem ăn trừ cơm. Suốt một đêm đầu thăm Hà Nội bụng sôi sùng sục và kem xã hội chủ nghĩa không hạp với cái bao tử, ruột gan tư bản đâm ra bị tiêu chảy. Sáng hôm sau người dì rơm rớm nước mắt nói thẳng với chàng nên đi ăn ngoài vì nhà chỉ đủ phần ăn cho những người cơ hữu. Vào những ngày giỗ tết bà con trong họ phải mang theo đồ ăn gạo nước đóng góp. Chàng đã nắm chặt bàn tay nhăn nhúm như lá chuối khô của người dì, thông cảm.

Dường như sinh hoạt của cả cái chợ ngưng hoạt động, những cái đầu thò ra khỏi cái thế giới ẩn nấp thường ngày, giương mắt nhìn chàng soi mói, dò xét, truy lùng, ngỡ ngàng... Chàng biết mình như người từ hành tinh khác xuống... đi chợ chiều miền thượng du.

Chàng đi lướt qua mấy cái mẹt quà nhà quê mạn ngược, mấy củ khoai mấy khúc sắn luộc, ruồi muỗi bu quanh, người đàn bà sắc tộc Mèo cầm cái que đuôi ngựa làm bằng mấy miếng lá chuối tước nhỏ buộc vào đầu cái que tre dùng để phe phẩy đuổi ruồi nhưng mắt mải nhìn chàng bà ta lại "chăn ruồi", lại lùa lũ ruồi đậu từ phía ngoài vào cho ăn những thứ đang bầy bán.

Cuối cùng chàng bước vào cái quán có vẻ... "khang trang" nhất, tiến lại một góc ghé đít ngồi xuống khúc bương, một thứ tre lớn, dùng làm ghế. Đám thanh niên đang ăn uống ngừng lại "tham quan", chàng mặc kệ, thò tay nắn xem tiền còn hay đã bị móc túi mất rồi cho chắc bụng.

— Anh cần gì ?

Chàng đưa mắt nhìn quanh, dừng lại ở cái chõng thức ăn, mấy nải chuối hột, chuối tiêu bám đen chi chít những ruồi trông như những mụn ruồi, cái thứ mụn ruồi nổi, mấy cái bánh gói lá chuối, mấy ổ bánh đúc bằng gạo lốc màu nâu đỏ, mấy khúc bánh lăn đùi. À bánh lăn đùi! Bánh lăn đùi là cái thứ bánh hồi thuở nhỏ chàng nhìn thấy mấy bà mấy cô làm một vài lần mà nhớ mãi, bột được nhào thành bột nhão bọc quanh cái nhân tròn rồi mấy cô vén quần lên đến bẹn, để cục bánh xuống đùi lăn qua lăn lại cho thuôn tròn dài ra như cái chả Huế, vì thế gọi là bánh lăn đùi, trông cách mấy cô xuân nữ làm bánh thật là ngon mắt... Trên bếp có cái nồi nước sáo còn hơi bốc khói, nhưng khói ở bếp củi bốc lên nhiều hơn... Chàng đưa mắt nhìn quanh nhưng tránh né đám trẻ tuổi.

— Anh ăn gì ?

Người đàn bà giục.

— Có gì ăn đấy bà chị ?

— Có bún măng ngon đáo để !

Măng thì nhất định ở rừng núi này ăn trừ bữa cũng có.

— Chị có bánh cuốn Lạng Sơn ?

Đám thanh niên cười rất là mưởng mán.

Người đàn bà che miệng cười đồng lõa với đám thanh niên.

— Không.

— Cho tôi một bát bún sáo măng cũng được.

Người đàn bà quay đi hình như nói gì với đám trai trẻ khiến chúng khúc khích cười. Nguyễn lơ đãng nhìn ra ngoài rừng núi mờ mịt sương chiều. Không biết Ải Nam Quan nằm ở cái đỉnh núi nào. Nhớ cái vị bánh cuốn Lạng Sơn ăn ở đường Độc lập gần Cổ viện Chàm ở Đà Nẵng, nhớ cái vị phở chua Cao Bắc Lạng của người Tày bán ở con hẻm khu Bàn Cờ Saigon, chàng cười xót xa trong bụng, ngồi ở đất Lạng mà lại nhớ đến bánh cuốn Lạng Sơn, phở chua Cao Bắc Lạng ở Đà Nẵng, Saigon.

Người đàn bà để đôi đũa và cái thìa bằng sành xuống trước mặt chàng, bây giờ chàng mới liếc nhanh nhìn vào mặt cô chủ. Người đàn bà đứng tuổi dáng dấp cung cách vẫn còn phảng phất của một người miền xuôi.

— Anh ở xa mới đến.

— Vâng.

— Đi tham quan hay thăm viếng ?

Nguyễn chợt nhận ra người bán quán đang chấp cung mình. Cái cách đặt câu hỏi y hệt như những tên công an viên.

— Thăm viếng.

— Anh lên đây thăm ai thế ?

Nguyễn ngâm câu trả lời trong óc, ngước lên nhìn thẳng vào mắt người đàn bà, khiến đôi mắt miền xuôi ấy chao đi.

— Thăm gia đình đồng chí Nguyễn Anh Dũng.

Đôi mắt chao thêm như muốn sánh ra ngoài.

— Anh trưởng ban công an ấy à ?

— Vâng, chính anh ấy.

— Anh là người nhà ?

— Vâng.

Chàng nhận thấy rõ đám trẻ im lặng đi, tụi chúng đã nghe thấy những điều chàng nói. Chắc cái "thằng Cún, chó con" sún răng đó bây giờ đã trở thành hùm thiêng Cao Bắc Lạng, chàng nghĩ bụng như thế. Người đàn bà quay đi và cũng không còn ngoe nguẩy chọc quê chàng như lúc nãy.

Nguyễn nhìn cái thìa sành nét vẽ trang trí rất thô sơ, men không tới nước, mực nhoè trông như cái muỗng cổ khai quật ở những ngôi mả các vị hoàng đế thời kỳ mới tìm ra men tráng đồ sứ. Chẳng mấy chốc cái thìa sành đã đựng đầy ruồi, có lẽ rửa hãy còn mùi thức ăn nên hấp dẫn lũ ruồi đói xã hội chủ nghĩa.

Bát bún măng có được ba miếng thịt thâm đen còn toàn là

măng khô mấy miếng hành, có lẽ được ba miếng thịt cũng đã là nhờ ơn ba chữ Nguyễn Anh Dũng chàng nói ra hồi nãy, kể nếu tên thằng Cún dài thêm chút nữa, hoặc nó có tước hàm cao hơn nữa, có lẽ chàng được thêm một vài miếng thịt nữa...

Nguyễn bụng đói bắt đầu sôi sục chờ đón thức ăn nhưng đưa miếng bún vào miệng chàng phải cố gắng sửa sai cái thói xấu của cái miệng tiểu tư sản vốn đã hư đốn vì thích khoái khẩu, thích ăn ngon.

Người đàn bà để bát nước vối nóng xuống trước mặt chàng, rồi chạy ùa ra đuổi đàn gà đang la cà vào quán tìm kiếm đến quáng cả mắt, đúng nghĩa chữ quáng gà, cũng chẳng tìm được một hạt cơm rơi rớt, nên lũ gà cứ nghển cổ dài ra, đầu nghẹo qua một bên. Người đàn bà đuổi lũ gà chạy tán loạn:

— Cha tiên nhân bố chúng mày, bà lại cắt tiết hết bây giờ.

Một lúc sau đám gà lại trở về từ từ nghiêng cổ chiêm ngưỡng chàng. Chàng biết không tài nào nuốt nổi hết bát bún, đành nhặt những miếng măng ăn dần bụng. Cái bát nước vối bằng sành sứt mẻ cáu bẩn trông rất đúng điệu nghệ thuật bếp núc. Chàng gọi thêm cái bánh nếp nhân ngọt, ăn cũng tạm được ít ra cái cảm giác được đám lá che chở lũ ruồi nhặng cũng giúp chàng thấy ngon miệng hơn.

Chàng móc ví trả tiền. Tiền bạc chàng đã được "cố vấn" san sẻ phân tán mỏng ra, bố trí khắp nơi trong người để nếu mất chỗ này còn chỗ khác.

— Anh dùng ít thế ?

Như đã nghĩ sẵn bà ta nói ngay: "cuối nồi thành ra khí nguội". Chàng tiến ra cái chõng đồ ăn tìm xem có món gì có thể mua làm quà cho gia đình mình đến thăm.

— Anh cần gì nữa ?

— Tôi xem có cái gì mua làm quà.

— Anh muốn gì cứ nói nếu không có tôi bảo người chạy cho anh.

Bây giờ nhìn gần mới thấy mấy cái bánh lăn đùi ngả màu cháo lòng, như có màu... ghét.

Mấy con gà chẳng sợ gì người, lẩn quẩn dưới chân chàng. Chàng nảy ra ý nghĩa mua con gà làm quà, nếu không ăn thì cũng có thể nuôi để phát triển kinh tế cũng được. Phải đấy. Nếu chủ nhà tốt bụng hoặc không sợ bình nghị, làm thịt thì mình cũng được một miếng. Chắc cái thằng Cún chó con đó giờ là hùm xám ở đây người còn giết như ngoé thì mổ gà chắc chẳng cần phải xin phép trước.

— Chị bán mấy con gà này không ?

— Mấy con gà này của hợp tác xã chăn nuôi thành Lạng.

Người đàn bà đưa tiền thừa lại cho chàng. "Nhưng nếu anh muốn mua để tôi trình ban quản trị sau chắc cũng chẳng sao, kỳ đại

hội vừa qua ban chấp hành đã biểu quyết cho phép bán rồi vì tình hình thù nghịch ở biên thùy, lúc này... để lại lọt vào tay chúng nó cái xương cũng không còn. Vả lại anh mua làm quà cho đồng chí Dũng chứ có cho ai xa lạ đâu..."

Người đàn bà quay lại nói với đám trai trẻ:

— Mấy chú bắt hộ con gà. Con gà sống thiến kia nhá.

Đám thanh niên đứng bật dậy răm rắp, hồ hởi:

— Anh ngồi uống hết bát nước đã. Nước nụ vối ủ kỹ đấy.

Chị ta níu tay một tên: "đem mấy cái bánh đúc này vào hấp lại cho nóng chút nữa mà ăn".

Một tên thanh niên một tay chìa cái bánh đúc ra như con vật, con gà thấy miếng ăn đứng chết trân như không tin vào mắt của nó, thế là tên đó tóm cổ nó dễ như trở bàn tay.

— Đem ra sau bỏ vào cái rọ chẳng kỹ lại cho ông anh dễ xách.

Tiếng gà kêu oang oác sau nhà rồi tắt nghẹn.

Chàng vẫy người đàn bà lại trả tiền con gà.

— Anh thì tính giá phải chăng thôi. Một trăm bạc một cân. Chỗ tôi với chị Dũng quen biết cả. Đợi mấy chú ấy đem ra cân xem nặng nhẹ ra sao. Anh quen biết như thế nào với anh chị ấy.

Nguyễn nói dối :

— Tôi là anh em con chú con bác với anh ấy.

Và chàng nói thật :

— Và là bạn học cũ của hai anh chị.

Đám người trẻ tuổi theo sau con gà đã được bỏ vào cái rọ mắt cáo bện bằng thân cây nứa, cây giang, những giống tre bọng, thân rất mỏng, đã đập dập có cả cái quai để đeo vai. Một đám rước... gà bỏ túi.

Người đàn bà với cái cân xách móc vào cái rọ cân con gà, rồi buông tay, giơ cao lên trời ra cái điều đàng hoàng không có ý đồ gì gian lận, cân lưởng đong thiếu.

— Trông thế mà nặng "nhẻ"! Gà sống thiến chắc thịt. Gà miền núi nhẹ lông, nặng thịt lắm đấy, không bệu thịt như gà miền xuôi đâu. Gần ba cân. Nhưng mà thôi trừ ra tính trọn hai cân rưỡi cho anh. Chẳng đi đâu mà thiệt.

Nguyễn cũng chẳng biết người đàn bà nói có đúng không nhưng chàng chỉ mường tượng ra rằng gà rừng muốn bay được phải xốp xương nhẹ thịt, lông nhiều, chàng cũng chẳng rõ một cân có bằng một kí lô hay không, cái cân có tin được hay không nhưng chàng bỏ qua cho xong chuyện miễn là mua được món quà cho chủ nhà, chàng mọi óc lục tìm cái chỗ để món tiền đủ trả tiền con gà ở chỗ nào trên thân thể mình.

— Bao nhiêu ?

— Chỗ ông anh, là đàn ông, lại từ Nam ra, thế này nhé, lấy tổng cộng hai trăm rưỡi thôi, không tính tiền cái rọ.

Người đàn bà nhét tiền vào cạp quần, hớn hở.

Ra khỏi quán Nguyễn nghịch ngợm khoác cái rọ gà lên vai bước xoải chân như đi diễn binh, một tay giữ cái quai rọ như cầm đai súng, tay kia đánh đàng xa.

Mặt trời đã lọt thỏm xuống sau đồi, sương xuống đục thêm hơn. Con đường dốc núi đổ xuống xóm nhà bên dưới bị che khuất từng chỗ làm cho có ảo giác xa thêm ra, sâu hun hút sâu. Con gà nằm yên như an phận, chịu đựng, không một tiếng kêu than, dường như đang thưởng thức cái đu đưa theo nhịp bước quân hành của chàng. Nguyễn nhìn kỹ chính là con gà trống chàng đã thấy nó lẩn quẩn trước cửa quán.

— Này cái anh kia.

Nguyễn dừng chân quay lại. Một người thanh niên trong đám bọn trẻ tuổi hồi nãy.

— Chờ tôi một tí.

Ngay lúc ấy con gà nhảy tung lên giật mình đánh thót một cái như bị bóp vào người, "rẹc" một tiếng, vọt ra một bãi phân gà sáp rơi dính vào một phần áo và một bên quần chàng. Con gà kêu oang oác như hãy còn sợ người trẻ tuổi lúc nãy đã cùng đám trẻ bắt nó. Nguyễn loay hoay tìm cách hất, rũ đám phân gà cho rơi ra khỏi quần áo.

— Anh để tôi dẫn đi đường tắt cho gần.

Nguyễn nhìn người trẻ dò xét, tự hỏi tại sao hắn lại có ý tốt với chàng? Nghi lắm. Từ ngày mất nước chàng học đã thuộc lòng bài học nghi ngờ để sống còn.

— Đi tắt ngang qua nương thuốc lá này cho gần.

Chàng ngần ngại e dè cạm bẫy. "Có tôi đi cùng anh chả sợ người ta bảo vào ruộng hái thuốc lá trộm, thuốc lá này quí lắm, anh mà đi vào nương một mình là bị ốm đòn đấy. Giống thuốc do nước xã hội chủ nghĩa Cu-Ba anh em tặng, loại quí nhất Hà Văn La."

Mấy chữ Hà Văn La làm Nguyễn nghĩ ngay đến cái tên Hà Văn Lâu. Lâu La. Chàng cứ tưởng người ta đã lấy tên của cha mẹ họ hàng của Hà Văn Lâu đặt tên cho giống thuốc lá, phải một lúc óc chàng mới dịch nổi chữ Hà Văn La ra chữ Havana, thủ đô Cu-ba mà cái tên xi-gà Havana đã từng lừng danh khắp thế giới.

— Thôi đi ngoài này xa một tí cũng chả sao, trông thế cũng gần mà.

Nguyễn cắm cúi đi mặc người con trai hai ba lần rủ chàng đi tắt ngang qua nương thuốc lá.

Chàng vẫn gờm gờm như thế với người thanh niên lạ.

— Thuốc lá này sợi vàng như tơ.

Khi đi gần đến xóm nhà nằm trên khu đồi thoai thoải, người con trai dừng lại đưa tay chỉ:

— Cái nhà lớn nhất đằng kia kìa. Nhà đồng chí trưởng ban đấy. Này, chị chủ quán nhờ tôi nhắn lại với anh là nếu chị Dũng có

hỏi mua gà ở đâu thì anh nói mua ở dưới xuôi nhé.

— Sao vậy ?

Người con trai cười.

— Để anh khỏi phải đăng ký ấy mà.

Người con trai quay người toan chạy nhưng khựng lại:

— Anh bảo cô Cúc để phần tôi cái chân gà nhé !

Nói xong người con trai chạy biến vào rẫy sắn. Chàng đi chậm lại. Khói sương núi rừng đặc lại theo khí lạnh trời chiều. Đi qua xóm nhà, cũng lại cái cảnh cũ, những cái đầu thò ra như những cái đầu rùa thò ra khỏi cái mai dương hai mắt nhìn nhưng chỉ dám nhìn trộm chàng. Khi đến cổng nhà, quả thật căn nhà trông khang trang nhất xóm, chàng dừng chân xốc lại cái rọ gà cho ngay ngắn, đám phân gà đã hơi khô mặt. Con gà bây giờ nằm yên thoải mái không còn kêu oang oác nữa.

Vừa bước vào cổng con chó nhào ra sủa vang, làm chàng giật mình, con gà cũng giật mình sợ hãi tung bay trong rọ, và ngay lúc ấy nó lại xổ toẹt ra một bãi, lần này vì lo đối phó với con chó chàng lãnh đủ nguyên bãi phân gà trên áo.

— Ai đó? Cái anh kia đi đâu thế? Đứng lại.

Những tiếng hỏi dồn dập khiến chàng không biết nên trả lời câu nào. Ngay lúc ấy một người con gái còn rất trẻ hiện ra chận lối chàng.

— Cô, làm ơn cho hỏi thăm đây có phải là nhà ông bà Dũng?

— Phải. Anh là ai ?

Một người đàn bà từ trong nhà chạy ra nắm tay kéo người con gái đẩy vào nhà rồi đứng chận cửa.

— Đi ra ngoài ngay.

Người đàn bà ra lệnh cho chàng. Nguyễn phì cười vì cái dữ dằn của người bạn gái cũ. Đôi mắt nàng còn nhận dạng được. Chàng từ từ tiến tới.

— Đứng ngay lại.

Người đàn bà thụt vào nhà vồ ngay lấy cái mã tấu giấu sẵn sau cánh cửa vung lên cao khỏi đầu lăm lăm định bổ xuống đầu chàng.

— Đứng lại nếu không bà chém cụt đầu.

Thấp thoáng sau lưng người đàn bà đứa con gái đã vồ được khẩu súng AK đang lăm lăm chĩa vào người chàng.

— Dữ thế !

Người đàn bà hai tay nắm chặt cán mã tấu.

— Đánh kẻng báo động đi con.

— Bình tĩnh. Bạn đến thăm nhà đây mà. Gớm cái cô bé con gái Phượng Lâu ngày nào giờ lớn lên nhi nữ anh hùng ghê quá.

Người đàn bà dường như vừa nghe thấy một tiếng chuông điểm trong đầu đánh thức dậy cái góc ký ức thuở thơ ấu, hai tay muốn buông xuôi xuống nhưng vẫn cố nắm chặt cái mã tấu.

— Bỏ giáo mác xuống đi cái cô ả "chiêu lì... đít mảnh cong."

Nghe người đàn ông gọi mình là cô bé đít mảnh cong nàng hạ ngay cái mã tấu xuống, sau bao dâu bể bỗng dưng nghe câu nói đó người đàn bà bẽn lẽn trở lại.

— Có phải anh "Ấm... ớ" đấy không. Quỉ ở đâu không chịu nói cho người ta biết".

Người đàn bà vội giấu cái mã tấu vào chỗ cũ.

— Giặc đến nhà đàn bà phải đánh.

Nguyễn hiểu người đàn bà muốn nói đến tình hình biên giới Hoa Việt lúc này đang có chiến tranh, nhưng chàng vẫn ỡm ờ:

— Ai chả biết "được làm vua thua làm giặc". Nhưng tùy loại giặc.

— Có dám nói gì bác đâu, rõ ấm... ớ. Mấy chục năm rồi mà vẫn còn cái ấm ớ hội tề đó. Mời bác vào nhà.

Nguyễn bước vào nhà quay người tìm chỗ để con gà xuống. Rồi chàng đứng thẳng dậy mở rộng đôi vòng tay chờ đón người đàn bà rất Tây phương.

Sau hai mươi mấy năm trời người đàn bà mới thấy lại đôi cánh tay của một con người, của một người đàn ông mở rộng ra chờ đón với bao tình yêu dào dạt. Nàng muốn chạy tới ngã vào đôi cánh tay kia nhưng liếc ngang thấy con mình đang lăm lăm chĩa khẩu súng vào người Nguyễn.

— Bỏ súng xuống, đem cất đi, chào bác đi con.

— Cả cái con bé này cũng ghê nhỉ. Xách súng ra đón khách nữa cơ à, chút nữa thì bỏ mạng.

Chàng cúi xuống nhìn cái vạt áo vấy bẩn, khi nhìn lên không thấy ai nữa:

— Đi đâu cả rồi.

— Bác ngồi chơi một chút tôi ra ngay đấy.

Căn nhà ba gian lợp ngói, cột bằng thân cây mít vàng nghệ. Đúng là nhà ngói cây mít, giấc mơ của dân quê miền Bắc.

— Bác dùng nước.

Nhìn người con gái nhỏ không còn cây súng trong tay cũng thấy yểu điệu sơn nữ tí đỉnh.

— Cặp mắt chẳng khác mẹ hồi bé tí nào cả.

Người đàn bà đã thay đổi quần áo bước ra trước mặt chàng.

— Bác bảo sao ?

— Mắt trông giống hệt như mắt cái cô chiêu đít mảnh cong hồi bé.

— Làm sao mà giống được, cái con mán rừng ấy.

Nàng quay lại mắng con :

— Đem con gà xuống nhà bếp đi. Bác còn bày vẽ mua gà mua qué.

Đứa con gái cúi xuống nhấc cái rọ gà. Con gà sợ hãi tung bay toan tính xổ lồng kêu oang oác rồi lại toẹt ra một bãi nữa trên nền nhà.

— Làm cái gì mà vồ lấy nó thế để cho nó hoảng. Lấy gio lấp lại rồi dọn đi.

Nguyễn đỡ lời.

— Cái con gà phải gió này, chắc bị mắc dịch, mắc toi, nó bị đau bụng thì phải, cho ra hết cả áo quần tôi mấy lần.

— Bác mua ở đâu?

— Ở...

Chút nữa chàng buột mồm nói ra, chợt nhớ lại lời người con trai dặn.

— Ở, ở... cái quán nghỉ chân ăn cơm trưa dọc đường.

Chàng nói lảng :

— Anh ấy đi làm chưa về à ?

— Nhà tôi đi tham quan biên thùy để lập những phương án, kế hoạch phòng thủ.

— Bao giờ thì về.

— Bao giờ. Nói thế chứ, vì vấn đề an ninh ít khi ngủ ở nhà.

— Tiếc quá kỳ cục xoay sở mãi, đi mấy ngày đường mới lên thăm anh chị mà lại không gặp anh ấy ở nhà.

— Bác lên thăm em hay bác lên thăm anh ấy?

— Thì cả hai.

— Bác đi tắm rửa đi, để em đi làm cơm. Hành lý của bác đâu?

— Ở... lúc đi từ Lạng Sơn về đây, để dưới gầm xe đứa nào nó thó mất.

— Rõ là cậu Ấm ngố chưa. Hồi bé em gọi có sai đâu. Thế bây giờ lấy gì mặc.

— Tối giặt, ban ngày mặc vậy.

— Đóng khố không, em đi mượn mấy anh em sơn cước cho.

— Cũng chẳng sao, hòa đồng trong dòng thác cách mạng.

Người đàn bà châm biếm :

— Thấm nhuần đường lối cách mạng nhỉ. Trông cái nhà bác mà đóng khố nữa thì ngố đến chừng nào nữa. Để em đưa quần áo của em cho bác mặc tạm.

— Anh ấy không có quần áo sao mà cô chiêu bắt tôi mặc quần áo đàn bà?

Nàng hạ thấp giọng :

— Bộ cái nhà bác muốn làm công an hả ?

— Tụi đàn ông tư bản kiêng mặc quần áo đàn bà.

— Thế thì cởi cái áo ra trước, đưa em đem đi gột cho sạch.

Người đàn bà nói vọng vào trong sai con gầy bếp lửa bắc nồi nước.

— Thôi để tôi đi tắm rửa, gột tạm cũng được.

Nước rừng núi buổi tối lạnh như dao cắt thịt, Nguyễn không tắm được chỉ rửa ráy gột quần áo. Hai mẹ con chủ nhà đang túi bụi trong bếp. Người con gái lần đầu tiên trong đời mới thấy một người khách lạ, lạ như từ một thế giới khác lạc lõng tới.

— Đẻ ơi, đẻ, cái anh này ở đâu đến vậy đẻ?

— Sư bố mày, đâu có phải ai cũng gọi là anh. Bác, mày phải gọi bằng bác. Bác ở trong Nam mới ra.

— Như thế Bác là ngụy quận đấy hả ?

— Biết cái gì mà nói vớ vẩn. Cầm cái chân con gà để tao cắt tiết.

Đứa con gái bị mắng chửi đàn áp nhiều đã thành thói quen, mỗi lần sắp mở miệng nói nó trông chờ cái đương nhiên bị chửi rủa.

— Đẻ.

Đứa con gái nắm cái cẳng con gà bỗng giật mình, con gà quẫy mạnh rút đôi chân ra khỏi bàn tay nó, dẫy dụa muốn tẩu thoát.

— Gì thế, cầm cũng không nên thân, rõ đồ hậu đậu, trói gà cũng không chặt, lớn lên không biết làm gì mà ăn, chỉ có nước...

Người con gái chụp lại được đôi chân con gà, bực tức dùng hết sức nắm chặt như muốn vặn gãy cẳng nó luôn.

— Con gà này của con ngày trước. Cái con khoèo. Đúng rồi chẳng sai.

Người đàn bà mở lớn mắt nhìn vồ vập xuống cái chân con gà có cái tật khoèo một ngón.

— Đúng không, đẻ ?

— Sai làm sao được.

Người đàn bà nhận ra ngay Nguyễn đã nói dối, trong tích tắc nàng tính toán trong đầu cố tìm ra lời giải cho cái câu hỏi là tại sao chàng lại phải dấu diếm như thế.

Ngay lúc ấy Nguyễn rửa ráy xong, lạnh cóng người bước vội xuống bếp tìm hơi củi lửa cho ấm.

— Làm cái gì mà có vẻ cỗ bàn linh đình thế ?

— Bác... Bác mua...

— Đừng có hỗn... biết gì mà nói hớt...

Người con gái tiu nghỉu như con chó cụp đuôi xuống.

Cái đĩa tiết đã đầy. Cái đầu con gà đã được di chuyển theo đường tròn vòng quanh cái đĩa cho tiết trải thành từng lớp đều khi đông lại, mục đích làm như thế để có nhiều bọt khi luộc tiết rỗ nhiều hơn. Tiết rỗ nhiều ăn xốp và bùi hơn, ngoài ra dân quê miền Bắc còn tin là tiết rỗ càng nhiều càng gặp may.

— Nước sôi rồi đấy, ngồi đến hết đêm hay sao. Đem ra ngoài kia làm lông đi.

Con bé vẫn còn ấm ức vì chưa nói cho người đàn ông biết rõ tông tích con gà. Đuổi con ra ngoài xa chỗ vại nước, nàng hạ giọng nói vừa đủ cho chàng nghe.

— Chẳng thịt nó để làm gì, mấy mươi năm mới gặp nhau lại, hơn thế nữa tình hình thù nghịch ở biên giới như lúc này, không thịt, nó lại bay qua bên kia biên thùy, chẳng còn lấy được một cái

xương, mới lại gà của bác cho không ăn mất uổng lắm...

— Này có phải trình báo gì không thế ?

— Trình với báo ai? Em cho phép em ăn.

Nguyễn biết người đàn bà hiểu nhầm câu hỏi của mình nhưng chàng cứ bắt chuyện theo :

— Thế mà bọn phản động cứ tuyên truyền là muốn ăn thịt gà dân miền Bắc phải làm đơn xin phép, làm tôi hồi nẫy phải đánh bạo, lấy hết can đảm mua con gà chỉ sợ bị họa lây.

— Lúc trước xem, bây giờ nhờ giời đang có chinh chiến với bọn giặc phương Bắc...

Người đàn bà ngưng nói để cho ý thấm vào đầu óc chàng, "bác không biết chứ, cái con mẹ bán gà cho bác ngày mai nó sẽ khai báo lên ban chấp hành hợp tác xã chăn nuôi là con gà bị trúng đại pháo của Trung Quốc tan thây tan xác không còn lấy một cái lông. Vả lại không làm thịt ăn ngay đêm nay, chắc gì đến sáng mai mà còn, đêm nay không chừng bọn giặc ngoài vượt biên giới xuống càn quét, giặc trong trên núi xuống ăn trộm mang đi."

— Giặc trong ?

Nguyễn thắc mắc.

— Mấy thằng bộ đội đang đóng trên núi.

— Bộ đội cũng ăn... gà.

Chàng đã tráo chữ "trộm" ra chữ "gà".

— Bộ đội chúng nó cũng ăn cắp ăn trộm như ma, hôm trước một thằng bò xuống nhà xã trưởng ăn trộm bị bắn chết. Cũng tội nghiệp chúng nó, tất cả cũng chỉ vì đói...

— Thế ông xã trưởng có bị rắc rối gì không?

— Rắc rối gì ?

Người đàn bà cười như chế riễu chàng quá ngố, quá ngây thơ.

"Rắc rối gì, thằng đó còn được giấy ban khen, còn cái thằng bộ đội được truy tặng huy chương, tuyên dương công trạng, được đem về thành Lạng có đại biểu chính phủ từ trung ương lên dự lễ truy điệu mai táng, đài truyền thanh truyền hình đề cao xa xả hết ngày này qua ngày kia. Chúng bảo nó là anh hùng liệt sĩ, một mình bắn giết chết không biết bao nhiêu giặc ngoại xâm cho tới khi còn viên đạn cuối cùng thì tự kết liễu đời mình để khỏi rơi vào tay kẻ thù truyền kiếp... Cái xác là một cái chứng tích hùng hồn của cái dã man tàn ác của giặc phương Bắc, đã được đem lên cả những đài truyền hình Liên Xô, Cu-Ba.

— Ý tôi muốn hỏi hồi nãy là tôi có phải trình báo giấy tờ ngay đêm nay không, tôi cần phải được đóng mấy con dấu chứng nhận có lưu trú ở đây.

Người đàn bà cười con mắt có đuôi.

— Anh ấy hả? Chốc nữa anh trình... em.

Nguyễn nhận ra ẩn ý của người bạn gái cũ và cùng lúc cũng nhận ra cái quyền thế của nàng, vợ Dũng, tên trưởng ban công an ở đây.

— Bây giờ anh là tàn dư phản động Mỹ ngụy... em sẽ cầm tù anh ở đây một thời gian.. vô hạn định... Vận mạng anh giờ nằm trong tay em...

— Ghê gớm quá nhỉ ?

— Thân anh bây giờ cũng như con gà...

Nguyễn nhìn thẳng vào mắt người đàn bà dò xét xem nàng có ý gì. Đôi mắt nàng thật trìu mến, có tia mắt tinh nghịch tươi cười. Như có cả ánh mắt mấy chục năm về trước còn đọng lại.

Con bé đi vào bếp bưng nồi nước sôi, nó ấm ức không còn chịu nổi nữa:

— Bác cái con gà...

— Câm cái mồm loa của mày lại...

— Để cháu nói... Con gà làm sao thế cháu...

Đứa con gái nhìn mẹ như đợi lệnh.

— À cái con què này của nó nuôi lúc trước... nó thắc mắc không hiểu làm sao nó đi bộ xuống tận dưới xuôi được.

Người đàn bà ngoẹo đầu qua bên, vênh mặt lên riễu cợt chàng.

Nguyễn thú thật :

— Tại cái bà bán gà ngoài chợ dặn đừng nói là mua của bà ấy.

— Con khốn nạn. Nó bán thì nó bán, tại sao lại phải nói dối, tôi đã làm ngơ cho nó lén lút làm ăn đủ thứ rồi...

— Chắc bà ta sợ em.

— Còn anh nữa, sao anh lại nói dối cho nó.

— Ai biết gì đâu. Con gà này của cháu à, hồi nãy cháu không chịu nói, giết làm gì, giữ lại nuôi, bác bỏ tiền ra mua con khác.

— Nó đã bán cho thằng con của con mẹ đó rồi, khi con gà hãy còn là gà giò.

Người con gái nói xong hả dạ, bưng nồi nước sôi ra tưới lên con gà.

— Nó bán cho anh bao nhiêu tiền ?

— Một trăm một kí.

— Kí gì ?

Nguyễn không hiểu nàng hỏi "kí gì"? là "cái gì"? hay "Kí" là gì?

— Kí lô.

— Một trăm bạc một cân cả lông cả lá. Con khốn nạn nó cắt cổ anh đến thế cơ à, cả thể là bao nhiêu.

— Hai trăm rưỡi.

— Con gà này mà cân nặng đến hai cân rưỡi thì tôi cứ là đi chân đằng đầu, cái con khốn nạn này nó cân điêu rồi... Rõ cái...

anh Ấm ngố.

Nàng gọi lớn :

— Đưa con gà với cái cân cho tao.

Con bé nhấc con gà ra khỏi nước sôi đem vào. Bỗng dưng chàng thấy tội nghiệp cho người đàn bà trước mặt, cho người bán gà, cho mình và cũng tội nghiệp cho cả con bé bị mắng chửi lây. Chàng thấy chột dạ sợ sự chính xác của cái cân đúng tiêu chuẩn.

— Hồi nãy bà ấy cân tôi thấy tận mắt mà, bà ta không cân gian đâu.

— Anh tin con ấy hay anh tin ở tay em, nhấc con gà lên là em biết nó nặng mấy cân, qua mắt em sao được, nó thấy anh cả ngố mới dám lừa gạt...

Nguyễn yên bụng khi nghĩ tới con gà bây giờ sũng nước thế nào cũng lên cân dù cho người đàn bà kia có dùng cân non đi nữa. Người đàn bà cài hai cái cánh vào nhau như trói giật cánh khuỷu lại rồi móc cái móc cân vào nhấc lên cân. Nàng lấy tay vuốt và vắt bớt nước ra khỏi lông con gà, khiến Nguyễn sững sờ.

— Thấy chưa, cả nước mà đã được hai cân đâu. Con khốn nạn...

Người đàn bà chìa cái cán cân xách để chàng nhìn cho rõ năm rõ mười.

Chàng thấy tội nghiệp mình hơn. Người đàn bà bán gà cũng đã chìa cái cán cân cho chàng kiểm điểm lại, nhưng chắc chắn bây giờ chàng tin người bạn học cũ hơn.

— Tôi đã nhìn bà ấy cân rành rành mà chắc bà ta dùng cân sai.

Nguyễn nhìn người đàn bà như chịu lỗi.

— Từ nhỏ đến giờ có bao giờ đi mua gà mua vịt đâu, lần đầu tiên trong đời đi mua để biếu người... "quen" đấy.

— Nói thấy tội nghiệp chưa. Quí hóa quá...

Dường như vẫn chưa hết hằn học bực tức: "Nó biết anh mua gà cho em mà vẫn cả gan như thế cơ à, để xem nó to gan đến đâu."

— Thôi bỏ qua cái chuyện gà qué đi... Lên đây mục đích là để thăm ông bà, đã bao nhiêu năm xa cách.

Người đàn bà thấy chàng nói có vẻ cũng êm dịu xuống.

Nàng trao con gà lại cho con.

— Con ra làm lông, để đi lấy gạo.

— Anh lên nhà đi, để em phụ con bé làm thức ăn, em sẽ lên hầu chuyện anh sau, anh muốn ăn gì nào, gà luộc lá chanh, cháo gà, hay ăn gà nướng kiểu thượng du...

Nguyễn như muốn chuộc lỗi đề nghị:

— Thôi để tôi trổ tài nấu món gà Liên Xô Vĩ Đại cho mẹ con cô ăn thử.

— Anh cũng biết nấu nướng cơ à, Cậu Ấm giờ giỏi nhỉ, đi cả

qua Liên Xô nữa kia.

— Đâu có, hồi trước đi du học có ở gần một anh chàng sinh viên gốc người Nga cho ăn mấy lần thấy ngon nên bắt chước làm.

— Anh muốn làm gì thì làm, lâu ngày để anh hầu em một bữa cho thỏa những ngày mong chờ ao ước, còn lại em nấu nồi cháo.

Nàng hạ thấp giọng như nói chỉ đủ cho chàng nghe thấy "tụi nó thế nào cũng ngửi hơi thấy."

Vặt xong lông con gà người con gái không biết để nó định làm gì. Con gà béo quá.

— Mổ moi hay mổ thường hả đẻ ?

— Bác có cần nguyên con không ?

Nguyễn nghe người bạn gái muốn nấu cháo gà nên chàng chỉ muốn lấy một phần con gà thôi. Thật ra cái món chàng sắp nấu chỉ cần ức gà nhưng chỉ có một cái không đủ cho ba người ăn.

— Chỉ cần cái ức và hai cái đùi đủ rồi, sợ tôi nấu kém không được chuyên chính như kiểu Sô Viết, cô cứ bắc nồi nấu cháo cho chắc ăn.

— Vậy thì mổ thường cũng được, khéo không nó dập mật ra đấy. Quên mất bây giờ mới hỏi thăm anh, hiện anh làm gì?

— Làm ngụy.

— Sướng nhỉ ?

Nguyễn nhận rõ cái giọng mỉa mai chế riễu của người đàn bà.

— Tưởng làm vương làm tướng gì, làm anh hùng không làm lại đi làm... ngụy.

— Biết làm sao hơn được.

— Khổ thân cái nhà anh rồi. Nguy nặng rồi !

Nàng nhấn mạnh ở mấy chữ *Nguy Nặng* rồi. Chàng biết nàng chơi chữ đánh vần Nguy Nặng Ngụy.

— Ông ngụy ơi, nguy nặng rồi! Tư Sản các anh rõ là một lũ bị thịt.

Nguyễn cảm thấy da mình nham nhám nổi gai, chưa bao giờ chàng nghe nói tới hai chữ "bị thịt" mà tuyệt vời như lời nàng nói lúc này để chỉ bè lũ tư sản, hai chữ bị thịt vừa diễn tả tài tình từ cách gợi hình cái thân xác bầy nhầy những mỡ những thịt lụng thụng trong cái bị da cho tới cái tâm thể ngu ngốc đần độn của "lũ tư sản bị thịt".

— Đang tính lên đây học cái nhà chị cách làm nương làm rẫy cho hợp thời trang, cho bớt cái bị thịt.

— Cái ấy thì khó gì mà phải học, trâu bò còn làm được.

— Đẻ ơi !

— Gì thế, mổ con gà cũng không xong hả ?

Người con gái cầm con gà hấp tấp chạy vào, lôi cái biều gà to tướng ra khỏi cổ con gà chìa ra trước mặt hai người, nó mới khía

ra một bên. người đàn bà chồm tới:

— Gì thế ?

Đứa con gái tìm thấy một cái gì nhưng không chịu nói đưa tới gần mắt để nó hơn.

— Ối giời đất ơi! Ôi giời đất ơi là giời !...

Người đàn bà dậm chân xuống đất đành đạch như kẻ đang lên cơn động kinh, như một người ăn vạ. "Cái con khốn nạn, đồ vô ơn bạc nghĩa, đồ lừa đảo, đồ quạ mổ..."

(còn tiếp một kỳ)

Nguyễn Ban Sơ

Bài thơ cho con đầu lòng

Mua cho con cái mũ với đôi vớ
Ta bời hời với cảm giác làm cha
Mai này khi lớn lên con hãy nhớ
Cõi lòng thương con ta thật bao la

Ba tháng trước khi ta vừa được biết
Con sẽ ra đời mùa hè năm sau
Uống rượu mừng ta vui sao kể xiết
Ta vẫn mong con tự thuở trầu cau

Ta thương con bất kể trai hay gái
Ta đặt tên con ngay tự bây giờ
Nếu là trai, anh hùng như Hạng Võ
Nếu là gái, trung trinh tựa Ngu Cơ.

Trời tháng Giêng tuyết vẫn rơi đây đó
Tháng Tám con sẽ cười thật bình yên
Năm sau ta sẽ ôm con dạo phố
Khoe với phố phường đứa con đầu tiên

Rộn rã mong con ban ngày buổi tối
Con lớn lên ta có một lời cầu
Những gì hôm nay ta không đạt tới
Ta mong con nối tiếp những ngày sau.

Quyên Di

Hương ngâu

Khi anh đến chùm hoa ngâu đã rụng
Rong rêu bờ tường ngả sắc vàng phai
Anh tưởng nhớ một mùi hương nguyệt quế
Nhắm mắt nhìn cho rõ bóng tương lai.
Ngôi nhà cổ sao cũng buồn quá thế
Cổng im lìm sân đá rất thênh thang
Bờ giếng cạn đón nắng chiều đã xế
Cỏ trải dài một nỗi nhớ miên man.
Thấy mường tượng dáng em trên lầu cũ
Dương cầm nào rơi nốt nhạc Chopin
Anh lặng đứng trong một cơn lộng vũ
Ngỡ nơi này cây lá vẫn còn xanh.
(Q.D.)

Nếu bảo rằng Khôi yêu Ngọc say đắm đến độ mất ăn mất ngủ thì điều đó không được đúng cho lắm. Đối với mọi chuyện ở đời, Khôi đều có thái độ "khơi khơi," kể cả chuyện tình yêu. Bạn bè cho là Khôi lập dị, còn các cô thì khó chịu Khôi ra mặt. Cô nào — dù lành tính đến mấy — mà chả thích được con trai chiều chuộng, tâng bốc và "điên lên" vì mình. Thế nhưng Khôi biết chính cái "khơi khơi" của mình lại là cái hấp dẫn đối với một số cô, mặc dù các cô không biểu lộ điều ấy ra bên ngoài. Bị ghét hay được thương, bị phê bình này nọ, Khôi cũng kệ, vì chàng vốn sống... khơi khơi.

Chỉ có một điều Khôi không "khơi khơi" thôi, đó là những sinh hoạt học đường. Phụ trách hiệu đoàn một trường trung học lớn, ngoài những giờ soạn bài và dạy học như những giáo sư khác, Khôi dành hết thì giờ của mình vào công tác điều hành hiệu đoàn.

Hiệu trưởng nhà trường vốn là bạn, ra trường cùng một thời kỳ với Khôi, hắn tin tưởng Khôi qua những dịp sinh hoạt hồi hai người còn là giáo sinh trường sư phạm, nên bây giờ hắn "khoán trắng" công tác hiệu đoàn nhà trường cho chàng, mặc chàng muốn "vẽ rồng vẽ rắn" gì cũng được. Hợp khả năng và sở thích, Khôi làm cho sinh hoạt học đường ngày một thêm khởi sắc. Chàng thành lập những ban Học Tập, Báo Chí, Văn Nghệ, Xã Hội..., những đoàn thể trẻ như Hướng Đạo, Thanh Niên Thiện Chí, Du Ca..., mời những giáo sư có khả năng làm cố vấn, khuyến khích học sinh tham gia, tạo điều kiện và phương tiện cho các ban và đoàn thể hoạt động. Với những sinh hoạt đó, nhà trường có một sinh khí mới, tươi trẻ, hăng hái và lành mạnh. Những ngày trong tuần, nhà trường mang dáng vẻ nghiêm trang với những giờ học tập, nhưng cả ngày chủ nhật, trường như có hội lớn. Học sinh ra vào tấp nập, mỗi đoàn thể, mỗi ban chiếm một phòng, một phần sân để hội họp, sinh hoạt, tiếng ca hát, tiếng vỗ tay vang dội. Khôi luôn luôn có mặt cả ngày chủ nhật ở trường, chàng sung sướng và say mê hoà mình với nhịp sinh hoạt của học sinh.

Khôi gặp Ngọc trong những sinh hoạt hiệu đoàn ấy. Hôm Ngọc chân ướt chân ráo đến trường trình sự vụ lệnh, Khôi đang ngồi trong phòng hiệu trưởng, bàn chuyện với anh ta về một vài công tác sinh hoạt. Thấy khách bước vào, Khôi đứng lên định cáo từ, nhưng hiệu trưởng giữ chàng ngồi lại, anh ta nói với cả hai người:

— Cô là cô Ngọc phải không?

Rồi chưa đợi cho khách trả lời, hiệu trưởng quay sang Khôi, nói: Tôi được tin cô Ngọc đến nhận nhiệm sở ngày hôm nay. Trời thương anh rồi nhé, Tâm hắn vừa thuyên chuyển thì có cô Ngọc về.

Tâm vốn là giáo sư cố vấn ban Văn nghệ nhà trường, vừa được bộ thuyên chuyển đi tỉnh khác tuần qua.

Ngọc quay sang Khôi, gật đầu chào nhẹ nhẹ không nói gì, sau đó hiệu trưởng và cô giáo sư mới nhận nhiệm sở nói chuyện với nhau về việc phân phối công tác giảng dạy, lớp phụ trách, thời khoá biểu... Khôi ngồi ngắm Ngọc một cách kín đáo. Chàng nhớ ra rằng cách đây một hai năm gì đó, Ngọc đã về dạy thực tập tại trường này, chính ngay lớp của chàng, hồi ấy Ngọc còn là một giáo sinh sư phạm ban Việt văn. Cô giáo sinh thuở ấy thẹn đến đỏ mặt trước những lời trêu ghẹo của bọn học sinh rắn mắt, đến độ Khôi phải can thiệp. Bây giờ Ngọc có vẻ chững chạc hơn nhiều, tuy cái dáng tươi trẻ, hồn hậu thì vẫn như cũ. Có một nét trên khuôn mặt Ngọc khiến Khôi nhận ngay ra Ngọc là cô giáo sinh năm xưa, đó là đôi mắt, đôi mắt rất to, trong veo như không ẩn chứa một cái gì quanh co, vẩn đục, với hàng lông mi dài, hơi cong làm cho đôi mắt

thêm vẻ hiền dịu. Về sau, khi đã quen nhau và khá thân, có lần Khôi ngỏ lời khen đôi mắt ấy: "Ngọc có đôi mắt đẹp nhất trong những đôi mắt của các người đẹp anh gặp từ trước đến giờ." Ngọc có vẻ sung sướng và cảm động trước lời khen ấy. Sự sung sướng và cảm động này kéo dài cho đến khi Khôi nói tiếp: "... đôi mắt của em có vẻ đẹp của đôi mắt một con... bò." Ngọc dẫy nẩy lên và có vẻ giận. Khôi tỉnh bơ nói tiếp: "Theo anh, mắt bò đẹp hơn hết các thứ mắt khác mà người ta thường ví von, như mắt bồ câu, mắt nai... Mắt bồ câu thì tròn xoe, không biểu lộ được cái gì cả, còn mắt nai thì lúc nào cũng lấm la lấm lét. Riêng có mắt con bò, nó vừa đẹp, vừa dịu hiền, vừa ngây thơ, vừa trong sáng. Ngọc đã để ý ngắm mắt nó bao giờ chưa? Cứ nhìn kỹ, sẽ thấy mắt nó giống mắt Ngọc y chang..." Rồi chàng gạ gẫm: "Hay là ngày mai mình đi Thủ Đức chơi, nhân tiện đi bắn mắt bò luôn." Ngọc phì cười, trong khi mặt Khôi vẫn tỉnh bơ.

Khôi được nghe Ngọc hát và chơi dương cầm trong một buổi liên hoan tất niên của các giáo sư trong trường. Giọng nàng ấm và ngọt, hơi không dài nhưng tròn đầy. Buổi tối hôm ấy, sau khi nghe Ngọc hát, bọn nam giáo sư hoan hô nhiệt liệt và yêu cầu nàng trình bày thêm một bài nữa. Ngọc nhận lời, nhưng thay vì hát, nàng đến ngồi trước chiếc dương cầm cũ kỹ kê trong hội trường lâu nay không ai đụng tới. Những ngón tay thon vuốt nhanh trên phím đàn, âm thanh vang lên thánh thót, không khí hội trường lắng đọng lại, tự nhiên có cái vẻ ấm cúng, sang trọng của những buổi trình bày âm nhạc thính phòng. Thử qua vài nốt nhạc, Ngọc sửa lại dáng ngồi và bắt đầu chơi một bài quen thuộc: "Lettre à Élise." Từng chuỗi âm thanh nối tiếp, quấn quít lấy nhau, tạo nên do những ngón tay tuyệt diệu của Ngọc. Cả hội trường chăm chú theo dõi, nghiêm trang như theo dõi một nghi thức trong thánh đường. Khuôn mặt của Ngọc đẹp buồn, hiền dịu, có cái dáng quyến rũ một cách kín đáo. Ngọc nổi tiếng trong đám anh chị em giáo sư từ buổi ấy, và không còn ai lấy làm lạ khi Khôi mời Ngọc làm giáo sư cố vấn cho ban Văn nghệ nhà trường.

Khôi còn có nhiều dịp nghe Ngọc đánh dương cầm, trong một khung cảnh khác: tại nhà riêng của nàng.

Đó là một nếp nhà cổ, nằm ở cuối đường Trần Kế Xương, Gia Định. Con đường nhỏ, thấp hơn mặt lộ chính cả non một thước tây. Mùa mưa, nước từ trên đường lộ đổ xuống, con đường trông như một cái lạch nhỏ bắt từ sông cái vào, được cái nước rút đi rất nhanh và không hề xảy ra cảnh ngập lụt bao giờ. Bao giờ Khôi cũng có cái cảm giác thật êm đềm, thanh thản khi từ con lộ chính rẽ xuống con đường nhỏ này. Hai bên đường, tre mọc thành từng lũy, cành giao vào nhau tạo thành một cái vòm râm mát dài

đẳng đặc. Đường không trải nhựa mà là đường cát, nhiều đoạn là cát trắng và mịn. Ngoằn ngoèo đi vào mãi bên trong thì con đường cụt, cuối đường là nhà của Ngọc, một nếp nhà gỗ cổ kính nhưng chắc chắn, tọa lạc giữa một khu vườn rộng rãi râm mát, đằng trước là một sân rộng trải sỏi trắng, có trồng rất nhiều những cây to, thả xuống từng chùm hoa vàng óng mà Ngọc thường gọi là hoa Công Chúa, chẳng biết đó là tên thật của loại hoa này hay là tên do Ngọc tự đặt. Nếp nhà gỗ gồm nhiều phòng, rộng mát, làm bằng một thứ gỗ quý, bền bỉ và không mối mọt. Phòng khách nhìn ra một khu vườn rộng bên hông nhà, trồng toàn một loại hoa ngâu vàng ngát mắt. Bây giờ, vào những buổi chiều thứ bảy, rảnh rỗi vì không có giờ dạy, Khôi thường đến chơi nhà Ngọc. Ba má nàng đã trọng tuổi, thuộc loại người đạo đức, có học và hiền lành, hai cậu em trai của nàng lễ phép và ngoan ngoãn. Đến chơi nhà Ngọc, Khôi có cái cảm giác bình an, êm đềm và ấm cúng. Rất nhiều lần Khôi đã ngồi ở phòng khách ngôi nhà ấy, vừa uống trà vừa nghe Ngọc đánh dương cầm. Đặc biệt tuy nhà có cả một vườn hoa ngâu, nhưng trà nhà Ngọc lại không ướp ngâu. Có lần Ngọc giải thích cho Khôi biết rằng ba chàng là một người rất cẩn trọng trong việc uống trà, ông cụ quan niệm rằng trà phải để mộc, không pha ướp bất cứ loại hoa nào, trà ướp ngâu, hay sen, hay sói đều là những thứ... xoàng, người thưởng thức không còn nhận ra hương vị trà nguyên thủy nữa. Vừa uống trà nguyên chất không pha chế, vừa ngửi mùi hoa ngâu thoang thoảng ngoài vườn, vị giác và khứu giác cùng một lúc đón nhận cái vị, cái hương tinh chất ấy, người thưởng thức một thực sự đạt tới cái cao diệu của nghệ thuật.

Khôi không chú ý cho lắm đến những sự cầu kỳ này. Chàng vốn có triết lý sống... khơi khơi. Tuy nhiên chàng tỏ ra rất chăm chú khi nghe Ngọc giải thích, bởi vì chàng vốn biết Ngọc là người con có hiếu và rất tôn trọng cha mẹ. Với Khôi, ngồi trong căn phòng khách ấy và uống trà —trà gì cũng được — để có cơ hội nghe và ngắm Ngọc đánh dương cầm, điều ấy quả là thú vị tuyệt vời. Ngọc ngưng đánh đàn, hai người lại ngồi nói chuyện. Ngọc vẽ vời tương lai của nàng với một mộng ước rất bình thường: nàng sẽ dạy kèm dương cầm ở tư gia, ngoài giờ dạy học chính thức ở trường, người chồng trong tương lai có một việc làm chắc chắn, hai vợ chồng sẽ dành dụm, mua một mảnh đất ở Thủ Đức, Lái Thiêu hay Bình Dương, mảnh đất có ngôi nhà lá nhỏ nhưng ngăn nắp và sạch sẽ, vườn rộng có trồng cau, bưởi và dĩ nhiên là rất nhiều hoa ngâu — toàn là những thứ có mùi hoa nàng ưa thích — Hai vợ chồng sẽ về đó nghỉ trong mùa hè và những dịp lễ. Không thấy Ngọc đề cập đến chuyện con cái và đường lối giáo dục chúng nó. Có lẽ "chưa gì cả" mà đã nói tới chuyện con cái, e có hơi vội

vàng hấp tấp chăng? Khôi cho rằng Ngọc đang nghĩ như thế. Dù sao thì tự xét mình, Khôi thấy rằng mình đủ sức để biến cái mộng ước bình thường và êm đềm ấy của Ngọc thành sự thực. Chàng cũng mong như thế. Cả đời, Khôi chưa hề yêu ai một cách say đắm, điên đảo, nhưng quả thực người con gái này đã làm chàng rung động sâu xa. Chàng nghĩ đến một lúc nào đó cũng phải nhìn vấn đề này một cách nghiêm chỉnh, chứ không thể "khơi khơi" mãi được.

Một ngày nọ, nhà Ngọc có giỗ. Ba của nàng giữ Khôi ở lại ăn giỗ với gia đình ông. Ít lâu nay, ông cụ có vẻ có cảm tình đặc biệt đối với chàng, xem chàng gần như người nhà. Khôi được cái có khuôn mặt hiền lành, nói năng nhỏ nhẹ, lễ phép nên dễ dàng gây được cảm tình và tín nhiệm đối với người lớn. Cả hai ông bà quí chàng, nhưng kín đáo không nói ra, nhưng hai cậu em của Ngọc đôi khi láu táu, khai hết cả "sự thực." Chẳng hạn như trong bữa cơm hôm nay, Ngân, cậu em lớn nói với Ngọc:

— Gần đây cái ông bác sĩ Hàm cứ lại thăm chị Ngọc hoài, mà tụi em không thích. Tụi em chỉ thích anh Khôi thôi. Ba má cũng vậy.

Nghe em nói như thế, Ngọc ngượng chín người, khuôn mặt đỏ bừng, đôi mắt "bồ" chớp lia lịa. Ông cụ thì lườm cho cậu con trai một cái, nhưng Khôi thấy rõ là trông cái lườm ấy không ẩn chứa một sự khiển trách nghiêm nghị. Phần Khôi, nghe nói như thế, chàng cũng lấy làm thích trong lòng lắm, nhưng bên ngoài cứ tỉnh bơ, làm như không để ý tới câu nói của trẻ con ấy.

Cơm nước, dọn dẹp xong, trời đã tối. Trong nhà hơi nóng, Khôi rủ Ngọc ra vườn ngâu chơi, nàng vâng lời, ngoan ngoãn như một cô em gái nghe lời ông anh cả.

Hai người đi dạo một vài vòng rồi cùng ngồi bên bờ giếng nghỉ chân. Giếng này, theo như lời Ngọc nói, đích thân ba nàng đã đào, để lấy nước mạch pha trà, ông cụ chê nước máy nồng và đôi khi chát, làm mất hương vị trà của ông. Tối hôm ấy trăng tròn, ánh trăng lan tràn trên những đám lá ngâu xanh mướt, trông loang loáng như ướt nước. Mùi hoa ngâu ướp trong không khí, dịu dàng và thanh nhã khiến cho Khôi thấy xúc động tận trong đáy trái tim. Chàng sực nhớ ra rằng mình đã đến tuổi "tam thập nhi lập" mà rồi vẫn còn cô độc. Khôi quen nhiều bạn, bạn trai cũng nhiều và bạn gái cũng lắm, nhưng chàng chưa bao giờ lộ tỏ bản chất thực của con người chàng cho những người bạn ấy biết. Bên trong cái vẻ bên ngoài khơi khơi, bất cần đời ấy là một tâm hồn thụ cảm, hơi yếu đuối và rất cần một sự chia sẻ, nâng đỡ. Tối nay, Khôi muốn Ngọc sẽ là người biết rõ về chàng, để làm gì, chàng chưa biết, nhưng đó là cách chứng tỏ nàng sẽ là người thân yêu nhất của cuộc đời chàng.

Đang nói về những sinh hoạt hiệu đoàn liên quan tới ban Văn nghệ do Ngọc phụ trách, tự nhiên chàng ngưng lại, xoay hẳn người lại đối diện với Ngọc. Môi nàng mọng ướt và có ánh trăng, đôi mắt to, hồn hậu đang nhìn chàng, thoáng một chút bối rối, mái tóc Ngọc dầy ôm kín hai bờ vai tròn, Khôi thấy Ngọc đẹp và quyến rũ quá. Một giây im lặng, Khôi gọi khẽ:

— Ngọc.

Nàng dạ một tiếng khẽ, hiền lành và ngoan ngoãn. Khôi cầm lấy tay nàng, nói một câu rất ngắn mà chàng đã định tâm nói từ lâu:

— Anh yêu Ngọc.

Khôi thấy ngực của nàng thở dồn dập sau làn áo mỏng và nàng ngả đầu vào vai chàng với một dáng điệu chấp thuận và tín cẩn. Khôi ôm lấy Ngọc và hai người hôn nhau. Chàng thấy môi Ngọc cũng như thân hình Ngọc rất mềm mại và ấm áp. Không gian thơm ngát mùi hoa ngâu. Môi Ngọc, tóc Ngọc và thân mình Ngọc cũng toàn mùi hoa ngâu. Hai người sửa lại thế ngồi và vẫn cầm tay nhau. Như thế một lúc rất lâu, Khôi lại gọi:

— Ngọc.

— Anh bảo gì?

— Em có vui không? Có thấy hạnh phúc không?

Ngọc gật đầu e thẹn. Hình như tác dụng của nụ hôn vẫn làm cho người con gái ngây ngất. Khôi yêu cái dáng hiền hậu, nhu mì ấy quá. Chàng nhắc lại ước mơ của Ngọc:

— Mai mốt đây chúng ta sẽ kiếm một mảnh đất ở Lái Thiêu hay Thủ Đức. Sẽ có một nếp nhà tranh ở đó. Trong vườn trồng cau, trồng bưởi...

Ngọc ngắt lời:

— Trồng rất nhiều ngâu nữa.

Khôi cười:

— Dĩ nhiên rồi, anh đâu có quên.

Rồi bất chợt Khôi nói:

— Ngọc này, hay là anh đổi tên em nhé?

Ngọc hơi ngạc nhiên, nhìn Khôi dò hỏi:

— Tại sao thế? Mà anh muốn đổi tên Ngọc thành gì?

— Anh muốn gọi tên em là Ngâu. Vì em thích hoa ngâu, với lại môi em, má em, người em toàn một mùi hoa ngâu...

Ngọc cười e thẹn, nhưng sau đó nàng nói:

— Anh không sợ xui hay sao? Thích hoa ngâu thì được, nhưng tên là Ngâu, coi bộ không tốt đâu. Anh biết tích Vợ Chồng Ngâu không? Coi chừng rồi "nghìn trùng xa cách" đó...

Khôi không nói nữa. Chàng muốn một lần nữa được ngửi mùi hoa ngâu, không phải từ cây ngâu, nhưng từ má, từ môi, từ thân mình người con gái mà chàng vừa đặt tên là Ngâu.

Đêm hôm đó, sau khi chia tay Ngọc và chào ba má nàng, ra về, Khôi thao thức khá lâu trước khi đi vào giấc ngủ, và giấc ngủ của chàng thơm ngát mùi hoa ngâu. Chàng mơ thấy chàng và Ngọc ở trong căn nhà lá vùng Lái Thiêu, Ngọc mặc áo lụa màu vàng hoa ngâu, màu áo lẫn với màu hoa vàng nở kín khắp vườn. Khôi không biết rằng cũng đêm hôm ấy, Ngọc mơ mình và Khôi trở thành Ngưu Lang và Chức Nữ, cả hai run rẩy bước trên nhịp cầu Ô Thước định mệnh, cơn mưa Ngâu che phủ bầu trời khiến cho hai người lắm lúc chẳng nhìn thấy được nhau.

Chuyện tình Khôi-Ngọc được cả nhà trường đón nhận một cách hân hoan. Cả ban giám đốc, hội đồng giáo sư lẫn các học sinh đều cho đây là một chuyện đương nhiên và... xứng đôi vừa lứa. Cả hai người đều còn trẻ, đều hăng hái trong hoạt động hiệu đoàn, đều dồi dào khả năng, nhân cách đều đáng trọng. Dĩ nhiên không tránh khỏi chuyện một vài anh giáo sư trẻ ghen tức kín đáo và mươi cô nữ sinh khóc thầm, nhưng ngay cả những người ấy cũng đều phải công nhận mối tình giữa hai người quả là chính đáng. Mỗi buổi chiều tan học, cả nhà trường chứng kiến cảnh "thầy Khôi" đưa "cô Ngọc" về trong sự vui thích. Ngọc lúc đầu còn thẹn và mất tự nhiên, nhưng chỉ ít lâu sau, nàng cũng quen dần và không cảm thấy ngượng ngập gì nữa. Mấy cô bạn đồng nghiệp đã bắt đầu hỏi thăm Ngọc về ngày hỏi, ngày cưới, góp ý về trang phục cô dâu và hằng trăm thứ linh tinh về chuyện cưới xin. Về phần Khôi, mấy cô nữ sinh ít xoắn lấy chàng hơn, mặc dù thầy trò vẫn hợp tác cho chuyện hiệu đoàn nhà trường một cách tích cực không kém lúc trước. Con gái có sự tế nhị của họ, mặc dầu "họ" đây mới chỉ là những cô học trò chưa hoàn toàn đủ tuổi lớn khôn.

*

Nhưng rồi đám cưới Khôi-Ngọc đã không bao giờ xảy ra, và cả trường đã không bao giờ chứng kiến niềm hạnh phúc giữa hai người nở hoa viên mãn. Chỉ một tuần sau ngày "quân đội nhân dân miền Bắc" hoàn toàn làm chủ tình thế và chiếm ngụ miền Nam bằng một thứ sức mạnh rừng rú, Khôi đã bị bắt với một tội danh rất mơ hồ và buồn cười đối với chàng: "hoạt động gián điệp cho C.I.A. Mỹ." Cả đời Khôi chưa hề biết một nhân viên C.I.A. Mỹ tóc tai, mũi mắt, mồm miệng ra sao, vậy mà chàng lại bị bắt vì làm việc cho họ. Bị bắt vì một vu oan ác ý, vì sự nhầm lẫn hay vì một lý do nào khác, Khôi hoàn toàn không được biết, chàng chỉ biết rằng chính cái tội danh "mơ hồ và buồn cười" đối với chàng lại khiến cho chàng bị liệt vào "thành phần nguy hiểm" và bị biệt giam. Khôi không nhớ là mình đã phải làm bản "sơ yếu lý lịch" biết bao nhiêu lần, bao nhiêu lần chàng bị hạch hỏi là ai trao nhiệm vụ cho chàng để chàng len lỏi vào nhà trường, nắm chức vụ hiệu đoàn trưởng,

bao nhiêu lần chàng bị căn vặn ai là cấp chỉ huy trực tiếp của chàng. Họ còn hỏi chàng về danh tính những giáo sư cộng tác với chàng trong công tác sinh hoạt hiệu đoàn, trong đó có cả tên Ngọc. Dù bị khủng bố tinh thần hay tra tấn đến nhừ tử, mỗi khi tên Ngọc được nhắc đến bên tai, Khôi vẫn còn đủ lãng mạn để tưởng như có mùi hoa ngâu thoang thoảng đâu đây, tưởng như có bóng dáng người con gái mềm mại trong chiếc áo lụa vàng óng, và tưởng như buổi tối hai người ngồi bên bờ giếng như vừa mới xảy ra đêm qua. Sau những cuộc khủng bố tinh thần hoặc tra tấn nặng nề, Khôi được thả về trại giam, trong cơn đau đớn cùng cực của thân xác và căng thẳng cùng độ của tinh thần, Khôi vẫn cảm thấy hãnh diện là chàng giữ được thái độ bất khuất trước những con người sắt máu, cục cằn, và chàng đã không hề làm cho bất cứ người nào chàng quen biết, dù thân hay sơ bị liên lụy vì những lời khai của chàng. Đến bây giờ Khôi mới khám phá thêm về chính con người của chàng. Thật ra Khôi đã không yếu đuối như chàng tưởng, khi cần phải gan góc, can đảm, chàng đã thấy mình không thua kém gì những người gan góc, can đảm nhất. Chỉ có một điều làm Khôi thắc mắc và ân hận là chàng không cách nào liên lạc được với Ngọc. Nàng và gia đình hiện còn ở ngôi nhà cũ đường Trần Kế Xương Gia Định, ngôi nhà có hàng cây công chúa trước cổng và vườn hoa ngâu bên hông nữa không. Hai ngày trước khi bị bắt, Khôi đưa Ngọc từ trường về nhà. Chở nàng bằng chiếc Honda, Khôi thấy Ngọc gục đầu vào vai chàng và nấc lên nho nhỏ. Ngọc khóc một cách âm thầm. Về đến nhà, hai người vào phòng riêng của Ngọc, căn phòng nằm cạnh phòng khách và cũng nhìn ra vườn hoa ngâu, cửa sổ ngay bên bờ giếng, nơi hai người vẫn thường ngồi cạnh nhau trò chuyện. Khôi ôm Ngọc và an ủi bằng những lời dịu dàng nhất chàng có thể có được. Trả lời những câu an ủi ấy, Ngọc đã đáp bằng một giọng sũng nước mắt:

— Tự nhiên em thấy lo lắm. Linh cảm cho em biết rồi sẽ có chuyện chẳng lành. Em lo rằng chúng ta phải xa nhau. Không biết chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng em ngờ rằng chúng ta sẽ xa nhau vĩnh viễn. Anh còn nhớ buổi tối anh muốn đổi tên em là Ngâu không? Bất chợt lúc ấy em đã nghĩ đến tích "vợ chồng Ngâu" và lo ngại cho chuyện tình của chúng mình. Bây giờ em còn lo ngại hơn nữa. Vợ chồng Ngâu mỗi năm còn có dịp gặp nhau, còn chúng mình...

Ngọc bỏ lửng câu nói ở đó và nàng lại để cho những giọt lệ to tròn tự do lăn trên đôi má. Khôi cũng cảm thấy lòng mình xôn xáo và nao nao thế nào đó, nhưng chàng vẫn ra vẻ bình tĩnh và nói với Ngọc rằng những điều nàng lo nghĩ là quá đáng, rồi sẽ không có gì xảy ra đâu, dù mảnh đất ở Lái Thiêu hay Thủ Đức sẽ chỉ còn là mộng tưởng, nhưng ít nhất hai người cũng sẽ được sống cạnh

nhau, mặc dầu sống trong cảnh nghèo khó, chật vật. Hai người bước ra phòng khách. Khôi uống trà và nghe Ngọc đánh dương cầm. Ba má Ngọc có vẻ ngạc nhiên, không hiểu "hai đứa" này tại sao vẫn bình tĩnh uống trà và đánh đàn trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng này. Hôm ấy Ngọc đánh bản "Nghìn trùng xa cách", từng âm thanh phát ra, thê thiết, nghẹn ngào theo nhịp đập của những ngón tay xuống phím đàn. Khôi nghe thấy trong những âm thanh ấy cả một sự tan nát tuyệt vọng.

Đó là lần cuối cùng hai người nhìn thấy nhau, cũng là lần cuối cùng Khôi nghe Ngọc đánh dương cầm, trong khi mùi hoa ngâu ngoài vườn bay toả vào phòng, thơm ngát.

Trong tù, đã biết bao đêm Khôi nằm mơ thấy Ngọc, có đêm chàng thấy hai người ngồi bên bờ giếng ngắm trăng và vẽ vời tương lai. Có đêm chàng nghe có tiếng dương cầm của Ngọc từ xa vẳng lại, chàng lần theo tiếng đàn, tìm đến một ngôi biệt thự hoang phế, chung quanh là một rừng ngâu dầy đặc. Ngọc ở trên lầu ngôi biệt thự ấy, ngồi trước phím đàn mà nước mắt chứa chan. Hai người thấy nhau nhưng không đến gần nhau được. Lại có đêm khác, Khôi mơ thấy Ngọc đến trại tù "thăm nuôi" chàng, quà thăm nuôi của Ngọc chỉ là những cành hoa ngâu và đôi môi ướt ánh trăng của nàng. Những hình ảnh Ngọc và hoa ngâu chồng lẫn lên nhau, rực vàng màu nắng ấm, lồng trong khung cảnh cơn mưa ngâu nhẹ hột nhưng dai dẳng...

Khôi được tha về trong một hoàn cảnh bất ngờ. Một ngày kia, bọn cai ngục gọi chàng lên trả lại cho chàng một ít những vật dụng chúng đã tịch thu khi mới vào trại — dĩ nhiên những món đồ tương đối quí giá thì đã biến mất. Tên thủ trưởng nói với chàng, giọng lạnh lùng: "Anh được tha về, giao cho địa phương tiếp tục quan lý và giúp anh phấn đấu trở thành công tốt."

Việc đầu tiên khi Khôi trở về là chàng tìm đến căn nhà thân ái đường Trần Kế Xương. Trái tim chàng thực sự bồi hồi khi đặt chân xuống con đường đất có hai lũy tre chạy dọc hai bên. Dù rằng đó đây có hình bóng những lá cờ máu, nhưng khu xóm hai bên đường vẫn có một vẻ rất bình an, cái bình an được tạo nên bởi sự ẩn nhẫn nép mình dưới mọi bạo lực.

Khôi dừng chân trước cổng ngôi nhà gỗ và chàng nhận ra ngay sự hoang vắng khác thường của nó. Hai cánh cổng mở hững hờ, thảm cỏ và những cây cảnh vàng úa vì không người chăm sóc, một tờ giấy ngoằn ngoèo những chữ niêm phong kín cánh cửa vào phòng khách. Bờ tường loang lổ bẩn thỉu. Chần chờ một phút, Khôi đánh bạo đẩy cánh cửa nhỏ dẫn vào khu vườn bên hông. Một cảnh hoang sơ hiện ra trước mắt chàng: những cây ngâu héo úa tàn tạ, nhiều cành lá cháy xém dưới cơn nắng gắt. Chàng bước

lại gần bờ giếng, ngồi xuống và nghĩ về những kỷ niệm xa xưa. Ở chính bờ giếng này, một buổi tối năm xưa, chàng đã ôm một người con gái vào lòng và trao cho nàng tất cả sự rung động của tuổi thanh xuân. Người con gái ấy ướp đầy hương thơm thanh nhã của hoa ngâu. Chàng cũng nhớ lại những lời người con gái nói một cách lo sợ về nỗi ám ảnh của sự tích đôi vợ chồng ngâu.

Khôi đứng lên, cố gắng tìm cách nhìn vào khe cửa sổ đóng kín của căn phòng Ngọc ở lúc trước. Trong ánh sáng lù mù từ bên ngoài chiếu vào qua những chỗ hở bên vách tường, Khôi thấy căn phòng trống trơn, chỉ còn lại cái bàn mà trước kia Ngọc vẫn ngồi ở đó chấm bài. Một cành ngâu khô nằm trên bàn hờ hững. Khôi thấy tim mình nhói lên, chàng biết là trong những ngày xa cách, Ngọc vẫn nhớ đến chàng luôn. Khôi lặng người trong một lúc lâu, chàng hình dung thấy hình bóng Ngọc ra vào trong căn nhà này, và những tiếng dương cầm đâu đó vang lên, ngân dài trong hồn chàng không dứt.

Khi Khôi bước ra ngoài, một người đàn ông ở căn nhà gần đó vẫy gọi chàng một cách kín đáo. Tự nhiên Khôi thấy tin tưởng người đàn ông ấy và bước về phía ông ta. Nhìn trước nhìn sau, ông ta kéo tay Khôi dẫn vào trong nhà.

Chủ khách đã yên vị, người đàn ông hỏi chàng:

— Cậu có phải là thầy giáo Khôi, bạn của cô giáo Ngọc không?

Khôi gật đầu xác nhận. Người đàn ông tiếp, giọng bùi ngùi:

— Cậu đi đâu mãi bây giờ mới về. Cả mấy năm trời cô ấy chạy đôn chạy đáo kiếm cậu mà không thấy. Tội nghiệp cô ấy, người cứ gầy rạc đi, xanh như cái lá...

Khôi sốt ruột quá, chàng ngắt lời người đàn ông:

— Xin bác vui lòng cho biết gia đình cô Ngọc hiện đã dọn đi đâu rồi?

Người đàn ông vẫn chậm rãi:

— Cậu cứ bình tĩnh để tôi kể tiếp. Gia đình cô Ngọc không chịu hợp tác gì hết với "chính quyền cách mạng." Cô ấy thì nghỉ dạy học, hai cậu con trai nhỏ thì theo người họ hàng đi vượt biên, cả xóm ai cũng biết. Gần đây công an phường quyết định tiếp thu căn nhà làm trụ sở, ông bà cụ nhất định không bằng lòng. Bọn họ tìm cách đẩy gia đình ông bà cụ đi kinh tế mới. Chuyện mới xảy ra cách đây hơn một tháng. Hôm ba người dọn đi, có chào tất cả bà con trong xóm, ai gặp cũng thương...

Một lần nữa Khôi ngắt lời:

— Bác có biết gia đình cô Ngọc phải đi vùng kinh tế mới nào không. Dù cô ấy có đi đến đâu, tôi cũng phải tìm cho bằng được.

Người đàn ông nhìn chàng có vẻ thương cảm, ông ta nói bằng

một giọng rất thê thiết:

— Cậu mà tìm được thì còn nói làm gì, đằng này...

Ông ta ngưng lại một chút rồi tiếp ngay, giọng nói vội vàng, dường như để cho xong một câu chuyện đến lúc khó nói:

— Gia đình cô Ngọc thay vì đi định cư ở vùng kinh tế mới thì lại bí mật theo một chuyến vượt biên. Chẳng may tàu gặp nạn, bể tan, xác trôi vào Bãi Trước Vũng Tàu cả mấy chục cái. Người ta nhận diện được xác ông bà cụ, còn cô Ngọc, không biết có được tàu nào vớt hay đã chìm xuống lòng biển rồi...

Tai Khôi ù đi, mắt chàng hoa lên, chàng không còn nghe, còn thấy gì nữa. Ngọc, Ngâu của chàng không biết bây giờ đang trôi nổi ở đâu hay đã biến thành Chức Nữ về trời, đem theo hương hoa ngâu thơm ngát, và đem theo luôn cả trái tim chàng, trái tim mà cho đến bây giờ mới biết thế nào là một tình yêu say đắm.

QUYÊN DI

TÌM MUA NGAY
TẠI CÁC HIỆU SÁCH

NGÀY THÁNG BỆNH BỒNG

tập truyện ngắn đặc sắc của
NGUYỄN VĂN SÂM

tác phẩm thứ ba Nguyễn văn Sâm xuất bản tại hải ngoại do Gió Việt xuất bản
Nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách phát hành khắp nơi.

Tác phẩm dày 190 trang. Giá 8 Mỹ kim.
Nếu bạn đọc không tìm thấy nơi hiệu sách địa phương, xin liên lạc về địa chỉ :
Nhà xuất bản Văn Nghệ :
PO Box 2301 Westminster, California, USA, 92683.

Lê Mỹ Hương

Cái Rác.

MỞ ĐẦU

Trong một chuyến đi công tác ở Đà Nẵng năm 1972, tôi được một người bạn đưa đến mua hàng ở cửa hàng Ông Tư Rác. Ông Tư Rác sống nhờ nghề mua bán các thứ "Rác" moi móc từ các thùng rác của những căn cứ quân đội Mỹ. Do đó mà ông có cái tên Tư Rác. Thật là ngoài sức tưởng tượng. Ngôi nhà của ông Tư — mà người địa phương gọi là nhà Rác — là một ngôi nhà đúc bằng bê tông 2 tầng và bên cạnh đó, là ngôi Hàng Rác của ông, bày bán đủ các thứ không thiếu món gì, từ cây tăm xỉa răng đến những chai rượu Whisky mới nguyên. Nào mùng mền giày vớ, ba lô, thịt hộp, gạo, bột mì, lưỡi và xà phòng cạo râu. Một chiếc tăng mà tiền thân là một cây dù của lính nhảy dù che rợp cả một cái sân trong đó bày bán các thứ hàng to kềnh càng như máy giặt, máy sấy, bloc máy xe hơi, Honda cả cũ lẫn mới và nhiều thứ linh tinh khác nữa không kể hết.

Trong lúc tôi đang đi rảo lục lọi tìm bất cứ món gì có thể mua được, thì liên tiếp có những chiếc xe nhà binh, xe hòm kính chở "rác" tới bán. Những thứ rác này còn nằm nguyên trong thùng chưa bóc tem. Tôi giật mình. À ra thế! Thảo nào ông ta chẳng phất nhanh. Nhưng chưa hết. Còn những cái rác lạ lùng khác. Những cái rác *sống*. Nói rõ ra là một lũ con gái thuộc mọi tầng lớp mà ông Tư Rác làm môi giới trao cho lính Mỹ...

Chao ôi ! Đến thế cơ à ?

Nhìn nét mặt của các cô gái ngồi nép ở băng sau của các chiếc

xe đỗ lại và nghe loáng thoáng mấy câu trao đổi giữa lão già và người tài xế, tôi hiểu thêm câu chuyện buôn rác của bố ta.

Tôi tò mò muốn biết thêm, nên thỉnh thoảng có dịp ra Đà Nẵng thì tôi lại đến cửa Hàng Rác. Nếu không mua gì thì cũng nghe được vài câu chuyện hoặc mục kích thêm sự hành nghề của Tư Rác, để chuẩn bị cho một tiểu thuyết. Một lần đó tôi lại đến, cũng không dự định mua gì.

Lúc tôi sửa soạn ra về thì một đoàn "con moi" (tức là đám trẻ moi rác) gồm năm sáu đứa trai lẫn gái choai choai chạy ùa vô cửa hàng, kêu lên thất thanh. Một đứa kêu to, tiếng kêu đứt trong cổ họng:

— Ông Tư, ông Tư ơi! Rác! Rác.

Ông Tư quát :

— Rác thì rác chớ gì mà la! Bộ lạ lắm hả?

Nhưng đám con moi vẫn nhao nhao lên :

— Cái rác này to quá ông Tư ơi. Người ta quấn nó trong chăn, còn lòi chân ra.

— Ở đâu? — Lão già giật mình đánh thót. Rồi lão đứng lặng ngắt như bị hốt hồn, như chính lão có dính tới cái rác lòi chân đó.

Hôm sau trên đường về Sàigòn, tôi đọc tin trên tờ báo địa phương và biết cái rác đó tên là Vũ Thị Phùng Sinh, học trò lớp 10, không rõ lý do gì bị bóp cổ chết và ném vào thùng rác. Dấu tay bầm đen còn trên cổ của cô nữ sinh. Cô bé được đem vô nhà thương nhưng chưa rõ có sống lại được không.

*
* *

1986. Đêm Giáng Sinh. Tôi và lũ con đang ngồi xem tuyết rơi

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI :

Cậu Bé và Hoa Mai

của

PHAN TẤN HẢI

Tuyển tập truyện ngắn xuất sắc và sâu sắc nhất của nhà xuất bản Nhân Văn. Giá bán 7.00 Mỹ kim, kể cả bưu phí. Độc giả ở Âu Châu và Á Châu xin gửi thêm 2 Mỹ kim phụ phí nếu thích nhận sách theo đường hàng không. Địa chỉ đặt mua :

NHÂN VĂN

P.O. Box 21638

San Jose, CA 95151

trên TV để chờ đón giờ phút thiêng liêng. Bỗng show bị cắt ngang, rồi hiện lên mặt TV dòng chữ "Tin đặc Biệt" rồi xướng ngôn viên quen thuộc của đài truyền hình địa phương hiện lên, đọc:

"Xác một người đàn ông trung niên vừa được tìm thấy trong một thùng rác của khu Shopping Center X... Người ông ta bị phủ đầy tuyết. Xe cấp cứu đã đưa ông ta vào bệnh viện nhưng chưa biết mạng sống của ông ra sao. Cũng chưa biết nguyên nhân nào ông lại tìm lấy cái chết bi thảm như thế vào đêm Giáng Sinh.

Giới chức có thẩm quyền cho biết rằng hai tay ông ta đang tự bóp siết cổ trong lúc xác được tìm thấy. Thẻ ID1 của ông ta cho biết ông ta tên Smith 36 tuổi và một giấy tờ khác cho thấy ông Smith đã từng tham chiến ở Việt Nam."

Tiếp theo bản tin, hình ảnh của kẻ bất hạnh được chiếu lên màn TV rồi mấy chiếc xe cứu cấp, xe vệ sinh bên cạnh thùng rác và một chiếc xe cần trục làm nhiệm vụ bốc cái xác từ thùng rác đem xuống "băng-ca" và đưa vào xe cứu cấp.

Tôi tê tái cả người. Ở xứ giàu có này, người ta có thể chết vì ăn quá nhiều chứ không ai chết đói. Vậy ông Smith chết vì nguyên do khác chứ không phải vì đói.

Hình ảnh trên TV làm tôi nhớ ngay đến cái Rác Vũ thị Phùng Sinh mười mấy năm trước ở Đà Nẵng.

Tôi là một kẻ sống và lớn lên trong tiếng ngân nga của chuông Nhà Thờ và tiếng đại thần chung của Chùa, tôi học chữ đầu tiên viết từ tay Dì phước. Tôi sống suốt tuổi thơ với hình ảnh Ông Thiện Ông Ác đứng ở cửa Chùa ở quê ngoại, từng mê say với máng cỏ lừa ăn của Chúa hài đồng. Tôi tin ở thuyết nhân quả luân hồi.

Vì thế khi nghe bản tin đêm Giáng Sinh trên mà trong đó nạn nhân tự hóa thân thành cái Rác, tôi nghĩ ngay đó là nghiệp chướng chi đây và biết đâu lại chẳng có một liên hệ nào giữa hai *cái rác,* một Việt Nam, một Hoa Kỳ mà cái này là quả, cái nọ là nhân.

*
* *

VÀO TRUYỆN

... Ông Tư và Bà Tư Rác cãi nhau kịch liệt sau vụ cô Vũ thị Phùng Sinh bị bóp cổ và ném vào thùng rác.

Bà Tư nói :

— Từ nay trở đi ông nghỉ luôn cái việc mối manh đó cho tôi làm phước. Ông nên để đức lại cho con cháu nhờ.

— Tôi có làm gì thất đức đâu, bà !

— Không thất đức! Con gái người ta mới lớn, ông đem chúng

quăng vào cho lính Mỹ mà... mà...

— Sao bà không nói tôi quăng lũ chuột đói vào hũ nếp giùm chút?

— Tôi hỏi ông, ông có chịu để người khác ném mấy đứa con gái của ông vào hũ nếp đó không?

— Con mình có cần tiền đâu! Mấy đứa đó cha mẹ nghèo, cần tiền, nên tôi giúp cho. Bây giờ đứa nào đứa nấy như bà hoàng, đeo vàng đỏ tay, lên xe xuống ngựa, đi qua nhà chồng bên Mỹ rồi trở về như đi chợ, sao bà không chịu thấy?

— Tôi có đui mù gì mà không thấy? Thấy hết con gái xứ Đà Nẵng này ngóng lính Mỹ, ngóng chồng Bê-Ết chớ sao không!

— Không có cái ăn thì nó kiếm tiền chớ sao. Không ngóng thì đói!

— Sao chúng nó không ngóng người mình mà lại ngóng ngoại quốc?

— Người mình không nuôi nổi thì chúng nó ngóng chồng giàu chồng sang chớ sao! — Lão Rác nổi cáu, cười mũi — Bà cứ trông ra đường mà xem; từ anh đạp xích-lô đến ngài ngồi xe hòm kính, từ mụ bán cháo rong đến bà mệnh phụ chạy mối, từ lũ trẻ moi rác đến quan đầu tỉnh, đầu quận, tất cả, tất cả đều con mắt láo liên, bàn tay mò mẫm tìm tiền, không gì khoái bằng tiền. Đàn bà bỏ chồng, con gái bỏ học lấy lính Mỹ quan Mỹ để rủng rỉnh đô la ra vô Bê-Ết Bê-Yết, có gì là đáng nói!

Bà Tư lắc đầu.

— Cửa nhà tan nát, luân lý lộn mèo hết, ông ơi!

— Bà nói thế, nếu Mỹ không vào đây thì nhà cửa còn nguyên, luân lý không đảo ngược? Làm như Mỹ là tội phạm không bằng! Họ là cứu tinh của dân mình. Họ không vào thì Việt Cộng lộng hành, tôi nói cho bà biết. Tội phạm là những tên theo giải phóng kia kìa. Tội phạm là những ông tướng, bà tá bán gạo cho Việt Cộng bằng xe GMC, chớ Mỹ làm gì nên tội? Chớ thằng Tư Rác này moi rác kiếm ăn làm gì nên tội, làm gì mà không để đức lại cho con?

Bà Tư không đếm xỉa gì đến sự nổi cáu của ông chồng, bà trề môi:

— Con bé Sinh con gái nhà thợ rèn bên bờ Sông Hàn đó là cái rác cho ông moi, ông ăn đó! Ông có làm gì thất đức đâu! Để nay mai cảnh sát nó phăng tới ông, rồi xem ông có là tội phạm không cho biết.

*
* *

*B*ình nhì Smith ngồi trên máy bay hồi hương. Máy bay đã bình phi từ lâu nhưng gan ruột của chàng vẫn chưa trở lại bình

thường. Chàng cứ nôn nao chột dạ. Mây trắng lướt qua khung kính trắng như những mẩu bông gòn nhưng lòng chàng nặng nề như đeo hòn đá không cởi vứt đi được.

Chàng đã để lại mảnh đất Việt Nam một mảnh tim chàng. Chàng đã yêu một cô gái Việt Nam. Sau hơn một năm trời đeo đuổi, chàng mới được nàng đáp lại. Để chứng tỏ rằng chàng yêu nàng chân thành và say đắm, Smith đã xâm vào bắp thịt bả vai của chàng một trái tim hồng tươi và ở giữa màu hồng đó, một chữ S. Vì tên nàng là Sinh, Vũ thị Phùng Sinh, cô học trò bỏ trường, con gái người thợ rèn bên Sông Hàn. Lần vừa rồi, lần cuối cùng, Smith đã dẫn người yêu vào Hotel để từ biệt nhau. Đã bao lần, Smith cố thuyết phục Sinh làm đám cưới rồi đi về xứ với mình. Sinh bắt Smith phải đến tận nhà xin phép bố mẹ Sinh. Trước tình thế không ưng không được, ông bà thợ rèn đành gật, nhưng việc đi theo chồng hay không thì tùy Sinh định liệu. Sinh nhất định không đi về Mỹ vì nàng như cái cây mọc ở đất quê từ bé, bứng nó đi trồng nơi khác nó sẽ héo và chỉ có thể sống còm cõi gầy mòn. Vì thế cho nên hôn lễ chưa được cử hành.

Smith vẫn thuyết phục người yêu, nhưng nàng vẫn không thay đổi ý định. Những cái hôn từ biệt đẫm lệ của chàng và nàng. Cuối cùng Smith đã xin nàng cho chàng một kỷ niệm yêu đương, cái ân huệ cao cả nhất mà người con gái Việt Nam dành riêng cho chồng vào đêm tân hôn. Lẽ tất nhiên Sinh cũng từ chối nốt. Trong cơn lửa yêu cuồng dại, Smith đã cưỡng bức người yêu... Chàng đã đạt được cái ân huệ ấy bằng vũ lực trên thân thể mềm của cô nữ sinh Việt Nam.

Máy bay vẫn mải miết tung cánh trên con đường mây vạn lý êm như ru. Hành khách ngủ gà ngủ gật nhưng Smith thì cứ tỉnh táo, nhẹ bông. Bất giác chàng đưa hai bàn tay lên, nhìn. Mười ngón tay to lớn quá so với cái cổ nõn nà của Vũ thị Phùng Sinh. Smith nghe hơi ấm của da thịt nàng còn đeo đuổi trên chàng làm chàng nhớ lại.

... Khi ấy chàng không tự chủ được nữa. Nỗi thèm khát nhục dục và tình yêu trộn lẫn, cuồng nhiệt và thú tính không còn biên giới, đã dồn vào mười ngón tay nóng rực làm cho chúng trở thành những nanh kềm sắt vô tri siết lại, siết mạnh trên làn da cổ non mềm.

Cô gái bị đè nén, nghẹt thở đã vùng vẫy cào cấu nhưng kiệt sức nằm im hứng chịu sự cuồng bạo của gã tình nhân đang điên.

... Smith khẽ sờ trên mặt. Những vết quào còn rướm máu đau rát. Không, không những chỉ da mặt chàng đau rát mà cả tim chàng cũng nát tan. Chàng đã đối đãi với người yêu khó bảo như một tên tướng cướp không mẹ không cha. Chàng tự tìm ra một

triết lý cho hành động ác độc của mình để bớt bị dày vò: "Ta giết nàng để yêu nàng mãi mãi!" Một thứ triết lý ngông cuồng phá nát đạo lý nhân luân.

Khi Smith tỉnh cơn điên, Sinh nằm lõa lồ, sóng sượt. Tấm thân hình bé nhỏ thon thon nát nhừ sau cơn vật vã chống cự, lồ lộ trên chiếu chăn trắng muốt. Vệt tóc xõa, một nửa khỏa lấp mặt, một nửa chạy dọc theo ven sườn nhưng làn mây khói đen nổi lên ở dọc bờ cát trắng miền Trung báo hiệu giông bão.

Smith hoảng hốt xỏ vội quân phục, chụp mũ lên đầu, tay vớ chiếc va-ly đã chuẩn bị sẵn, chạy nhảy ba bậc thang lầu xuống đất gọi taxi vụt ra phi trường. Chàng chạy tội. Tội sát nhân. Càng tệ hơn, hạ sát một kẻ yếu đuối trót dâng chàng trái tim *Tin Yêu* như tín đồ dâng lòng mình cho Giáo chủ.

Bây giờ Smith đã xa người yêu một đại dương. Chàng để lại gì sau những ngày tháng đóng vai cứu tinh cho một dân tộc mà chàng dư biết là đang bị sóng đỏ tràn ngập. Chàng lính kiêu hùng của một đất nước Tự Do bậc nhất thế gian, của một quân đội đã từng cứu cả loài người khỏi bóng Thập Ngoặc và chưa hề biết đến chữ "Thua" từ lúc ra đời — Chàng lính trẻ kia để lại gì hơn là mười ngón tay trên một làn cỏ non.

Smith tưởng mình trút bỏ được cái hình ảnh đó sau lưng mình khi đã đóng phập cửa phòng, nhưng nó vẫn đeo đuổi chàng trên đường mây hồi hương, theo sát cả trước mắt lẫn sau lưng, cả bên phải lẫn bên trái.

Smith bóp họng Sinh là vì yêu hay vì không yêu? Nhân loại lớn và nhân loại nhỏ, nhung nhúc những tim đỏ tim đen không ai hiểu nổi ngoại trừ Smith. Nhưng chính ngay cả Smith nữa, chính anh ta cũng không hiểu một tí gì. Lúc ấy gã chỉ là một thằng điên. Gã chỉ lỡ tay?

Máy bay đã hạ cánh. Bánh xe phi cơ chạm phi đạo đánh "cụp" một tiếng báo hiệu sự an toàn sau những mấy chục tiếng đồng hồ phiêu lưu dong ruổi chở nặng tội lỗi hồi hương.

Thay vì đến nhà một thằng bạn đã mãn hạn trước Smith vài tuần, chàng ta lại gọi taxi đưa đến một quán rượu. Đời lính hễ máu lửa vừa phủi sạch thì gái và rượu theo kế đó.

*
* *

Smith uống liền mấy cốc mixed drink. Mắt chàng đã bắt đầu nhìn bóng đèn hơi rung rinh. Và mặt mũi cô em hầu bàn cũng rung rinh. Rồi đến cặp đùi nhún nhảy của cô em cũng run run nốt.

Smith đã lau tay bằng chiếc khăn ẩm ướt có tẩm nước hoa của quán rượu nhưng sao chàng vẫn có cảm tưởng như những gì chàng muốn tẩy đi vẫn còn nguyên trên mười ngón tay mình.

Chàng gọi rượu uống tiếp để quên, nhưng quái lạ thay, chàng càng uống lại càng nhớ. Chàng nhớ con sông Hàn quen thuộc như chảy qua đời chàng. Chàng nhớ hương tóc, nhớ nụ cười trinh nguyên của Sinh. Chàng chợt nhận ra sai lầm là chàng đã chiếm đoạt quá vội vã. Vội vã là kẻ thù của nhẫn nại. Giá nhẫn nại thuyết phục chắc chàng sẽ không gây nên tội ác, mà lại còn được yêu hơn.

Chàng hối hận. Hóa ra bao nhiêu ngày tháng vượt chết ở chiến địa, chàng chỉ lập được có một thành tích: bóp họng người yêu để đạt một nhu cầu không cao cả gì cho lắm, thấp hèn đê tiện nữa là đằng khác.

Smith hối hận, thực sự hối hận, nhưng bây giờ người lính ở bên này đại dương rồi, bên kia cái thân xác nõn nà, vốn của chàng — nó đã nằm trong tay chàng một cách tự nguyện trước phút bị cưỡng bức, — thân xác ấy có hoàn hồn hay vẫn là cái xác thì Smith cũng mang bằng ấy tội. Đốn củi ba năm thiêu một giờ. Yêu cả đời, giết nhau một phút là thế.

Cô hầu bàn xán tới nhoẻn miệng cười :

— Anh yêu quí, cần gì nữa ?

— Cần em !

— Hừm, nói có duyên ghê !

Smith nắm tay cô bé, ấn cô xuống ghế.

— I love you.

— Stupid! — Cô bé tát khẽ lên má nóng rực của Smith.

— Em đẹp thế, chắc tên cũng đẹp lắm phải không? Tên gì thế?

— Suzi.

Như máy, chàng ta mở cúc áo ngực rồi trật bả vai ra cho cô gái xem:

— Em có thấy chữ gì không ?

— Suzi nhìn trái tim hồng tươi trên làn da nâu anh con trai. Anh này khoe:

— Tên em trong tim anh đấy. Có phải đây là một "fatal meeting" không?

Ta chiêm bao thấy thần mách bảo tên em và nơi này là tổ uyên ương!

Suzi trề môi :

— Thôi đi bố non, con lạy bố, tán vừa thôi! Bố mới ở Việt Nam về phải không?

— Sao biết giỏi vậy ?

— Chữ S là hình nước Việt Nam chứ còn gì nữa !

— Hì hì. Đúng đấy. Cô em có "go-out" với mình không?

— Thôi đi nỡm! Để người ta chạy bàn. Khách tới đông quá kìa.

Cô bé chạy đi. Chập sau lại trở lại, nhí nhảnh:

— Ở Việt Nam về mà không mang về được một con ngáo ộp da vàng à?

— Ồ, có chớ! Hồi nãy tớ đùa, chứ kỳ thực chữ S là tên nàng đấy. Chúng tao sắp làm lễ thành hôn rồi đấy ! — Vừa nói Smith vừa móc túi lấy ví rồi lấy hình ra khoe: — Coi có bằng các cô không nào?

Suzi cầm tấm ảnh nghiêng vào ánh đèn xem và chép miệng:

— Cũng đẹp đấy chứ nhỉ? Nhưng nàng ta có theo mày về bên này?

— Nàng... nàng còn ở lại bên đó.

— Sao thế ? ...

— Hừ... tao cũng không hiểu sao.

— Trông nàng nhu mì dễ thương quá nhỉ. — Cô gái vẫn không rời mắt tấm ảnh.

— Vâng, nàng rất dễ thương. Nàng yêu tao lắm.

— Bao giờ mày làm đám cưới, cho tao hay... tao có món quà.

— Quà ? Không bao giờ nàng nhận được !

— Tại sao ?

— Tao... tao đã... Chàng ta bật khóc, gục đầu trong hai bàn tay, nức nở.

— Mày nhớ nàng hả? Tại sao lúc về lại không đem nàng đi? Đồ ngốc!

Smith vẫn run run đôi vai gồ ghề. Chàng nghe như có vết lửa bỏng ở bả vai.

— Đàn ông chúng mày là một lũ tệ hại. Hứa tất cả rồi chẳng làm gì. Mày bỏ người ta mà chuồn êm chứ gì! Có bầu nữa là khác!

Smith bị kích động mãnh liệt. Chàng ngẩng lên, nhìn Suzi bằng đôi mắt thú tội:

— Tao đã ngông cuồng bóp chết nàng.

— Hả ? Mày... mày...

— Vâng, tao bóp chết nàng.

— Tại sao ? — Suzi kêu lên thất thanh — Thiệt vậy hả ?

— Tao cũng không hiểu tại sao! Đúng thế! Tao đang sám hối!

— Đồ khốn kiếp! — Suzi buông tấm ảnh lên bàn và thét lên: — Tao sẽ đi tố cáo mày! rồi quay ngoắt đi, miệng còn lẩm bẩm — Quân giết người!

Smith ngồi trơ như đá, mắt hút theo Suzi mà không trông thấy gì. Chập sau chàng quờ quờ nhặt tấm ảnh nâng lên môi mà nước mắt ràn rụa.

*
* *

*P*hú Quốc. Giữa hoàng hôn. Năm 1975. Tháng Tư. Chiếc tàu vượt đại dương Challenger đỗ ngoài khơi. Những tàu

hải quân khác chạy quanh như điên. Thuyền máy thuyền buồm đánh cá. Mặt biển xáo động, đen nghịt vì sự di động của thuyền bè, tàu to tàu nhỏ như một đàn cá bu quanh con cá Ông Challenger.

Một chiếc tàu hải quân đầy ói những người, từ xa nhắm tàu Challenger đâm tới. Một chiếc khác đã đến gần và ném dây cáp qua tàu Challenger. Sợi dây cáp to căn thẳng như độc đạo nối liền giữa hai chiếc tàu. Ở bên kia hông tàu cũng diễn ra cảnh tượng như thế. Trong lúc đó trên trời trực thăng bay như mắc cửi. Ở ngoài khơi một thành phố nổi đã lên đèn. Đó là một chiếc tàu vượt đại dương cùng cỡ với chiếc Challenger này, đang chuẩn bị vào rước dân chạy chết! Bây giờ chung quanh tàu Challenger đã đơm đặt những ghe, tàu lớn nhỏ. Người ta dùng đủ mọi cách để lên cho được trên tàu Challenger vì loài dã thú đang hồng hộc đuổi theo sau lưng họ. Hàng ngàn cánh tay ngoắc vẫy cầu cứu, hàng ngàn cánh tay của những người may mắn được lên tàu trước vẫy ngoắc đáp lại, nhưng ở cả hai phía, những cánh tay không có cách gì nối dài ra hơn, nên đành lấy mắt ngó nhau, và khóc.

Đường dây độc đạo ngắn, một đầu là Địa ngục, đầu kia là Thiên đàng, vì sóng to, hai chiếc tàu bị nhồi mãnh liệt, cho nên lúc nó chùn như võng, lúc căn như dây đà, như bật lên lời trả giá của Sống và Chết trước mặt. Một nhân sinh vì nóng lòng lên Thiên đàng sớm, đã lao ra treo mình trên đường dây, và chuyền đi. Nhưng chỉ xa Địa ngục được một quãng, thì đường dây giật mạnh, người xẩy tay, rơi tòm xuống biển. Nước tung toé rồi khõa kín... Trong lúc đó bên hông tàu phía trong bờ, một cái túi lưới thòng xuống một chiếc tàu để vớt người lên. Cứ vớt xong tàu này lại đến ghe khác. Những ghe tàu không còn người thì được chủ hướng mũi ra khơi cho tha hồ chạy đến kiệt sức nằm đâu thì nằm, chìm nổi mặc thân!

... Chiếc túi lưới đang xúc người trên một thuyền đánh cá. Mỗi lần nó thòng xuống, người ta nhảy tưng lên bám lấy lưới, đu người nhoài vào bên trong trước khi nó đụng sàn ghe. Ai cũng muốn mình vào trước. Có những người không vào được nhưng vẫn bám chặt lưới, toòng teng cho đến khi túi người lên được boong tàu. Một người đàn bà trung niên đứng ngay trước miệng túi nhưng vì tay bồng con, tay kia không đủ sức cất mình vào túi nên bị lấn văng ra. Nhưng bà ta cố trườn vào, chìa đứa bé vào giữa túi nhưng không có bàn tay nào đón nhận. Mặc kệ, bà ta cứ ném đứa bé vào rồi bị lại lấn dạt hẳn ra xa, không trở lại được.

Binh nhì Smith, nay là thượng sĩ Smith, có mặt trên tàu Challenger trong chuyến hải hành đột biến này. Đứng trước cảnh tượng kinh hoàng, Smith tưởng mình chiêm bao. Khi được lệnh đi tiếp cứu Sàigòn, Smith tưởng tượng những trận đánh đẫm máu

như hồi Tết Mậu Thân. Thủy Quân Lục Chiến sẽ đổ bộ, quân nhảy dù sẽ nhảy dù xuống dọc khắp bờ biển Việt Nam từ Hải Phòng đến Kiên Giang để diệt sạch bọn VC vốn đã tàn lụi vào lúc quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam — một lần cho tất cả, cho hậu thế VN không còn chịu cảnh bị xâm lăng kêu cứu như vừa qua.

Riêng Smith mong sẽ có cơ hội hành quân lại Đà Nẵng để tìm kiếm dấu vết của những kỷ niệm êm đẹp xưa. Khi tàu rời bến, Smith không ngủ được, đêm ngày những mong nhìn thấy bãi cát trắng Việt Nam và những cánh buồm trên sông Hàn. Smith trải bản đồ ra nhìn mãi; những vĩ độ kinh độ được ghi bằng bút chì đỏ của thuyền trưởng làm Smith phấn khởi lạ thường. Chữ S xanh ép mình dưới một tảng máu to từ trên đè xuống. Đáng tội nghiệp biết bao!

Smith nghe như vết bỏng cũ trên bả vai chàng, trong tim chàng tấy lên vừa buốt đau vừa êm ái, cái chữ S nằm giữa một trái tim, tấm nhựa xuân tươi. Cái thân hình cô bé năm xưa lại hiện lên giữa màu chăn trinh trắng phập phồng trên ngàn sóng bạc đầu trước mắt Smith.

Bao nhiêu hi vọng trở về đặt chân lên vùng đất kỷ niệm, dù chàng phải đến đó để thú tội và xin được trừng phạt, hay dù đến bên mộ người yêu để tưới những giọt nước mắt lỗi lầm, chàng vẫn vui lòng, chàng có thừa can đảm nhận, sau thời gian dài sám hối.

Nhưng khi đến nơi, chàng mới vỡ nhẽ ra. Chàng có dè đâu kẻ đang sắp giơ tay đầu hàng lại là kẻ thắng thế. Smith thấy nhục. Chàng không dám nhìn thẳng vào những gương mặt đanh lại như đồng như đá mà khoé mắt khô ran đang chạy trốn khỏi Quê Hương họ.

Smith lại nuôi một hi vọng mới, tuy nhỏ nhen nhưng nó làm cho Smith bồn chồn không ít. Biết đâu trong những người bất hạnh này chẳng có một người quen với Sinh. Smith sẽ hỏi tin về người yêu. Từ ngày về xứ, Smith không dám gởi thư nhờ bạn bè tìm tin tức Sinh. Vì đó chẳng khác nào lên tiếng: lạy ông con là tội phạm đây!

Smith đang chen chân lướt qua các dòng người xuôi ngược trên boong tàu thì có tiếng loa phát ra từ nóc buồng lái:

"Ai là cha mẹ của một đứa bé trai non ba tuổi mặc áo may-ô trắng trước ngực có hình địa cầu, xin đến phòng truyền tin ngay dưới buồng lái để nhận. A Lô, A Lô!!..."

Tiếng loa lướt qua các tin tức khác một lúc, rồi trở lại cậu bé mặc áo may-ô có hình địa cầu.

Mọi người đều lắng nghe, người này ngó người kia. Những gia đình có trẻ con xem đi xét lại đám con mình nhiều lần để chắc bụng không một đứa nào bị rơi rớt lúc chạy hay lúc lên tàu.

Mặc cho những hoạt động xáo trộn náo động bi thương trên boong và dưới hầm tàu, chiếc tàu to lớn như con quái vật vô tri đã nuốt mồi no cành hông, mở máy lớn, nhổ neo nhắm mắt đâm mũi ra khơi trở lái về hòn Phú Quốc đã mờ mịt trong bóng đêm.

*
* *

*T*hằng bé con ba tuổi được một anh lính TLQC Việt Nam Cộng Hòa đến nhận. Anh ta bế nó trên tay, không thể thả nó xuống sàn tàu được vì người đi lại ngược xuôi quá hỗn độn, anh sợ người ta dẫm lên nó. Cho nên mặc dù đã mệt nhoài, tay chân rời rã, anh vẫn cố ôm đứa bé trong lòng như đón lấy bất hạnh bỗng nhiên trời giáng xuống đời anh. Hai kẻ bất hạnh ôm nhau biết đâu chẳng làm nên hạnh phúc!

Chỗ đứng của anh là gầm cầu thang. Người lên kẻ xuống nườm nượp tiếng kêu ó đinh tai nhức óc nhưng anh được cái lợi là có bốn cây trụ bao chung quanh nên anh ít bị xô đẩy trôi dạt.

Trên sàn tàu những gia đình đã phân chia "lãnh địa" của nhau bằng những gói hành lý rách mướp hay những đôi giày, những cái mũ cối ôm đầu chủ không để gió biển giật phăng đi, và để được cùng chủ rời Địa ngục mà lên Thiên đường. Để nghỉ tay, anh lính moi ba-lô tìm chiếc võng nhưng anh đã đánh mất nó hồi nào anh cũng không nhớ. Cho nên anh đành đứng tựa lưng vào cột thang gác vừa ru đứa bé ngủ vừa ngủ giấc ngủ kinh hoàng.

Tiếng sóng ầm ì vỗ mạn tàu trở thành bài ca ly hương của cả vạn con người đang là công dân của một nước độc lập bỗng hoá thành thất thổ lưu vong, ra đi, không biết đến đâu và ngày về hẳn là vô định.

Đêm dài nhất đời người đã đi qua trên mặt biển và đã để lại những nét nhăn cồn lên những khuôn mặt như những lượn sóng thần. Chỉ có thằng bé là kẻ vô tư. Nó đã ngủ ngon trên vai người lạ.

Sau một đêm vắng mẹ, nó vẫn còn yên tâm rằng mẹ nó đi chợ, chốc nữa sẽ về với kẹo với bánh. Cho nên nó bò chơi trên khoảng sân tàu mà các gia đình đã nhích ra để ưu đãi nó bù lại sự thất lạc mẹ của nó. Một gia đình có đứa con trai cùng lứa tuổi, để cho con mình đến chơi với thằng bé. Chúng làm quen rất nhanh.

Phú Quốc đã biến mất sau lái tàu, không rõ từ lúc nào.

Thằng bé chợt nhớ mẹ, nhớ vú mẹ, đang chơi bỗng khóc ré lên. Nhưng đâu có ai có sữa sẵn mà dỗ dành nó. Anh lính chiến lại bế nó lên tay vuốt ve, nhưng nó vẫn cứ khóc ngặt nghẹo. Sức chịu đựng của nó đã quá giới hạn. Giữa lúc đó thì Smith chen chân đi tới. Người ta trỏ thằng bé ra dấu bảo nó khát sữa. Smith gục gặc đầu rồi biến nhanh. Chập sau anh ta trở lại với một thùng sữa và những chai bú mà người ta đã lo sẵn cho chuyến tàu vừa nhân đạo

vừa oan nghiệt này.

Được sữa bú, thằng bé không khóc nữa nhưng nó thấy râu ria của người lính Mỹ, nó sợ, nó úp mặt vào ngực người lính Việt Nam.

Smith bỗng choáng váng mặt mày. Chàng nghe như con tàu bị sóng xô mãnh liệt một phát. Smith bám vai người bạn Việt Nam cho khỏi ngã. Tâm trí chàng quay cuồng theo những cái lắc liên tiếp của con tàu.

Chàng vừa trông thấy trên bả vai non mềm của đứa bé một trái tim đỏ rực và giữa mầu hồng tươi ngự một đường cong thanh tao mà uy nghi như một nét trổ thần tình: chữ S.

Cái mẫu tự đơn sơ có mặt hầu hết trong các ngôn ngữ khác nhau của loài người đã mang trọn vẹn linh hồn của Smith.

Vũ thị Phùng Sinh, tên của người con gái nghèo ven bờ sông Hàn đã không chịu hiến dâng trinh tiết của mình cho vị hôn phu đã tái sinh? Mũi con tàu như chúi xuống vực thẳm làm mọi người ngã nghiêng.

Smith đứng xoạc hai chân ra để giữ thăng bằng trong lúc hai tay to lớn của chàng ôm quàng cả người bạn đồng minh thất trận lẫn đứa bé lưu lạc bơ vơ.

*
* *

Smith tỉnh lại và ẵm đứa bé về phòng. Chàng ta xin phép vị chỉ huy đơn vị đặc nhiệm được dùng một ít thì giờ riêng để săn sóc đứa bé! Vị chỉ huy chẳng những cho phép mà còn ngợi khen viên thượng sĩ giàu lòng nhân đạo.

Smith móc ví lấy hình người yêu cũ ra để tìm những nét giống nhau giữa Sinh và đứa bé mang chữ S giữa nền tim. Smith tự hỏi cái dấu riêng đặc biệt này là bẩm sinh hay cha mẹ nó đã tạo ra cho nó? Nếu là bẩm sinh thì hoặc cha hoặc mẹ nó phải có cái dấu này trên người để di truyền cho nó. Báo chí đã đăng biết bao nhiêu chuyện lạ lùng về những hình dáng và đặc điểm của những trẻ sơ sinh, tuy rất ly kỳ nhưng lại là sự thật.

Còn nếu cha mẹ nó muốn tạo cho nó một dấu riêng đặc biệt để dễ tìm nó khi rủi bị thất lạc, thì cha mẹ nó là ai? Và sao cái dấu riêng đó cũng giống hệt, và cùng trên một vùng da thịt, như của Smith đã tự tạo cho mình lúc còn yêu Phùng Sinh?

Smith nhìn bắp thịt vai của thằng bé và bắp thịt vai của mình. Da thịt này máu huyết kia có phải là một hay không?

Bất giác Smith khom xuống đứa bé đang bò lê trên sàn, môi run run:

— Con tên là gì ? Bố mẹ con đâu ?

Đứa bé đưa cặp mắt đen tròn lay láy nhìn người lạ mà nó đã

bắt đầu trìu mến, rồi bập bẹ mấy tiếng "Ba... Ba", những tiếng mà bất cứ đứa trẻ nào mới tập nói cũng đều nói, chứ không riêng gì những đứa trẻ Việt Nam. Thế nhưng đối với Smith thì những tiếng vô tư ấy lại mang một ý nghĩ đặc biệt, những tiếng như mũi dùi xoáy vào tim và tâm linh của Smith.

Smith bế đứa bé lên tay. Ôm siết nó vào lòng. Nước mắt rưng rưng môi run run:

— Con, con có phải là con của ba hay không? Mẹ của con có phải quê ở ven sông Hàn và tên là Vũ thị Phùng Sinh hay không? Sao con không trả lời cho... cho... ba. Ba là ba của con đây!

Đứa bé chỉ giương mắt nhìn. Trước những giọt nước mắt của người lạ, nó chỉ cười, nhe mấy cái răng như những hạt bắp non chưa đủ sữa.

*
* *

Tàu đến Guam, sau hai ngày ba đêm lướt sóng to. Thượng sĩ Smith và đứa bé bơ vơ đã trở thành đôi bạn thân. Từ hôm được người lính Mỹ săn sóc, thằng bé đã không khóc đòi mẹ mà lại rất ngoan. Thượng sĩ Smith cũng đã quen miệng gọi nó bằng "con" và đứa bé cũng cứ luôn miệng bặp bẹ "gọi" chàng bằng "ba... ba".

Hai bên đã thực sự mến nhau. Thấy thế vị chỉ huy đơn vị đặc nhiệm giao cho Smith mang đứa bé lên cơ quan di trú để làm thủ tục giấy tờ nhập cảnh Mỹ quốc!

Smith ôm đứa bé xuống tàu trước tiên, chàng đứng ở đầu thang, lại hi vọng tìm được cha mẹ của đứa bé.

Những người mất nước bắt đầu cuộc sống lưu vong từ ở bậc thang cuối cùng này, khi chân họ đặt trên mặt đất đảo Guam. Sau những ngày đêm say sóng và đau vùi, họ đã tỉnh dần và bước những bước loạng choạng trên đất bằng, mắt nhìn cái mặt trời dị kỳ trồi lên từ đáy biển như hòn máu ai đánh rơi. Thấy chàng lính Mỹ ôm đứa bé Việt Nam đứng bên cầu thang, ai cũng biết đó là đứa bé lạc bố mẹ hôm nọ. Có người đưa tay xoa tóc nó và ra dấu bảo nó giống Smith. Smith gật lại và cười thích thú:

— Con tôi, con tôi đấy !

Từ từ, cái bụng no cành của con quái vật đã lỏng lẻo, mồm nó đã ói ra đến người cuối cùng mà chẳng ai nhận đứa bé là con mình.

Smith ẵm đứa bé rơi rớt Việt Nam lên Sở Di Trú xin nhận nó làm con. Nhưng người ta lại không chấp nhận với nhiều lý do pháp lý mà lý do nào Smith nghe cũng đúng đắn cả. Ngoài ra, còn một lý do tình cảm, là: "Những tàu khác đang chở người tị nạn tới đây tiếp. Và chính tàu Challenger cũng quay trở lại Phú Quốc để vớt thêm những người còn lại. Biết đâu bố mẹ đứa bé chẳng tới nay mai?"

Smith đành chia tay với đứa bé. Chàng chỉ xin chụp mấy tấm ảnh chung với nó để làm kỷ niệm, một bức chàng cất vào ví, một bức lưu lại Sở Di Trú với địa chỉ của chàng và dòng chữ sau đây: — *"Mai sau nếu cậu bé Việt Nam này có cần một mái nhà ấm, một người cha, thì mái nhà ấy sẽ là mái nhà của tôi và người cha ấy cũng sẽ là tôi: — Thượng sĩ Smith, quê hương thứ hai: Đà Nẵng Sông Hàn."* Thượng sĩ Smith viết xong, đọc đi đọc lại rồi chàng trao ảnh cho nhân viên Sở Di Trú. Chàng ôm hôn đứa bé mãi. Chàng ngửi thấy da thịt người yêu cũ trên má bụ bẫm của đứa bé. Có phải chăng?

Đứa bé vẫn cứ giương mắt nhìn người lạ giờ đã quen. Nó khóc vang lên khi chàng trao nó cho một nữ nhân viên để rời đi.

Chàng quay nhanh, quệt nước mắt, quay lại nhìn. Nó vặn mình đòi theo, và khóc càng to hơn. Nó đã mất mẹ. Nay lại mất cha. Có đứa bé nào trên địa cầu này mất nhiều hơn nó đâu. Mà chỉ trong có mấy ngày: mất nước, mất mẹ, rồi mất cha. Tất cả! Chỉ có đứa bé Việt Nam thôi!

Tháng 8, 1986.

Kể từ ngày binh nhì Smith xách valy vọt khỏi khách sạn để leo lên máy bay hồi hương đến nay là 14 năm. Còn tính từ ngày hai "bố con" của thượng sĩ Smith chia tay ở Sở Di Trú tại Guam là trên 11 năm, một khoảng thời gian đủ để làm diện mạo con người thay đổi, mà cố nhân khó nhận ra.

Từ bấy đến nay tàu Challenger không trở lại Việt Nam nữa, nhưng người Việt Nam không ngừng tị nạn. Cái Hạnh phúc, không khí Tự do, nền Độc lập thực sự người Việt Nam chỉ tìm thấy ở ngoài biên cương Việt Nam ngày nay. Cho nên niềm vui lớn nhất của họ là được bỏ nước ra đi làm thân lưu vong. Biển Thái Bình lại không Thái Bình vì những thuyền vượt biển khuấy động mặt sóng không ngừng. Mười người đi, đến bến chỉ năm ba.

Thượng sĩ Smith đã là một người trung niên và đã giải ngũ về nhà làm ăn sinh sống. Chuyện Việt Nam như một chuyện cổ tích trong đời chàng. Chàng đã nhiều lần thử yêu một người con gái hoặc thử tìm một người đàn bà để xây tổ ấm, nhưng tâm hồn chàng hầu như chai ngắt, chai ngơ, như một dây đàn bấm không run, một làn da chạm lửa không biết nóng.

Chuyện cổ tích Việt Nam mà người con gái tên Phùng Sinh là nhân vật chính và trang bi thương đã diễn ra ở bờ Sông Hàn, lại thỉnh thoảng gợn lên trong tâm trí chàng. Chuyện ly kỳ đứa bé mang hình chữ S trên nền tim ở bả vai sống dậy trong lòng gã trung niên trên mười lăm năm mặc áo kaki, đang thèm khát một tiếng khóc trẻ thơ.

Chàng thượng sĩ giải ngũ quyết định đi tìm đứa bé ở Guam năm xưa. Chàng đăng tin khắp các báo. Và chàng đi tìm nó trên mặt đất. Một ngày kia dừng lại ở một hải cảng nhỏ ở cực Nam nước Mỹ, chàng đọc dòng tin sau đây, trong một quán ăn nhỏ ở ven biển:

"... hôm nay, độ 12 giờ trưa, một chiếc tàu buôn Anh quốc sẽ đưa 14 người Việt Nam cặp bến tàu, ở dock số 12. Được biết những người Việt Nam này, gồm 6 phụ nữ, 2 cụ già, 3 thanh niên, 3 trẻ con, do một cựu thiếu tá quân lực VNCH chỉ huy. Họ vượt biển bằng thuyền đánh cá từ bờ biển Đà Nẵng. Họ lâm nguy khi ra đến hải phận quốc tế. Tất cả đều khẩn nguyện xin Đức Mẹ phù hộ cho họ vượt chết. Họ sẽ xin vào lạy Mẹ xin làm con của Mẹ suốt đời, ngay khi họ đặt chân đến đất liền. Vì lời khẩn nguyện ấy, cho nên, khi tàu cặp bến, đại diện Sở Di Trú, đã từ Hoa Thạnh Đốn đến để hoàn thành thủ tục nhập cảnh, nhóm người này sẽ được đưa đến nhà thờ Saint Pius ở đường... để họ lạy tạ ơn Đức mẹ" (Tin bản báo và tin nhận được từ tàu buôn Anh quốc)."

Ở dưới cùng của trang báo lại có bản tin giờ chót đóng khung:

"Được biết, LM. Nguyễn Đức Nhuận, người đã vượt biển hai năm qua, hiện đang coi sóc con chiên Việt Nam ở Giáo phận này cũng sẽ có mặt trong buổi đón tiếp nhóm người tìm tự do và trong thánh lễ cử hành ở nhà thờ Saint Pius."

Buông rơi tờ báo xuống bàn, Smith giơ tay lên xem đồng hồ. Đúng 12 giờ. Chàng phóng ngay tới bến tàu, dock 12. Chàng như cái máy. Chàng là kẻ đứng sau cùng trong đám người đến đón nhóm người từ bên kia bờ biển tới đây. Nhờ phép lạ của Đức Mẹ.

Họ đang bước xuống thang tàu. Những người Việt Nam ở đây đã phá vỡ trật tự đã được giữ tốt đẹp cho đến giờ phút này. Họ ùa tới ôm chầm đồng hương của họ, những trái tim lưu vong chào đón những trái tim lưu vong.

Smith chợt thấy một gương mặt quen, thân yêu nữa là khác. Mắt đen, tóc đen. Cặp mắt như hướng về Smith và đã bắt gặp tia mắt của Smith.

Smith há mồm, nhưng tiếng kêu chưa thoát ra khỏi cổ họng thì một người đàn bà chạy tới ôm lấy che lấp gương mặt quen thân kia.

Đám đông vây kín "những người vượt biển bằng ghe đánh cá", tung hô họ như những anh hùng. Rồi đưa họ lên xe. Những cánh cửa đóng kín. Smith không có cơ hội chen tới nữa. Những chiếc xe chuyển bánh, mang họ đi.

Phùng Sinh! Phải Sinh không? Chiêm bao hóa thành sự thực chăng? Smith không nghi ngờ đôi mắt của mình chút nào. Chính nàng. Nàng không chết. Nàng còn sống kia! Tuy nét mặt khác xưa

nhiều, nhưng Smith vẫn nhận ra nàng ngay từ cái nhìn đầu tiên. Vẫn hành động như cái máy, Smith chạy phóng đến nhà thờ Saint Pius.

Có lý nào nàng còn sống? Smith nghe đầu óc rối mù, tâm can náo động lạ thường. Chàng không nhớ được chàng có cố ý giết chết nàng hay không? Đúng ra là Smith không thể hiểu được tại sao mình có hành vi bạo ngược đó.

Nàng còn nhận ra mình không? Nàng không thể nào còn yêu mình nữa. Chẳng ai đi yêu kẻ giết mình. Mình có nên gặp lại nàng để xin tội không? Nàng có tha tội cho mình không?

Smith đỗ sịt xe lại rồi khẽ bước lên từng bậc tam cấp, không dám làm tiếng động như một tên ăn trộm sắp vào rình nhà người ta.

Cửa thánh đường chỉ mở có một cánh. Lối vào vừa đủ cho người đến Tạ Ơn Đức Mẹ. Smith đứng lép mình bên ngoài, không dám vào. Bên trong, những ngọn đèn trên điện thờ chớp như những con mắt phán xét kẻ tội phạm đang đến trình diện.

Đức Mẹ đứng trên tòa cao nhìn xuống đám con đang cúi đầu lạy tạ Người, những đôi vai gầy run run, những cặp mắt đẫm lệ mừng vui, biết ơn. Smith đưa mắt qua một lượt, tìm kiếm, rồi trở lại, dừng ở mái đầu quen. Nàng đó, chính nàng. Nàng còn sống dưới chân Đức Mẹ, trước mặt chàng.

Tiếng chuông buông dóng dã ngân dài như lời ru của Mẹ bao quyện lấy đám con đau thương, đón chúng vào lòng.

Thánh lễ chấm dứt. Họ đi ra, bước chậm, mắt lệ còn hoen. Người đàn bà mà Smith nhận là Phùng Sinh đi gần cuối hàng. Khi qua cửa, nàng vẫn ngó thẳng, cơ hồ không biết có kẻ nào đứng bên cửa. Smith trông thấy rõ ràng trên cổ người đàn bà còn in những dấu tay, như những vết bỏng đã thành sẹo, chúng không hề biến lặn. Máu uất tụ lại ở đó, không tan.

Lắp bắp mãi, Smith định gọi rồi lại ngưng rồi lại định gọi. Cuối cùng Smith cất tiếng:

— ... Sinh !

Người đàn bà chỉ quay ngang nhanh rồi lại nhìn thẳng. Nàng không muốn nhận, hay không nhận ra chàng?

Smith quay mặt nhìn theo. Họ lại lên xe, lại đi. Bên trong Thánh Đường chỉ còn Cha Thuận đang quì dưới chân Đức Mẹ Nguyện Cầu. Smith rón rén đi vào đứng sau lưng Người. Chờ Người đứng dậy, Smith đến kính cẩn thưa:

— Thưa Cha, con là người ngoại đạo, nhưng hôm nay con muốn được giữ đạo. Xin Cha giúp cho con được toại nguyện.

Cha Thuận nhìn anh chàng xơ xác, râu ria không cạo, nhưng cặp mắt có vẻ chân thành. Cha chưa kịp nói gì thì Smith quì sụp

xuống chân Người, nức nở:

— Vì con tin là có Chúa Cả trên trời !

— Ồ, điều đó tốt lắm. Anh hãy đứng lên, nói chuyện với tôi!

— Thưa Cha, con muốn xưng tội với Cha.

— Cũng được, nhưng hôm nay không phải ngày Cha lên tòa để các con xưng tội. Thánh Lễ hôm nay chỉ dành riêng cho đồng bào của Cha tìm Tự Do giữ lời Nguyện Cầu với Đức Mẹ đến tạ ơn Người mà thôi. Vậy con hãy đến vào một ngày khác, ngày nào cũng tốt cả. Từ giờ đến đó, con hãy ăn năn cầu nguyện, dọn mình cho được thanh sạch. Điều hệ trọng nhất để được Chúa tha tội cho con là con nên trước nhất thành thật với chính mình.

*
* *

Smith ngồi đứng không yên. Chàng tìm đến tòa án. Trước tiền đình uy nghi của Toà Án có một tấm bia bằng cẩm thạch trắng trên đó có khắc tên những chiến sĩ thuộc Quân Đội Hoa Kỳ đã hi sinh trong thế chiến thứ 2, trong chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam.

Smith đi vào toà án một cách hiên ngang. Người thư ký ghi tên chàng vào danh sách chờ đợi để được tiếp kiến với Quan tòa.

Hơn một giờ đồng hồ sau, Smith đi theo sự chỉ dẫn của người thư ký để vào Tòa Án. Vừa trông thấy Quan Tòa, Smith nói ngay, không vấp:

— Tôi là phạm nhân cần được xét xử ngay, thưa Tòa.

— Anh tội gì?

— Giết người, thưa Tòa.

— Ngộ sát hay cố sát ?

— Thưa Tòa, tôi không hiểu ngộ sát khác với cố sát ra sao!

Quan Tòa vui vẻ giải thích :

— Ngộ sát là khi anh hành động anh không có ý định giết chết người kia nhưng vì lỡ tay mà người ấy bị anh giết chết. Còn cố sát là khi hành động, anh định giết hẳn người kia, anh có chuẩn bị, có tính toán có kế hoạch ít nhiều tỉ mỉ. Vậy anh thử lượng định về trường hợp phạm tội của anh xem.

Smith nói ngay :

— Cả ngộ sát lẫn cố sát.

— Tại sao lại cả hai ?

— Dạ thưa Tòa, ban đầu tôi chỉ định trấn áp kẻ kháng cự với ý nghĩ người ấy sẽ phục tùng.

— Nhưng người kia...

— ... đã không phục tùng nên tôi đã...

— ... tăng gia cường độ của hành động sát nhân? — Quan tòa tiếp — như vậy là từ ngộ sang cố sát, tội anh là tội cố sát. Nếu như

anh dừng tay khi người ấy kháng cự mà người ấy vẫn chết thì anh chỉ ngộ sát. Còn đằng này anh đã gia tăng bạo lực để xóa bỏ sự kháng cự cho đến người kia chết mới thôi, thì đó là cố sát. Anh đã hiểu chưa?

— Dạ tôi hiểu, hiểu rất rõ ràng.

— Phạm trường ở đâu ?

— Dạ ở xa, không ở trên nước mình! — Chàng vừa nói vừa cởi cúc áo.

— Kẻ bị anh giết là ai ?

Smith không đáp, chỉ trật bả vai nghiêng qua cho Tòa xem.

— Anh đã giết chết dãi đất hình chữ S ?

— Vâng.

— Anh đã giết chết nước Việt Nam Cộng Hòa đồng minh của ta?

— Vâng.

Vị Quan Tòa cười :

— Nước này bị bức tử thật, nhưng đó không phải là tội của anh.

— Thưa Tòa, nhưng tôi muốn nhìn nhận đó là tội của tôi, riêng tôi.

— Nếu tôi xử tội anh thì trước nhất tôi phải xử tội người khác, nhiều người khác nữa.

— Tôi xin tự nguyện nhận tội những người khác đó là tội của tôi.

— Ở nước này luật pháp rất phân minh, ai làm tội người đó bị hành phạt. Không có điều luật nào nói rằng người này lại có thể chịu tội thay cho một người hoặc nhiều người, nhất là những người này lại chịu trách nhiệm cao hơn người kia.

— Thưa Tòa, nếu thế thì tôi xin tòa xử tôi về tội giết người như những kẻ đã giết người khác.

— Anh đã giết ai ?

Smith lại trỏ vào chữ S trên vai.

— Thưa Tòa, tôi đã giết một người con gái Việt Nam có tên mang chữ S ở đầu. Dạ, nàng tên là Sinh, Phùng Sinh, Vũ thị Phùng Sinh.

— Nàng có cha mẹ không ?

— Thưa Tòa, để làm gì?

— Để họ đâm đơn kiện anh thì tôi mới có dữ kiện mà xử anh được.

— Dạ cha mẹ nàng không có ở đây.

— Thế thì không xử được !

— Nhưng, thưa Tòa, nàng hãy còn sống. Nàng vừa đến đây hôm qua trên chuyến tàu buôn Anh quốc.

— Tại sao anh giết nàng ?

— Dạ vì tôi yêu nàng.

— Mà nàng không yêu anh ?

— Dạ, nàng rất yêu tôi.

— Hừm, có thể thế được sao ?

— Dạ đó là sự thực. Hơi kỳ quái, nhưng đó lại là sự thực, không ngoa.

— Chỉ có thể có trong tiểu thuyết thôi.

— Dạ, nó đã xảy ra thật sự ngoài đời.

— Tại sao lúc phạm tội xong, anh lại không đi thú tội để đến bây giờ là...

— ... 14 năm...

— ... Anh mới thú tội ?

— Dạ, vì tôi hèn nhát, lúc phạm tội xong, tôi chạy trốn. Sự hèn nhát đó không cứu chữa được lương tâm tôi, mà tôi càng thấy xấu hổ mỗi khi tôi nhìn thấy một người con gái, hay bất cứ người Việt Nam nào ở đây.

— Anh có chắc rằng người con gái tên mang chữ S, mà anh yêu và bị anh giết nhưng không chết kia và người con gái vừa sang đây ngày hôm qua là một hay không?

— Dạ chắc chắn !

— Bằng chứng gì ?

— Dạ, chúng tôi đã có con với nhau. Một đứa bé đã ra đời trong tội lỗi. Nó mang dấu riêng, tên mẹ nó trên nền tim của bố nó, thưa Tòa y hệt như thế này. Dạ tôi đã bế nó ở Guam. Đó là con của tôi. Làm sao có thể tin người đàn ông nào khác hơn tôi, là cha nó được?

— Chuyện lạ kỳ thật !

— Nhưng đó là sự thật.

— Nếu đó là sự thật thì... tôi không phải là quan tòa mà chính là cô S. kia, người mà anh yêu và giết. Chính người đó và chỉ có người đó thôi, mới là người có thẩm quyền phán xét trường hợp của anh.

Kẻ phạnm tội thấy đầu óc mình như được một tia sáng rọi vào.

Mặt anh ta có vẻ hửng lên vì xúc động. Vị quan tòa thấy anh chàng kỳ lạ nên bước xuống khỏi bục đi ra dắt tay anh ta lại ngồi ở hàng ghế cử tọa và tiếp tục câu chuyện với giọng thân ái.

— Anh đã học xong High School chứ ?

— Dạ thêm một năm College rồi đăng lính.

— Vậy anh có đọc Othello ?

— Dạ đã học vở kịch đó và làm Research paper về vở đó.

— Tại sao có cái chết của...

— Desdemona? — Smith đáp. — Vì Othello hiểu lầm và ghen. Trong tình yêu khi người con gái trao bàn tay thì cũng trao luôn cả trái tim, nhưng Othello hiểu rằng Desd. chỉ đưa bàn tay cho mình còn trái tim thì lại trao cho Iago. Cho nên chàng ta đã bóp chết Desdemona.

— Anh nghĩ lại kỹ xem anh có giống Othello không ?

— Thưa Tòa, không ạ, tôi không hiểu lầm, cũng không ghen ẩu như Othello.

— Thế thì anh có tội.

— Nên tôi chỉ yêu cầu Tòa xử tội tôi để bảo vệ công lý.

Quan Tòa cười :

— Tôi đã từng xử hàng ngàn vụ phạm pháp trong đó có hằng trăm vụ sát nhân nhưng không tội phạm nào như anh, ngoại trừ một. Nhưng tên này đến tòa thú nhận tội là vì hắn không thể chạy tội được. Còn anh, anh đang bình yên vô sự, tại sao lại muốn ngồi tù?

— Tôi tin rằng nếu tôi bị trừng trị, lương tâm tôi sẽ yên ổn hơn.

— Tốt lắm! nhưng cái cân công lý mà anh thấy trước mặt anh kia có khi, có lắm khi, cũng chẳng công bình. Tôi phải thành tâm mà nói thế. Có những kẻ ăn cắp hằng triệu nhưng vẫn ung dung, trong khi người chỉ cầm nhầm một bao thuốc lá lại phải bóc ba cuốn lịch. Có những kẻ cố tình nhận chìm cả một dân tộc nhưng cứ vênh váo khoác áo chính khách, vĩ nhân; có những kẻ làm tội ác vượt xa Tần Thủy Hoàng nhưng khi chết lại được ướp xác để được chiêm ngưỡng, trong lúc đó thì một kẻ giết người chỉ vì lỡ tay thì lại tù chung thân. Công lý cũng lắm khi bất lực vì khiếp nhược, nó hãy còn thua cái câu của anh hàng thịt cơ đấy anh ạ!

— Nhưng đối với tôi thì ...

— ... như tôi nói lúc nãy, công lý nằm trong cái cân đặt trong tay cô S. Cô ấy bị anh bóp cổ mà không chết. Anh có thể nhận sự khoan dung hoặc hình phạt của Cô.

— Tôi chỉ muốn nhận hình phạt.

— Nếu ai cũng có lương tâm tốt đẹp như anh thì bọn quan tòa chúng tôi thất nghiệp hết ráo!

*
* *

... *Trở* lại ven sông Hàn, vào buổi sáng, mười bốn năm trước. Tại cửa hàng Rác của ông Tư Rác.

Đám trẻ moi rác nhem nhuốc chạy đến báo cho lão biết có "cái rác"quá to gói trong chăn, lòi cả hai chân ra, nằm trong thùng rác sau trại lính Mỹ. Linh cảm cái rác ấy có dính líu với mình, lão Tư Rác bèn tất tả chạy đến bốc đem nó vào nhà thương cứu cấp và đã

được cứu sống. Tên nó là Vũ thị Phùng Sinh, con của một ông thợ rèn ở ven sông Hàn.

Cảnh sát đã chụp hình dấu tay trên cổ cô gái. Nhưng sau khi phăng ra gốc gác kẻ sát nhân, người ta đã xếp hồ sơ luôn. Lẽ phải nằm trong tay kẻ mạnh — cũng như mặt trời mọc và lặn ở trong bốp đầm của các bà lớn — chứ có gần gũi với dân nghèo bao giờ.

Lão Tư Rác "thương tình" nên cho ông thợ rèn một ít đô-la mà lão nhận của kẻ khác, thế là xong. Không xong cũng phải xong.

Thế nhưng câu chuyện Phùng Sinh vẫn chia chấm dứt. Ít lâu sau cô mới biết rằng mình đã có thai trong lần bị cưỡng hiếp suýt chết ấy. Cô bỏ nhà ra đi. Cánh bèo trôi dạt theo làn sóng tàn nhẫn của cuộc đời — ra tận mãi Phú Quốc. Cô sinh ra một đứa con trai.

... Chiếc túi lưới tàu Challenger đã vớt con cô nhưng cô không leo lên được . Mãi đến năm 1986, cô mới tìm ra cơ hội vượt biển và đã được chiếc tàu buôn Anh Quốc vớt trong khi mọi người chỉ còn chờ cái chết. Sau thánh lễ Tạ Ơn Đức Mẹ, những người Việt Nam đi tìm — và đã ôm được vào tay — Tự Do, được đưa tới khu an dưỡng của nhà thờ Saint Pius để nhà chức trách địa phương kêu gọi lòng hảo tâm của dân chúng địa phương đến nhận làm đỡ đầu cho họ đi an cư lạc nghiệp.

Phùng Sinh đã mô tả tóc mắt tuổi tác đứa con trai của mình, đặc biệt với cái dấu riêng trên bả vai mà vừa sinh nó ra nàng đã nhận thấy lờ mờ. Nàng cho đó chỉ là một bớt son như bao nhiêu bớt son của những đứa bé khác có từ trong bụng mẹ. Nhưng đứa bé càng lớn, nàng càng kinh ngạc vì cái bớt hiện rõ hình tim và càng lạ lùng hơn nữa giữa trái tim, nổi lên hình chữ S, chữ S đó là tên mẹ cũng là tên bố của đứa bé. Nhưng nàng không dám thổ lộ với ai. May cho nàng là thằng bé tóc đen, mắt đen nên không ai nguýt háy nàng. Nàng gọi nó là thằng Mít và có ai hỏi đến bố nó thì nàng bảo là đi lính ở mãi Pleiku, Ban mê thuột và đã hi sinh.

Sau khi nhờ hội Hồng Thập Tự địa phương tìm kiếm, độ ba bốn tuần lễ, mẹ con Phùng Sinh được trùng phùng.

Thằng Mít đã lên đến High School và đang mang tên John Stamp mà Hội Hồng Thập Tự đặt cho nó — vì nó có cái "dấu" trên vai, khi Hội này nhận bảo dưỡng nó. Nó cao lớn, hùng tráng và mặt mũi rất Việt Nam. Lạ lùng thay một cuộc mẫu tử trùng phùng. Mẹ nói tiếng Việt. Con nói tiếng Mỹ. Lạ lùng thay ba cái tên Smith, Sinh, Stamp. Lạ lùng thay ba chữ S và sự tan hợp sau những cuộc động đất sập trời.

Trong học bạ của John Stamp, ở phần dành cho ý kiến của thầy giáo luôn luôn có dòng chữ "Excellent student" đi đầu. Ở phần dành cho ý kiến của cha mẹ thì có lời ghi, nhưng không có chữ ký tên của cha hay mẹ. Mẹ thì John Stamp đã gặp lại đây rồi. Còn cha?

John hỏi mẹ :

— Cha con đâu ? Cha con đâu má ?

Phùng Sinh đã chuẩn bị từ lâu nên đáp gọn gàng:

— Còn ở bên Việt Nam.

— Sao ba con không sang đây với má ?

— Ba con bị tù.

— Ai bỏ tù ba con ?

— Việt cộng.

— Việt cộng là ai ?

— Con không thể biết được họ là ai !

Thằng bé đứng tư lự một lúc rồi nói :

— Không phải đâu má. Ba con không còn ở bên Việt Nam đâu. Ba con đang ở đây mà.

— Ai bảo con thế ?

Thằng bé móc trong waly tấm hình trao cho mẹ nó. Tấm hình... Phùng Sinh kêu lên. Trong chớp nhoáng nàng đã nhìn thấy lại cả một quãng đời qua. Smith! Người yêu của nàng cũng là kẻ đã bóp cổ nàng. Mà những dấu vết trên da thịt như đang tấy lên, đau đớn.

— Có phải ba con đó không má ?

Phùng Sinh nhắm nghiền đôi mắt, tay run rẩy buông rơi tấm ảnh, nhưng tai nàng vẫn nghe rõ câu hỏi của con. Nàng ngập ngừng chưa quyết định có gật đầu hay không.

Thằng bé cúi nhặt tấm ảnh và lẩm nhẩm đọc dòng chữ sau lưng tấm ảnh: "... Nếu ngày sau, đứa bé này cần một người cha..."

*
* *

... Vào đêm Giáng Sinh, hai mẹ con ngồi xem TV trong gian nhà mà Hội Từ Thiện thuê cho ở. Cảnh tuyết bay đầy trời làm cho Phùng Sinh buồn rầu, nhưng thằng bé thì lại tỏ ra bình thường. Bỗng hình ảnh bị cắt ngang. Người xướng ngôn viên của đài hiện lên và đọc bản tin đặc biệt.

"Xác của một người đàn ông trung niên vừa được tìm thấy trong một thùng rác của khu Shopping Center X... Xe cấp cứu đã đưa ông ta vào bệnh viện cấp cứu. Những giấy tờ trong người ông cho thấy ông từ xa tới, là một quân nhân giải ngũ và đã từng sang Việt Nam. Có vợ Việt Nam có một con. Người đã tìm thấy cái xác mô tả rằng hai tay nạn nhân tự bóp chặt cổ mình, có vẻ như tự sát. Nhà chức trách đang tìm hiểu tại sao ông lại tìm cái chết lạ lùng như vậy trong giờ phút thiêng liêng." Bản tin vừa chấm dứt thì những tấm ảnh vợ, rồi ảnh của nạn nhân bồng con, hiện lên, mỗi tấm đều to bít cả mặt TV.

Phùng Sinh ôm mặt kêu rú lên. Thằng bé quay nhìn mẹ. Nó

cũng kêu lên:

— Gì vậy má ?
— . . .
— Phải ba con không má ?
— . . .
— Phải hả má ?
— Má không biết nữa... Để má hỏi lại coi.
— Sao kỳ vậy má ?
— Ừ, tại nó vậy đó con !
— . . .

Bùi Quang Triết
Hoa Kỳ 2-27-87

Manh áo cũ

Con thuyền nằm vùi trong cát
Biển im. Sóng lật ngửa. Đỏ lòm sao
Người trở về thuyền tìm manh áo cũ
Bỗng thấy giữa lòng ghe cả biển
Máu trào

Những tay quơ tìm mắt trợn tròng rách bật
Gió kinh thiên há hốc rách bung
Em mười mấy lưỡi liềm xẻ mặt
Chị hai mươi đổ gục đời sông
Ai như mẹ mà sao nhàu nát sóng
Ai như cha mà ruột đổ phơi lòng
Ai đưa tim em lên miệng cười sằng sặc
Ai móc gan anh máu núi khơi dòng
Ai chạy lùi về kêu thôn xóm
Khi thôn xóm chìm vào biển mất tăm
Ai vẫn đứng ở đầu mút sóng
Xoã tóc cười mà hát ca dao
Đôi mắt khóc nghìn đêm thăm thẳm
Hay là nàng sao tóc rưới máu đào ?

Người nhảy bổ vào giữa thuyền
Chỉ còn manh áo nát
Bèn lấy gói đầu mình chạy về hướng biển Đông..
Thường Quán

Phạm Duy

Nhạc tình Văn Cao (kỳ 2)

Tôi đã có dịp nói tới không khí Đường Thi trong nhạc Văn Cao, nghĩa là nói tới chất thơ trong sáng, cô đọng ngay từ trong những bản nhạc đầu tiên của ông. Ta thấy những bài THU CÔ LIÊU, BUỒN TÀN THU... như có vẻ vừa thoát ra từ khung cảnh THU HỨNG của Đỗ Phủ. Nghe câu hát trong bài CUNG ĐÀN XƯA: *"Chiều năm xưa gót hài khai hoa, mắt huyền lưu Xuân, dáng nồng thơm hương"*... thì ta nghe ra như một câu thơ của Thôi Hiệu... Nhưng trong thời kỳ **thành hình** và **phát triển** của TÂN NHẠC, Văn Cao cũng không phải là chàng nhạc sĩ trẻ tuổi độc nhất đã bị ảnh hưởng của Thơ Đường. Nhạc sĩ đàn anh Lê Thương mà đã chẳng biết dùng khung cảnh TRĂNG QUAN SAN của Lý Bạch để soạn ra câu hát: *"Qua THIÊN SAN kìa ai tiễn rượu vừa tàn"* khiến cho ba bản HÒN VỌNG PHU của Ông đã trở thành bất diệt đó à? Có lẽ cũng cảm thấy ma lực của Đường Thi trong Tân Nhạc cho nên về sau này tôi cũng mượn không khí của: *"Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự — Dạ bán chung thinh đáo khách thuyền"* của Trương Kế để soạn ra câu hát trên sông Lô: *"Thuyền tôi đậu bến Sông Lô — Nửa đêm nghe tiếng quân thù thở than"*... Nếu chúng ta đi xa thêm vào dĩ vãng, ta lại còn thấy trong truyền thống HÁT Ả ĐÀO, những bài thơ như TƯƠNG TIẾN TỬU, TIỄN-HẬU XÍCH BÍCH... của thơ Đường đã trở thành những điệu hát hoàn toàn Việt Nam. Còn trong sân khấu CẢI LƯƠNG MIỀN NAM, thì cũng lại có hẳn một điệu hát được gọi tên là DẠ BÁN CHUNG THINH. Ai cũng bị ảnh hưởng Đường Thi mà chẳng nói ra hay chưa có dịp để nói ra!

*
* *

Nhưng với bài THIÊN THAI ra đời vào năm 1944 thì Văn Cao đã không ngần ngại để viết mấy câu đề tựa như sau:

> *... Ảnh hưởng sông nước khúc Thiên Thai cổ trong khung cảnh huyền diệu của Đường Thi với hai truyện Thiên Thai và Đào Nguyên. Người Sông Ngự đã lạc cảm xúc rồi !*
>
> MÙA XUÂN GIÁP THÂN, Văn Cao

Thiên Thai

nhạc: Văn Cao

lời: Văn Cao & Hoàng Thoái (*)

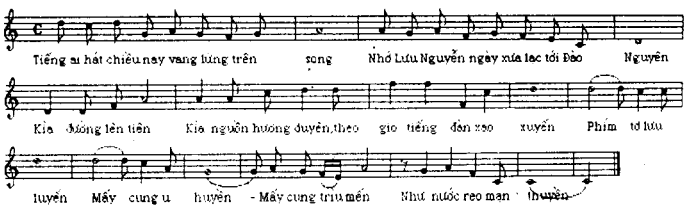

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên
Kìa đường lên tiên,
Kìa nguồn hương duyên,
Theo gió tiếng đàn xao xuyến
Phím tơ lưu luyến
Mấy cung u huyền
Mấy cung trìu mến
Như nước reo mạn thuyền...

Ta hãy thử xem những bài thơ Đường mà Văn Cao vừa kể ra như ĐÀO NGUYÊN HÀNH của Vương Duy và LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI của Tào Đường đã có những gì để khiến cho người nhạc sĩ mang thêm bí danh là Người Sông Ngự này đã phải **lạc cảm xúc?**

*
* *

Trong cuốn ĐƯỜNG THI in tại Saigon vào năm 1971, Giáo sư Phạm Liễu đã cho rằng cảnh Đào Nguyên là cảnh đẹp vô cùng lý tưởng. Bài thơ của Vương Duy dẫn chúng ta vào một khung cảnh thần tiên:

Chiếc thuyền câu đẩy đưa trên sông nước
Mê sắc trời núi đẹp ánh xuân xa...
Đôi bờ Đào Hoa, bến thuyền xưa ấy
Ngời ngắm nhìn cây thắm, không biết xa...

Chốn **suối hoa đào** thần tiên đó mà có được, chẳng qua cũng chỉ vì thi sĩ có quá nhiều gian khổ trong cuộc đời cho nên đã phải tạo ra cho mình một nơi để ẩn lánh. Một cái nơi mà sau này thi bá Vũ Hoàng Chương bước vào thì phải *lạc lối,* người thơ của lên đường Tản Đà tới được thì, sau *nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai...* sẽ phải giã biệt nơi cảnh đẹp lý tưởng đó với *tiếng suối tiễn, tiếng oanh đưa...* và nếu chúng ta có tới được thì cũng chẳng ở được lâu, cũng giống như truyện hai chàng thư sinh mang họ Lưu, họ Nguyễn lạc vào cõi Thiên Thai vậy! Ở dưới trần thì mơ lên tiên cảnh. Ở tiên cảnh thì lại đòi về dương trần... Đó là thân phận con người, la condition humaine.

Bài thơ của Tào Đường thì diễn tả cảnh hai chàng thư sinh đi hái thuốc, không ngờ lại tới được chốn Đào Nguyên:

Khe cây, lối đá nhận đường vào
Hoa cỏ không vương mảy bụi nào

.....

Nhìn bóng dáng mây quên việc trước
Trông chiều cây nước ngỡ chiêm bao
Muốn biết về đâu, non nước ấy?
Hỏi thăm, nên tới suối Hoa Đào.

Người Sông Ngự/Văn Cao đã thú nhận rằng mình bị ảnh hưởng sông nước của hai truyện ĐÀO NGUYÊN, THIÊN THAI cho nên đã soạn ra một bài hát. Một bài hát, theo tôi thật là tuyệt diệu! Nó vừa có tính chất **trường ca,** vừa có tính chất **nhạc cảnh**. Nếu như hình thức ca khúc trong Tân Nhạc Việt Nam cho tới năm 1944 này vẫn còn nằm trong khuôn khổ một đoản khúc được ước định trong một số khuôn nhạc nào đó, với một lối chuyển cung, chuyển điệu công thức nào đó... thì bản THIÊN THAI của Văn Cao đã vươn lên một hình thức rất lớn, chia ra nhiều đoạn, nhiều cảnh, gồm tới con số 94 khuôn nhạc, chan chứa những giai điệu thần tiên và những lời ca thần diệu.

Với tài năng đã nở rộ cùng với bước đi tới của Tân Nhạc, Văn Cao mô tả cảnh đầu của bài THIÊN THAI của ông, cảnh hai chàng Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên:

Sau khi mở ra một tiếng hát của ai không biết, *hát vang lừng trên sóng* để đẩy đưa hai chàng *Lưu Nguyễn lạc tới Đào Nguyên...* thì, với một nét nhạc leo thang, Văn Cao vẽ ra con *đường lên tiên,* nơi *nguồn hương duyên, theo gió* bay lên với *tiếng đàn xao xuyến...* Ngay trong cảnh đầu của bài ca, ngay từ khi con thuyền nào đó (con thuyền câu của ĐÀO NGUYÊN HÀNH?) đưa hai kẻ si tình này đi vào cõi mộng, Văn Cao chỉ nói tới *phím tơ lưu luyến, mấy cung u huyền, mấy cung trìu mến như nước reo mạn thuyền..* Tuyệt nhiên không có tả cảnh! Con đường lên tới suối **suối hoa**

đào cũng không phải qua *khe cây* hay *lối đá* để *nhận đường vào*... như trong bài thơ của Tào Đường. Tôi thì nghĩ rằng đây có lẽ là chiếc thuyền của anh Trương Chi mà Văn Cao đã cho hai chàng Lưu Nguyễn mượn tạm. Và cũng âm ba của giọng hát mà Văn Cao nói tới trong đoạn này đã làm cho hoa đào nơi suối tiên phải rụng cánh, có lẽ đó chính là tiếng hát của người thợ chài trên Sông Ngự, trong cuộc đời có thực hay trong cổ truyện lung linh vậy. Tiếng hát đưa đẩy con thuyền tình trôi trên nước ngọc tuyền, và người trên thuyền cũng thấy quê hương dần xa lấp trong núi ngàn như trong hai bản Đường Thi... để gặp một tiếng hát khác, tiếng hát của bầy tiên bên bờ Đào Nguyên:

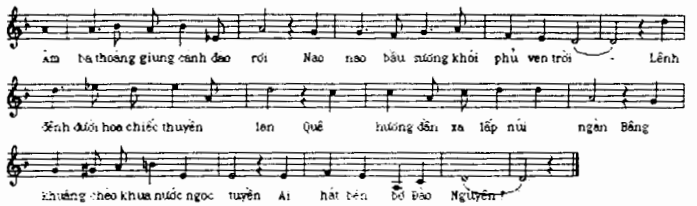

Âm ba, thoáng rung cánh đào rơi
Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời
Lênh đênh dưới hoa chiếc thuyền lan
Quê hương dần xa lấp núi ngàn
Bâng khuâng chèo khua nước ngọc tuyền
Ai hát bên bờ Đào Nguyên ?

Trong đoạn này, Văn Cao đã chuyển nét nhạc một cách rất tài tình, dùng những nốt-bán-cung để di chuyển rất nhanh chóng câu hát đi từ một chủ âm mineure khác, cho ta thấy được rất nhiều mầu sắc của khung cảnh thần tiên này. Mầu sắc ở đây lại không có gì sặc sỡ, nó mơ hồ, nó nên thơ, nó huyền diệu...

Ai hát bên bờ Đào Nguyên? Đó là bầy thiên tiên đang đứng hát đón chờ hai gã tình lang tại một nơi còn nguyên vẹn trinh tiết bởi vì mùa Xuân ở đây chưa bao giờ gặp bướm trần gian tới làm cho Xuân phải ô uế, và mùa đào thì theo dòng ngày tháng chưa hề bao giờ tàn. Với một nhạc điệu rất đẹp chảy dài từ bát độ trên xuống bát độ dưới, với một nhịp điệu lẳng lơ nhưng thanh thoát, Văn Cao cho chúng ta một đoản khúc có thể là khúc Nghê Thường mà ta vẫn nghe nói tới trong Đường Thi.

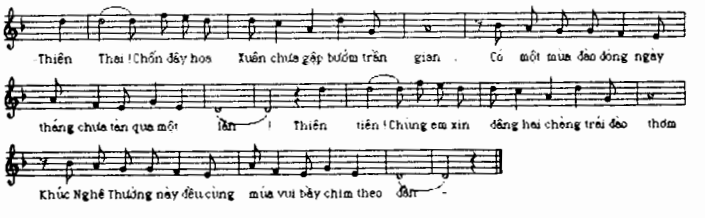

Thiên Thai! Chốn đây hoa Xuân chưa gặp bướm trần gian
Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần.
Thiên tiên! Chúng em xin dâng hai chàng trái đào thơm
Khúc Nghê Thường này đều cùng múa vui bầy tiên theo đàn...

Nhạc bỗng sáng lên, chuyển qua giọng majeure nhưng lời ca thì vẫn chỉ nói tới tiếng đàn, tiếng nhạc... Tuyệt nhiên không nói tới người. Bầy tiên chỉ là hư ảnh. Biết đâu, ngay cả hai chàng Lưu Nguyễn cũng không có mặt trong bài ca? Rồi nhạc lại chuyển vội về giọng mineure để nói rằng tiếng đàn xui chúng ta quên đời dương thế, tiếng đàn non tiên cũng biết khao khát cuộc tình duyên.

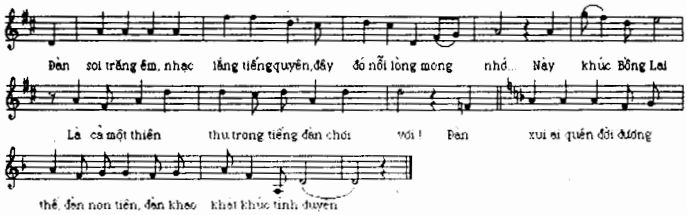

Đàn soi trăng lên, nhạc lắng tiếng quyên
Đây đó nỗi lòng mong nhớ
Này khúc Bồng Lai !
Là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vơi.
Đàn xui ai quên đời dương thế.
Đàn non tiên đàn khao khát khúc tình duyên.

Cho mãi tới bây giờ Văn Cao mới hé cho ta thấy cuộc ái ân nồi dậy giữa người tiên người phàm bằng cách quay lại với nhạc đề chính trong bài ca:

Thiên Thai! Ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian
Ái ân thiên tiên em ngờ phút mê cuồng có một lần!

Đàn phách lại nổi lên! Nhạc Văn Cao rộn rã một cách khác thường trong đoạn này! Gió hắt đi những tiếng hát. Những tiếng hát này sẽ làm se lòng người mỗi khi được nghe lại. Lưu Nguyễn quên trần hoàn rồi. Họ cùng bầy tiên đàn ca một vài ba thế kỷ.

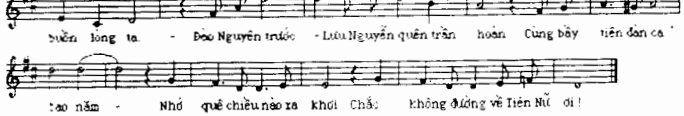

Gió hắt trăm tiếng ca
Tiếng phách ròn lắng xa

Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta
Đào Nguyên trước, Lưu Nguyễn quên trần hoàn
Cùng bầy tiên đàn ca bao năm
Nhớ quê chiều nào xa khơi
Chắc không đường về tiên nữ ơi !

Rồi cũng với nhạc đề này, Văn Cao nói tới sự quay trở lại đường tiên của hai ông cụ già Lưu Nguyễn, nhưng than ôi, Đào Nguyên đã biến mất rồi! Chỉ còn rền lại tiếng ca của cõi tiên.

Gió hắt trầm tiếng ca
Tiếng phách ròn lắng xa
Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta
Đào nguyên trước, Lưu Nguyễn khi trở về
Tìm Đào Nguyên, Đào Nguyên nơi nao ?
Những khi chiều tà trăng lên
Tiếng ca còn rền trên cõi tiên.

*
* *

Tuy viết ra một bản hát vừa có tính chất trường ca, vừa có tính chất nhạc cảnh, nhưng Văn Cao không **tả thực** trong bài THIÊN THAI này! Tất cả những hình ảnh chính của câu truyện cổ như hai chàng Lưu Nguyễn, bầy thiên tiên hoặc những cảnh vật như suối hoa đào, chiếc thuyền lan, nước ngọc tuyền, đều được mô tả một cách rất mơ hồ... giống như trong một giấc mộng vậy! Ta biết là có con thuyền chở Lưu Nguyễn tới cõi Thiên Thai, ta biết là có bầy thiên tiên múa hát dâng trái đào thơm... nhưng ta không thấy được họ! Khi cùng người yêu xây được ngôi nhà cỏ bên **suối mơ** hay trước **bến xuân** với hai tình khúc trước, thì Văn Cao có thể mời đón chúng ta bước vào căn nhà bên chiếc cầu soi nước để ngồi nhìn đàn nai đùa trên đống lá vàng tươi. Nhưng trong THIÊN THAI, cõi mơ của Văn Cao, chúng ta không thể nào bước vào cái vườn cấm này được! Đây là cõi riêng của Người Sông Ngự. Nhưng ta lại được tự do tuyệt đối để nghe lên toàn thể tiếng đàn, tiếng hát vút lên từ đầu tới cuối của trường khúc THIÊN THAI này, tiếng đàn, tiếng hát mà tôi đã cho là của anh Trương Chi trong truyện cổ của chúng ta, và nhạc sĩ Văn Cao đã cho THIÊN THAI mượn tạm.

THIÊN THAI là cõi riêng của Văn Cao. TRƯƠNG CHI mới là tiếng hát của Văn Cao.

(còn tiếp kỳ sau)

PHẠM DUY

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG BỐN
TRẠI THANH LIỆT, HÀ ĐÔNG
Đoạn XV
Ngày đầu tiên trong một xà lim miền Bắc.

*T*ôi trở mình và tỉnh giấc. Tối hôm qua, sau một ngày đường dài dằng dặc, tôi đã thiếp đi rất nhanh, chỉ một lát sau khi người cán bộ khóa cửa xà lim lại. Chắc còn sớm lắm, vì không một tia sáng nào từ ngoài lọt vào. Ý nghĩ về thời gian nhắc tôi nhớ đến chiếc đồng hồ đeo tay đã bị tịch thu tối hôm qua, trong lúc ngồi đợi ở cổng trại. Trên đường ra Bắc, vừa rời khỏi địa phận Thừa Thiên, Hiền hỏi mượn chiếc Seiko mới tinh, mua vào dịp Tết, của anh Tứ. Chỉ hai hôm sau, chiếc Seiko bị hỏng, không chạy được, và Hiền mượn chiếc Oméga của tôi. Và chỉ ba ngày sau, chiếc Oméga tự động đã mười năm nay chưa bị hỏng lần nào, cũng đứng luôn. Chúng tôi ngạc nhiên tự hỏi nhau không biết cán bộ Việt Cọng có biết sử dụng đồng hồ không. Cùng với đồng hồ, một số ít tiền mặt của chúng tôi do Thuần cất giữ từ hồi còn ở trại Ba, cũng được chuyển lại cho trại mới này. Người công an làm ra vẻ cẩn thận, dặn dò:

— Tôi sẽ ký giấy biên nhận cho các anh. Các tư trang sẽ được trả lại đầy đủ, khi nào các anh được phóng thích.

Tôi chờ đợi anh ta tịch thu luôn cặp kính cận thị, và chuẩn bị sẵn những lý do để cố giữ lại, nhưng không thấy anh ta đề cập đến, và chỉ giục chúng tôi đi vào phòng giam.

Tôi nằm bất động, chưa muốn trở dậy, như những buổi sáng

chủ nhật được thảnh thơi, hồi còn ở nhà. Sau những ngày đêm di chuyển vất vả và nguy hiểm, phải liên tục thay đổi nơi cư trú, nay được yên ổn nghỉ ngơi một chỗ, tôi cảm thấy dễ chịu, mặc dù cuộc sống bị gò bó hơn trước nhiều. Nhưng trại này là trại nào, có phải là Hỏa Lò không? Và tôi sẽ lưu lại đây trong bao nhiêu lâu? Trong im lặng hoàn toàn, tôi nhìn vào tấm cửa duy nhất của xà lim. Đó là một loại cửa đặc biệt, nửa trên để trống, có song sắt vững chắc và một tấm ván đóng và mở ở bên ngoài. Tấm cửa phía trên đã được mở ra từ tối hôm qua, và trong ánh sáng yếu ớt của bình minh, lờ mờ hiện ra một bức tường cao, cách chấn song sắt độ ba thước. Ở ngoài, có lẽ trời đã hửng sáng, nhưng xà lim vẫn còn tối om. Bỗng một bóng người nhẹ nhàng lướt qua ngoài ô cửa, ngoái cổ nhìn vào, rồi đi thẳng. Chắc đó là một công an viên đi tuần đêm.

...Một hồi kẻng từ xa vọng lại; tôi đoán là kẻng báo thức. Độ nửa giờ sau, tiếng đóng cửa phía bên phải, từ đầu ngôi nhà dài nghe rõ dần, rồi một người cán bộ kéo lê đôi dép cao su, đến đóng tấm ván phía trên cửa xà lim tôi, và tiếp tục đóng nốt những ô cửa phía bên trái, cho đến cuối ngôi nhà, rồi tiếng dép kéo lệt xệt quay trở lại. Một lúc sau, lại có tiếng dép kéo qua trước xà lim. Hình như có hai người cùng đi. Có đến 14, 15 lượt người qua lại như thế. Tiếng mở cửa nghe mỗi lúc một gần, rồi cửa xà lim tôi được mở ra. Người cán bộ ra hiệu cho tôi cầm cái bô lên và đi về phía trái. Vượt qua năm cánh cửa còn đóng kín, rẽ qua trái nữa, tôi đến gần một bể nước nhỏ, nước đục ngầu. Sát bể nước, trên một bức tường cũ kỹ, loang lổ những đám rêu xanh, có ai viết một hàng chữ to tướng: "Tiết kiệm nước". Đổ bô vào một cái thùng để cạnh bể nước, rồi lấy cái gáo dừa múc nước rửa mặt, tôi kéo cái khăn mặt quàng ở cổ xuống, định giặt cho sạch, thì người cán bộ trẻ tuổi ngăn lại:

— Nhanh lên! Hôm khác sẽ cho tắm giặt.

Nói xong, anh ta ra hiệu cho tôi đi trước. Cùng lúc đó, một thanh niên cao gầy, mặc một bộ bà ba màu nâu, gánh nước đến đổ vào bể chứa. Anh ta lặng lẽ đưa mắt quan sát tôi. Có lẽ anh ta là một phạm nhân phục vụ cho trại giam. Quay trở lại, tôi nhìn lên phía trước: dãy nhà dài có khoảng 20 xà lim. Các cửa xà lim màu xám buồn thảm đều được đóng kín, nhưng những phần cửa phía trên, kể từ xà lim tôi trở lên phía bên phải đã được mở ra. Đợi tôi bước vào xong, người cán bộ đóng cửa lại, và cũng mở tấm ván ở phía trên. Như vậy, tù nhân nào ra rửa mặt xong, vào phòng rồi, thì ô cửa phía trên mới được mở ra, và những người còn lại, đi về hướng trái, không thấy được những ai ở trong các xà lim phía bên phải. Sự cách ly như vậy thật là hoàn toàn. Nhưng Việt Cộng có dụng ý gì khi buộc chúng tôi phải sống riêng biệt ra như thế này, không những không được liên lạc với nhau, mà còn không được thấy nhau nữa?

Khoảng 20 tù nhân đã chóng vánh làm xong vệ sinh cá nhân, và khu trại giam trở lại tình trạng im vắng. Không một biểu hiện nào của cuộc sống bên ngoài vọng lại. Có lẽ mặt trời đã lên, nhưng bức tường cao và mái hiên bằng tôn che hết ánh sáng, nên trong xà lim vẫn tối, ẩm và ngột ngạt, mặc dù bây giờ đã vào đầu tháng Chín dương lịch, không khí bắt đầu bớt nóng bức. Ngồi trên tấm ván kê sát tường phía sau, tôi bó gối nhìn ra bức tường xám xịt, lắng nghe tiếng gió nhẹ thì thầm qua cành lá bên ngoài, và chờ đợi, mà cũng không biết chờ đợi việc gì sẽ xảy ra.

Độ một giờ sau, người cán bộ ban nãy-mà tôi đoán là người phụ trách dãy xà lim này-bỗng hiện sau hàng song sắt. Cửa xà lim được mở ra; anh ta bước vào, đưa cho tôi một bộ quần áo tù màu xanh nhạt quen thuộc, một cái mền màu xám đậm, một cái mùng đã cũ và một cái gáo dừa để đựng nước uống. Quay nhìn vào bức tường phía sau, tôi đang loay hoay tìm chỗ treo mùng, thì anh ta lên tiếng:

— Không có đinh đâu. Mắc vào mấy sợi dây còn gắn liền vào tường.

Tôi đảo mắt, mò mẫm nhìn quanh: quả nhiên, trên ba mặt tường, có những sợi dây ngắn buộc vào những cái đinh bằng tre đóng sâu vào bức vách dày. Thì ra Việt Cọng sợ chúng tôi sử dụng đinh kim loại vào việc khác, nên đã dùng đinh bằng tre. Anh ta còn dặn thêm:

— Ban ngày, không cần phải mắc màn. Mỗi buổi sáng, phải tháo màn xuống, gấp lại cẩn thận, để ở đầu giường.

Anh ta quay ra ngay sau câu nói ấy và đóng cửa lại. Trước thái độ lạnh lùng của anh ta, tôi không muốn gợi chuyện. Hơn nữa, tôi vẫn còn nhớ lề lối cư xử của các cán bộ Việt Cọng: họ rất kín miệng và không bao giờ báo trước cho tù nhân biết những ý định của họ. Nhưng tôi hiểu rằng trại này phát quần áo, mùng mền như vậy có nghĩa là tôi sẽ lưu lại đây một thời gian, chứ không phải chỉ tạm trú một vài hôm hay một vài tuần lễ. Mặt khác, cuộc sống cách ly từng người một như thế này không cho phép tổ chức những buổi lao động tập thể. Mà những xà lim chật chội và thiếu ánh sáng này cũng không phải là nơi để lao động, dù là lao động cá nhân. Như vậy, sau một vài hôm nghỉ ngơi, chắc trại sẽ yêu cầu tôi khai báo như thường lệ. Nhưng khai báo xong, tôi sẽ làm gì? Việt Cọng có thể để cho tôi ngồi không được chăng? Tôi suy luận mãi mà vẫn không tìm ra được lời giải đáp. Bất giác, tôi nhìn lên trần nhà, cách mặt đất có đến năm thước, và nhận thấy phía trên xà lim không bằng phẳng, mà được xây thành hình vòng cung, như những cái vòm cổng kiên cố của các đình chùa, lăng miếu. Rõ ràng, họ sợ tù nhân khoét trần và mái ngói để thoát ra ngoài.

Đang suy nghĩ mung lung, tôi bỗng nghe tiếng cửa đóng mỗi lúc một gần. Tôi đoán người cán bộ bước dọc theo bức tường dưới mái hiên, lần lượt đóng những tấm ván ở nửa trên cánh cửa lại. Khi đến trước mặt tôi, anh ta liếc mắt nhìn tôi như để kiểm soát, rồi nhanh chóng đóng tấm ván lại, và tiếp tục như thế cho đến cuối dãy nhà dài. Rồi có tiếng mở cửa từ xa vọng lại, gần mãi lại, và tiếng chân người bước trên nền xi măng. Khi cửa xà lim tôi được mở ra, người cán bộ buông thỏng một câu ngắn gọn:

— Ra lấy cơm.

Theo sự hướng dẫn của anh ta, tôi bước dọc theo bức tường dài trước dãy cửa xà lim đóng kín, tiến đến chính giữa nhà, chỗ có kê một cái bàn gỗ cũ kỹ, trên mặt đã đặt sẵn những phần cơm cá nhân: một bát canh rau muống để trên một bát cơm. Tôi bưng cơm canh quay trở về xà lim. Cánh cửa được đóng lại, và tôi ngồi trên tấm ván dùng làm giường, ăn trong bóng tối lù mù. Chỉ có mấy cọng rau muống lỏng bỏng trong nước muối, nhưng có cơm trắng, không độn ngô sắn hay khoai, đã là một sự "tiến bộ" so với những bữa ăn toàn sắn ở trong các trại giam thuộc tỉnh Thừa Thiên. Nhưng cơm quá ít, ăn xong vẫn còn thấy đói. Ở trong vòng lao lý từ mấy tháng nay, tôi đã chấp nhận tình trạng ăn uống kham khổ thiếu thốn, nhưng tôi cảm thấy sâu sắc nỗi tủi nhục của hoàn cảnh tù đày, khi phải ngồi ăn trong bóng tối âm thầm.

Người cán bộ tiếp tục cho mấy phạm nhân phía bên trái ra lấy cơm, và chỉ một lát sau, lại có tiếng mở cửa từ bên phải, theo thứ tự như ban nãy. Lần này, tôi cầm hai cái bát sắt đã tróc hết nước men và đã han rỉ ra trả lại, và lấy cái gáo dừa múc nước uống từ một cái thùng lớn dùng để gánh nước. Trở vào xà lim, tôi uống khá nhiều nước, nhưng vẫn không cảm thấy no.

Những tù nhân đã vào hết trong các xà lim, và các tấm cửa nhỏ lại được mở ra. Nằm dài trên tấm ván hẹp, tôi nhớ lại lời nói của Tùng, mấy hôm trước khi chúng tôi khởi hành ra Bắc: "đi đến một nơi có cuộc sống thoải mái, không thiếu một thứ gì". Hồi ấy tôi cũng hiểu rằng đó chỉ là một câu tuyên truyền có mục đích trấn an chúng tôi, nhưng giờ đây, qua những nhận xét sơ khởi, tôi không ngờ mức sống miền Bắc xuống thấp đến mức độ này. Lần lượt hiện ra trong ký ức tôi những khuôn mặt võ vàng hốc hác, những bộ quần áo bạc màu, vá chằng vá đụp, những ngôi nhà tranh xơ xác, những con đường đầy ổ gà, những chiếc cầu ọp oẹp, và những luống chuối Tây trồng để lấy củ ăn thay gạo... Hoàn cảnh chiến tranh cũng không giải thích được tình trạng thiếu thốn nghèo nàn ấy, một thực tế bi đát khác xa bức tranh nhiều màu sặc sỡ mà các cán bộ từng khoe khoang tô vẽ cho chúng tôi thấy. Chua xót nhất, là do ảnh hưởng của sự tuyên truyền Việt Cộng, một số đồng

bào miền Nam và ở quốc ngoại, dù không ưa chế độ Cộng Sản, vẫn lầm tưởng rằng xã hội miền Bắc đã đạt được những thành quả kinh tế tốt đẹp. Do đó, tôi tự nhủ mình rằng: Việt Cộng có thể dối trá và lường gạt trắng trợn đến như thế, thì phải thường xuyên cảnh giác và kiểm tra lại tất cả những lời họ nói.

Trại giam chìm trong tĩnh mịch, một sự tĩnh mịch căng thẳng đến rợn người. Có lẽ mấy phạm nhân quần áo nâu đã dọn dẹp xong, đã trở về nhà bếp, và cán bộ đã đi ăn trưa. Trong vắng lặng, tiếng gió lùa lao xao trong cành lá bên ngoài bức tường cao nghe khá rõ. Không một tiếng động nhỏ nào từ các phòng bên cạnh vọng lại. Tôi đoán tù nhân trong những xà lim ấy đang nghỉ trưa, và chưa muốn liên lạc với tôi hoặc họ tôn trọng nội quy, và có thái độ cảnh giác đối với người mới đến. Cuộc sống chung như ngừng lại ngoài bức tường cao, và trong những xà lim âm u chỉ có những mảnh đời thầm lặng của những cá nhân lẻ loi với những suy tư lắng đọng không thể bộc lộ cho người khác biết được. Mất tự do, sống tù hãm trong một không gian chật hẹp, cách biệt với mọi người, tôi bỗng có ý lợi dụng hoàn cảnh cô đơn bắt buộc này. Mặc dù chưa có một kế hoạch cụ thể nào cho những ngày sắp đến, tôi nghĩ rằng tôi sẽ có nhiều thời giờ và yên tĩnh để tự mình sống với chính mình, điều mà cuộc sống hoạt động không ngừng ngoài xã hội trước đây không cho phép thực hiện. Chưa biết rồi đây tôi sẽ diện bích như thế nào, sẽ tĩnh tâm như thế nào, nhưng tôi linh cảm rằng cuộc sống tâm thần sẽ rất quan trọng trong hoàn cảnh của chúng tôi. Mà thật ra, tôi cũng không hành động khác được. Tôi sẽ mặt đối mặt với sự cô đơn của tôi, dù muốn dù không.

Dòng suy tư lại dẫn tôi trở về với hiện tại: Việt Cộng đã thành công trong cố gắng đưa chúng tôi ra miền Bắc an toàn. Nhưng họ chuyển chúng tôi ra ngoài này với mục đích gì? Họ sợ quân đội Việt Nam Cộng Hòa, trong những cuộc hành quân trên dãy Trường Sơn, có thể giải thoát chúng tôi chăng? Hay họ ngại chúng tôi không chịu nổi những điều kiện sinh sống khắc nghiệt trong vùng rừng núi? Mà nếu họ muốn chúng tôi sống, thì có lẽ họ muốn cầm giữ chúng tôi để một ngày kia, khi chiến tranh chấm dứt, họ sẽ dùng chúng tôi để đổi lại những cán bộ Việt Cộng bị bắt ở miền Nam. Mà rồi đây, cũng có thể họ sẽ để cho chúng tôi chết mòn trong cảnh lao tù mà không bị mang tiếng là giết chúng tôi, nhất là đối với trường hợp của Weaver. Nhưng mọi sự đều tùy thuộc vào tình hình chính trị và quân sự, vào kết quả của hội nghị Ba Lê, một biến cố chính trị mà tôi đã không có điều kiện để theo dõi từ hơn hai tháng nay.

... Một hồi kẻng vang lên. Tôi đoán đó là kẻng chấm dứt thời gian trưa. Khoảng nửa giờ sau, có tiếng chân người bước nhanh

và mạnh, rồi một phạm nhân áo nâu, đôi thùng nước trên vai, vượt qua cửa xà lim. Tiếng thùng sắt chạm vào bể nước, tiếng nước ào ào đổ xuống nghe rất rõ. Anh phạm nhân trẻ tuổi quẩy đôi thùng không quay trở lại rồi lát sau gánh nước về. Nước đục ngầu, và chắc là lấy ở một cái giếng nào gần đây. Được mục kích và theo dõi hoạt động đơn giản và tầm thường ấy, tâm trí tôi bớt phần căng thẳng, vì đó là một biểu hiện của sự sống, một "biến cố" trong khung cảnh im lìm bất động của ngục thất, và trong dòng thời gian như đang ngưng đọng lại. Dần dần, tiếng nước chảy vào bể nghe nhẹ hơn, không rộn ràng như lúc ban đầu... Bể nước đã đầy, và lần cuối cùng anh phạm nhân nhẹ nhỏm đi qua trước mặt tôivới đôi thùng không, không trở lại nữa. Không còn được thấy bóng dáng anh, tôi bâng khuâng luyến tiếc, như khi màn hạ, khán giả luyến tiếc những kịch sĩ vừa rời sân khấu.

Im vắng lại bao trùm ngôi nhà dài. Ngồi trong ánh sáng mờ nhạt, tôi nhìn ra bức tường ngăn cách với thế giới bên ngoài, và mơ màng nhớ lại những mảng nắng vàng tươi rơi xuống đám lá khô trên con đường mòn xuyên qua những cánh rừng bát ngát, những con suối lóng lánh reo vui lách mình qua kẻ đá, và những dòng sông lững lờ giữa hai bờ lau sậy. Tôi nhớ đến những thôn xóm tiêu điều với mấy mái nhà tranh thấp lè tè ấp ủ những cuộc sống tối tăm của người nông dân Bắc Việt đang bị buộc phải chịu đựng những nỗi cơ cực và áp bức của một chế độ bất nhân. Đất nước và con người Việt Nam của miền Bắc còn đó, nhưng những Quỳnh Lưu, Ba Làng An và Nhân Văn Giai Phẩm phải chăng đã chìm vào quên lãng? Không, dù chưa có một chứng cớ xác thực nào, tôi vẫn tin rằng dân chúng miền Bắc không thể nhẫn nhục mãi được, và đang chờ đợi một cơ hội thuận tiện... Có lẽ họ đang kỳ vọng vào những lực lượng chống Cọng ở miền Nam, và tôi xót xa nghĩ rằng, trong lúc này, tôi không có thể tham gia vào cuộc chiến.

Nắng chiều hình như đang ngả dần sau bức tường cao. Trong im vắng, bỗng dội lên mấy tiếng gà não nuột. Tôi lắng nghe những âm thanh dồn dập xoáy vào không gian tù hãm, rồi lan rộng mãi ra, và bất chợt lòng mình nao nao hồi tưởng lại những ngày tươi sáng cũ. Trong cả một thời niên thiếu, tiếng gà gáy nửa chiều đã xen lẫn vào những tình tiết lâm ly hay hài hước của những cuốn tiểu thuyết lãng mạn hay hiện thực Pháp mà giới học sinh trung học, hồi trước Thế Chiến thứ hai, đã mải mê đọc cùng với những sáng tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Trong hoàn cảnh hiện tại, nếu có sách đọc, chắc chắn tôi sẽ tạo được sự thăng bằng cho tâm trí. Một ước mơ đơn giản mà chưa biết lúc nào mới thực hiện được...Đang mơ màng sống lại với những năm tháng cũ tôi bỗng nghe tiếng cửa đóng, đúng hơn, tiếng tấm ván ở phía trên cửa được

đóng lại và gài then ở ngoài. Có tiếng chân bước thình thịch từ phía bên phải, tiếng chân của một người mang hoặc gánh một vật nặng trên vai. Khi những ô cửa phía trên được đóng hết rồi, có tiếng mở cửa liên tục, và tiếng chân bước lao xao. Cửa xà lim tôi được mở ra, và người cán bộ gọi:

— Ra lấy cơm !

Thì ra đã đến bữa cơm chiều, sớm hơn tôi tưởng. Lại ra lấy cơm như ban sáng, và vẫn và cơm trong bóng tối lù mù. Rút kinh nghiệm, tôi ăn nhanh để kịp trả bát và lấy nước uống. Khi người tù nhân trong xà lim cuối cùng phía bên trái đã lấy nước xong và cửa được đóng lại, người cán bộ lần lượt mở tấm cửa phía trên ra, và tôi trở về vị trí cũ, ngồi nhìn ra bức tường cao quái ác án ngữ trước mặt.

Dưới mái hiên, chiều đang xuống dần, một buổi chiều màu chì đùng đục, gây một cảm giác chán chường. Trong xà lim, bóng tối đã chiếm lấy khoảng không gian chật hẹp, và trong cô đơn, tôi trở lại sống với chính mình. Từ bây giờ cho đến lúc đi ngủ, cũng phải đến ba giờ nữa, tôi sẽ làm gì trong khoảng thời gian đó? Phải sắp đặt một kế hoạch để giết thời gian. Nhưng trong những điều kiện sinh sống đơn độc và trơ trọi như thế này, làm sao giết được thời gian vô hình và vô tình đến tàn nhẫn? Tôi bắt đầu nhận chân một cách sâu sắc những nỗi khó khăn của mình. Và cái cảm giác thoải mái được nghỉ ngơi sau một thời gian đi đường vất vả đã biến mất.

Bỗng có tiếng dép cao su kéo lệt xệt trên nền xi măng ngoài hàng hiên, rồi anh phạm nhân trẻ tuổi cao gầy đứng lại sau mấy song sắt. Anh gánh hai cái mẹt bằng tre đựng mấy cây đèn hoa kỳ đã thắp sẵn với nhọn lửa sáng lung linh, trông cũng vui mắt. Đặt đôi mẹt xuống, anh cầm lấy một cây đèn, rồi với một động tác rất thành thạo, nhanh nhẹn đưa lọt qua song sắt:

— Anh để vào góc tường phía trước, cho sáng cả phòng.

Ánh sáng của ngọn đèn dầu hỏa, tuy yếu ớt và hạn chế, cũng đủ làm cho căn phòng hẹp trở nên ấm cúng. Tôi chợt nhớ ra rằng không quân Mỹ đã ngưng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Cởi cặp kính cận thị ra, tôi nằm dài trên tấm ván mỏng, nhưng biết rằng còn sớm quá, chưa ngủ ngay được. Một ngày tù sắp chấm dứt, một ngày quá nhàn rỗi và quá dài, với sức nặng khó chịu đựng của thời gian đè lên tâm trí. Nhưng còn bao nhiêu ngày như thế này nữa? Tôi chú ý lắng nghe những tiếng động từ bên ngoài để tìm hiểu cuộc sống của ngục thất khi đêm xuống. Chắc chắn có người ở trong hai xà lim bên phải và bên trái tôi-ban nãy khi ra lấy cơm, rõ ràng có tiếng mở và đóng cửa, nhưng không một tiếng động nhỏ nào nghe được từ hai phía ấy. Một cách rất tình cờ, tôi lấy tay gõ

vào bức tường phía sau, sát chỗ nằm, và ngạc nhiên nghe có tiếng gõ đáp lại. Tôi gõ thêm mấy tiếng nữa, và lại có tiếng gõ trả lời. Như vậy, căn nhà dài được ngăn đôi ra thành hai dãy xà lim đâu lưng lại với nhau, mỗi dãy mở ra một hàng hiên. Người bạn tù chưa quen biết kia có am tường mẫu tự Morse không? Tôi rất ân hận không còn nhớ nổi phương thức truyền âm ấy, vì đã quá lâu ngày không sử dụng. Dù sao, biết được có người sống cạnh mình cũng vơi được nỗi cô đơn trong giây lát. Tôi cảm thấy nhớ các anh Tứ, Lộc và Weaver. Họ đã được phân tán vào các xà lim nào, và tôi còn có cơ hội gặp lại họ không? Định mệnh đã ràng buộc chúng tôi lại với nhau từ buổi đầu của biến cố đau thương, và tôi tin rằng "duyên nợ" giữa chúng tôi chưa chấm dứt.

Đêm đã xuống hẳn rồi. Thỉnh thoảng, tôi nhận ra được tiếng gió xôn xao lay động cành lá, và ước mơ một làn không khí trong lành lọt vào căn phòng xép u uất. Nhưng bức tường quá cao, và khoảng trống nhỏ hẹp trên cánh cửa không đón được làn gió nhẹ xa vời. Tôi chưa treo mùng, và lấy chiếc quạt bằng lá cọ đã khô mang từ Hà Tĩnh ra, phe phẩy đuổi muỗi. Đang thắc mắc suy nghĩ vẩn vơ về những ngày tù sắp tới, về số phận của gia đình ở trong Nam, tôi bỗng thấy một bóng người hiện ra sau mấy chấn song sắt. Tôi bật ngồi dậy, chờ đợi. Trong vùng ánh sáng của ngọn đèn dầu hắt lên, tôi nhận ra một người mặc quân phục, đeo súng trên vai, đang lặng lẽ nhìn tôi rồi nói rất khẽ:

— Anh mắc màn đi!.

Đoán rằng đó là một công an viên vũ trang có nhiệm vụ canh gác ban đêm, tôi toan đứng lên để trao đổi một vài mẩu chuyện cho đỡ cô đơn. Nhưng sau câu nói ngắn ngủi, anh ta bước đi luôn. Tôi lại nằm xuống, và nghe vẳng lại từ xa mấy tiếng kẻng, không phải những hồi kẻng đổ nhanh như để báo thức vào buổi sáng và buổi trưa, mà là những âm thanh chậm rãi, rời rạc. Có lẽ đó là những tiếng kẻng cầm canh của bộ đội hay công an gác cho toàn trại. Một lát sau, người công an gác đêm quay trở về, nhẹ nhàng lướt qua khung cửa, không ngừng lại. Tôi chợt hiểu: cây đèn con đặt ở góc tường phía trước có mục đích giúp cho người công an tuần đêm dễ dàng kiểm soát hành vi của tôi ở trong xà lim. Nghĩ rằng anh ta sẽ còn trở lại nhiều lần nữa, và để tránh cái nhìn soi mói, tôi vội vàng treo mùng nằm nghỉ , và cảm thấy khó chịu khi nhận thấy rằng tôi luôn luôn bị canh chừng, ngay cả trong giấc ngủ. Quả nhiên, chỉ khoảng 15 phút sau, anh ta vòng trở lại, lặng lẽ bước, và quay nhìn vào chiếc mùng đã buông xuống. Đêm đầu thu chưa lạnh, tôi vẫn kéo chăn đắp vào người, và quay mặt vào bức tường dày phía sau để tránh ánh đèn le lói mà lúc này tôi cảm thấy sáng quá, tọc mạch quá, như đôi mắt của người công an gác đêm. Tôi cố tạo ra một khoảnh khắc riêng tư để tự mình sống với chính mình, trước khi chìm hẳn vào giấc ngủ.

(còn tiếp)

Đài VOA điểm sách
Ngựa nản chân bon.

Phát thanh sáng thứ bảy, 28/2 giờ Miền Đông Hoa Kỳ tức là tối thứ Bảy 28/2 giờ Việt Nam.

INTRO :

Trong mục Điểm sách Việt ngữ do Bảo Lâm phụ trách, chúng tôi xin gửi tới quí thính giả bài giới thiệu cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" của Nguyễn Mộng Giác do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành tại California.

VOICE 1 :

Có những cuốn sách chỉ để đọc một lần và cũng có những cuốn sách để đọc đi đọc lại nhiều lần, với mỗi lần đọc là một khám phá mới. Cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" của Nguyễn Mộng Giác là một tác phẩm thuộc loại thứ hai, với những truyện ngắn mà mỗi lần độc giả đọc lại, dường như lại một khía cạnh mới của những câu truyện đó hiện ra. Tập truyện này của Nguyễn Mộng Giác gồm 13 truyện ngắn được tác giả viết trong khoảng thời gian hai tháng khi ông tạm trú tại một hòn đảo nhỏ tên là Kuku ở Indonesia, sau khi trốn thoát khỏi Việt Nam cuối năm 1981. Trên đảo Kuku, việc liên lạc ra ngoài là một việc không thể làm được. Nguyễn Mộng Giác không hề hay biết gì về những sinh hoạt sách vở của người Việt ở ngoài Việt Nam, và trong tâm tưởng ấy, ông không nghĩ sẽ có một ngày những gì ông viết xuống sẽ được in thành sách gửi tới độc giả yêu văn chương tiếng Việt. Sự thôi thúc của người cầm bút là động cơ đã thúc đẩy ông ngồi xuống viết một mạch 13 truyện ngắn trong 60 ngày chờ đợi để được đưa tới một trại tạm trú khác

cho những người tị nạn bằng thuyền từ Việt Nam tới.

Cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" đã được viết cho chính tác giả, vì thế, Nguyễn Mộng Giác đã làm được một việc mọi nhà văn muốn làm: Đó là viết cho chính mình. Không cho nhà xuất bản, không phải né tránh lưỡi kéo kiểm duyệt và không phải chiều theo những đòi hỏi của độc giả và tình hình xã hội, chính trị chung quanh ông. Cuốn sách đó lại là một gạch nối của đời viết văn Nguyễn Mộng Giác. Nguyễn Mộng Giác khởi viết từ năm 1971 bằng những bước rất cẩn thận và dè dặt như ông đã một lần tiết lộ. Những truyện ngắn của ông bắt đầu xuất hiện trên tờ Bách Khoa, một tập san nghiên cứu chính trị, văn học ở Sàigòn sau sự ra đời của một tập tiểu luận với một cái nhìn rất văn sách và rất nhà giáo của ông. Đó là cuốn "Nỗi Băn Khoăn của Kim Dung", một tác phẩm nghiên cứu giá trị nhất viết về hiện tượng tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung ở Việt Nam trong những năm cuối của thập niên 60 và đầu thập niên 70. Trong hai năm 1973 và 1974, Nguyễn Mộng Giác cho in một tập truyện ngắn là tập "Bão Rớt" và ba truyện dài là các cuốn "Tiếng Chim Vườn Cũ", "Qua Cầu Gió Bay" và "Bóng Thuyền Say."

VOICE 2 :

Thế rồi bẵng đi từ năm 1975 tới năm 1981, Nguyễn Mộng Giác không viết một tác phẩm nào. Nói đúng hơn, ông không viết được và không được viết một tác phẩm nào. Mà lý do thì đã quá rõ: Nguyễn Mộng Giác không thể sáng tác trong cái không khí chính trị của Việt Nam sau năm 1975.

Vì thế, việc ông viết một mạch 13 truyện ngắn dài gần 200 trang trong khoảng thời gian hai tháng giữa trạng thái bàng hoàng của một người tị nạn mới đến một miền đất lạ, cộng thêm nỗi hoang mang về cuộc sống mới đang chờ đợi phía bên kia những lớp sóng của Thái Bình Dương có thể hiểu như một hiện tượng con đê ngăn nước đã bị khối nước ứ lại đã lâu phá vỡ chẩy băng băng, cuốn trôi trên đường ra biển rộng.

Cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" vì thế chính là cái gạch nối giữa giai đoạn sáng tác của Nguyễn Mộng Giác trước năm 1975 và giai đoạn sáng tạo của ông sau khi tới Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ, ông là một trong những nhà văn Việt Nam có sức sáng tạo phong phú vào bậc nhất. Từ năm 1984 tới nay, ông đã mỗi năm mỗi gửi tới độc giả một tác phẩm trong bộ trường thiên tiểu thuyết nhan đề "Mùa Biển động" mà nay đã ra tới tập ba, bộ trường thiên lấy Việt Nam làm bối cảnh trong những năm 60 và 70.

Không mang không khí của những cuốn sách khác, cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" được viết trước khi ông tới Hoa Kỳ, nên

những truyện trong tác phẩm này không đề cập tới những góc cạnh đời sống trong xã hội mới của người Việt tị nạn. Những truyện đó vẽ lại một thứ đời sống khác không kém phần phức tạp.

VOICE 1 :

Trong số 13 truyện ngắn của tập "Ngựa Nản Chân Bon" thì có 6 truyện lấy khung cảnh Việt Nam. 7 truyện kia có bối cảnh là hòn đảo nhỏ nơi tác giả ở tạm sau chuyến đi kéo dài một tuần lễ khởi từ Việt Nam.

Nguyễn Mộng Giác là một con người chừng mực trong lời ăn tiếng nói ngoài đời, nhưng trong văn chương, ông là một người có đôi mắt "tinh tường không để thoát một chi tiết nhỏ nhặt nào" như nhà văn Võ Phiến đã có lần nhận xét về ông. Trong truyện "Tố Chân", truyện tình duy nhất trong cuốn "Ngựa Nản Chân Bon", Nguyễn Mộng Giác viết về một cuộc tình không kết thúc của một mối tình đầy hệ lụy và nghịch cảnh. Mối tình đi từ hoa bướm của tuổi mới lớn, của đôi guốc cao gót đầu tiên đến một đoạn đời hắt hiu của một thiếu phụ không hạnh phúc trải dài ngang thời gian mười năm trời. Truyện "Một Ngày Như Mọi Ngày" có lẽ cho độc giả thấy được con người thật nhất của Nguyễn Mộng Giác. Ẩn dưới khuôn mặt ít nói, ít nói đôi khi đến nỗi người ta tưởng ông là người cả thẹn và bẽn lẽn đó, là một bộ óc hài hước rất khô, hài hước rất Ăng Lê của ông. "Một Ngày Như Mọi Ngày" vẽ lại cảnh sống của một nhà văn gốc nhà giáo, mà người đọc ngờ đó là chính ông, mặc dù ông đã cẩn thận dùng ngôi thứ ba số ít. Nhân vật này trong những băn khoăn, lo âu của cuộc sống đã xuất hiện với một khuôn mặt rất người, rất nhân bản, rất hài hước và rất triết lý, cho dù đó là lúc phân vân không biết bán món đồ nào trong nhà để lấy tiền, hay làm thế nào kiếm được cái áp-phe, hoặc đứng chen chân mua gạo ở một cửa hàng.Truyện "Dốc Nhân Sinh" là một truyện chỉ có thể xảy ra ở Việt Nam hay tại một quốc gia vừa tàn một trận nội chiến. Hai người phế binh của hai phe mà cũng là hai người bạn thời thơ ấu gặp nhau tại một quán nước. Một người cụt chân vì đạn AK, một người mù vì đường xá xa xôi, thiếu phương tiện tải thương cấp cứu. Hai cuộc đời tan nát ngồi nói về những ngày cũ trong một cảnh sống vô cùng bi đát. Một người héo như cành cây bị gẫy, một người quắt queo như một trái chanh đã vắt hết nước vừa bị quăng đi. Câu chuyện trao đổi giữa hai người không mang một lời thù oán nào.

VOICE 2 :

Những truyện viết về đời sống trên đảo Kuku nơi ông viết cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" đã là những truyện sống nhất. Từ bức

thư nét chữ nắn nót của một cậu bé gửi về cho mẹ, dặn dò đứa em, đến bản tạ ơn của bốn thanh niên chất phác viết để lại dưới chân Phật đài ở một Niệm Phật đường trên đảo, những lời lẽ chân thật một cách tội nghiệp của những đời sống sắp bơ vơ trên những vùng đất lạ. Nguyễn Mộng Giác đã khéo léo vẽ lại được bằng những nhận xét tỉ mỉ của ông những mẫu người ông gặp trên đảo. Những nhân vật ấy trong những ngày chờ đợi dài đằng đẵng đã có dịp ngồi xuống, duyệt lại, nhìn lại đoạn đời trước đó của mình. Đó là những con ngựa đã nản chân bon bên dòng nước sâu, với cái chết, cái tù hãm nằm ngay bên cạnh, như một nhân vật đã thú nhận, nhưng lại vẫn quyết không vì nản chân bon mà chịu làm con ngựa gỗ. Đó là một ông già sống hồn nhiên như một em bé mà lại triết lý đầy người, nhân bản hết sức, một bà cụ chỉ lo con gái ở Việt Nam quên món nợ nhỏ ở ngoài chợ.

Nguyễn Mộng Giác hiện sống tại Tustin, một tỉnh nhỏ gần Los Angeles thuộc tiểu bang California. Ông làm việc cho một tờ báo Việt ngữ, coi sóc tờ Văn Học một nguyệt san văn chương, và tiếp tục viết. Ông lại vừa cho ra mắt tập truyện ngắn "Xuôi dòng" cũng do nhà xuất bản Văn nghệ ấn hành. Được biết Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại Bình Định. Ông tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế ban Việt Hán năm 1963. Ông dậy tại trường Đồng Khánh ở Huế trong 2 năm và sau đó đổi về Qui Nhơn từ năm 1966 tới năm 1974. Năm 1974 Ông vào Sài Gòn làm tại bộ Quốc Gia Giáo Dục với tư cách một chuyên viên.

Cuốn "Ngựa Nản Chân Bon" đã được in tới lần thứ ba, là cuốn sách được tái bản nhiều nhất trong số những sách Việt ở ngoại quốc từ trước tới nay. Sự kiện này đã cho thấy sự ái mộ mà độc giả đã dành cho Nguyễn Mộng Giác, nhà văn sâu sắc, ý nhị và thận trọng của nền văn học Việt ngữ trước và sau năm 1975 vậy.

Bảo Lâm (Voice of America)

SOURCES :

* ***Văn Học Miền Nam Tổng Quan by Võ Phiến.***
* ***Văn Học Nghệ Thuật số 8/9 tháng 12 năm 1985 và 1 năm 1986.***
* ***Conversation with Nguyễn Mộng Giác in California 2/25/1987.***

Đào Huy Đán

Đọc "Cỏ Biếc" của Cung Vũ

Tập thơ "Cỏ Biếc" dày 92 trang, tranh bìa Nguyễn Nhật Tân, bìa Dương Thượng Ngã, in trên giấy hoa-tiên màu mạ non, nền gấm thêu lồng tên thật của tác-giả (Nguyễn Hữu Nghĩa) mặt tròn theo lối tiểu-triện, với các phụ-bản in trên giấy trắng láng của Thái Tuấn, Nguyễn Nhật Tân, Ngọc Dũng, Võ Đình. Thơ phổ nhạc của Phạm Duy, Trần Quang Hải, Phan Ni Tấn, Khúc Lan và Trọng Nghĩa. Việt Pub./Làng Văn xuất-bản. Giá 7 mỹ-kim, 10 gia-kim, 11 úc-kim, 55 quan Pháp.

*
* *

Cỏ Biếc gồm 36 bài thơ mới, và 6 bài thơ phổ nhạc, đánh dấu sự sáng-tác phong-phú và cẩn-trọng của tác-giả, Cung Vũ, một nhà thơ đã có chỗ đứng vững-chắc trên thi văn đàn Việt-nam ở hải-ngoại.

Về vóc-dáng và phong-vị của thơ, thỉnh-thoảng chúng ta có thể bắt gặp những hình-ảnh đẹp như bức tranh thủy-mặc của Tàu. Chẳng hạn :

Con chim về dưới thiên-hà
Ghé qua vườn cũ chào ta một lần
Lều sương cỏ khuất mộ-phần
Cố-nhân nay đã hóa thành cổ-nhân...

(Lều Sương Cỏ Khuất, trang 13)

hoặc :

Cuối lĩnh khách dừng cương
Núi non trùng-điệp thở

Mù-mịt giữa canh sương
Biết nhạn về mấy thuả.

(Nguyệt Vấn, trang 61)

hoặc :

Ta thấy ta về trên sóng biếc
Buồm lộng yên-hà trôi thê thê
Có cánh chim đáp ngoài khoang hẹp
Báo tới bờ xưa vốn cách chia.

(Mộng Du, trang 10)

Đôi lúc, chúng ta bắt gặp hình-ảnh và phong-vị trong những tấm tranh của trường-phái ấn-tượng Âu-tây :

Sáng trên đỉnh phố
Mọc một mặt trời
Con chim nho-nhỏ
Hót lời ca vui

(Đỉnh Phố, trang 12)

hoặc :

Em bé đứng trên ghềnh cao đá nổi
Sóng vỗ rì-rào sóng gọi thiên-thu
Vỏ ốc thần-tiên chối lời biển gọi
Em vẫn tìm trong ngấn nước biệt-mù.

(A-Kế-Mỹ, trang 41)

hoặc :

Thôi em đừng khóc nữa
Bóng nhỏ đổ đường khuya
Cầm tay em lệ ứa
Ừ, mai đã cách chia.

(Thôi Em, trang 43)

Càng thú-vị hơn, chúng ta còn tìm phong-vị ca-dao và những hình-ảnh rất Việt-nam trong rất nhiều bài. Đó là nét tiêu-biểu đáng nói nhất trong thơ của Cung Vũ. Nó làm thơ anh thấm-nhuần sinh-lực, óc sáng-tạo hơn. Vì sao ? Tinh-thần ca-dao, và hình-ảnh Việt-nam càng ngày càng khan-hiếm trong cõi thi-ca hải-ngoại.

Chắp tay tôi lạy suối nguồn
Lạy cây im bóng, lạy đường vòng quanh
Lạy cơn gió nhẹ bên mành
Lạy con bướm nhỏ trên cành nặng sương.

(Tôi Lạy Suối Nguồn, trang 16)

hoặc :

Nếu em đã quyết dứt tình
Thì anh lên núi với bình rượu xưa
Che lều bên suối nhìn mưa

nắng về se-sắt bốn mùa thu-không

(Lều Sương Cỏ Khuất, trang 13)

Càng thú-vị, càng tuyệt-vời hơn nữa, chúng ta có thể bắt gặp cái thiền-phong thiền-vị hàm-nhuận, chan-hòa trong cõi thơ của Cung Vũ. Như thế, thơ anh có một chiều sâu đáng kể, và có một sắc-thái biệt-lập với thơ của những người xuất-hiện cùng thời với anh suốt mười năm qua. Tác-giả nhìn vết chân chim vào ngày xuân-phân, nghĩ tới cái sinh-diệt luân-hồi, vì hễ có xuân, tất phải có bốn mùa, và vết chân chim kia rồi cũng bị thời-gian xóa mất..

À, ra xuân rụng góc đường
Chân chim in vết vô-thường đâu đây.

(Em Bốn Mùa, trang 26)

Và trong cái vòng vô-minh, ta còn thấy có cái *thỉ* và cái *chung*. Trong tâm có khỏi tỏa mờ, là hình-ảnh tượng-trưng cho sự vô-minh vậy.

Tựa lưng người mắt khép
Khẽ hát một lời thơ
Ngoài kia chiều đã tắt
Trong tâm khói tỏa mờ.

(Thỉ, trang 55)

Thơ tình gom một bó
Vứt hết xuống triều sông
Rồi lặng-im đứng ngó
Xác mình trôi giữa dòng.

(Chung, trang 56)

Ôi, muốn vượt cái chiêu-cảm qua sự hiện-hữu của *thỉ* và *chung*, thiền-giả phải vứt cả cái *ngã* của mình, huống hồi là thơ tình. Vứt *ngã*, tức là vứt sự phiền-trược, vô-minh, chiêu-cảm trên triều sông hoại-diệt, thì tất cả thơ tình của mình cũng chỉ lá xác chết hôi-tanh, chứ nào phải là cái vĩnh-viễn mà nuối-tiếc.

Cung Vũ, ở lãnh-vực tư-tưởng Phật-giáo, còn biểu-diễn một chiêu-thức theo kiểu "thiên thượng địa hạ duy ngã độc tôn" với hai câu thơ :

Vô tâm, vô tướng, vô hình,
Vô-sinh, vô diệt, vô hành, vô vô.

(Vô Giác, trang 46)

Cái *vô vô* là nhát gươm cuối, cắt lìa *khái-niệm*. Vì sao ? *Cái vô là cái đối-nghịch với cái có.* Hễ khi ta gặp chữ *vô*, là ta lại nghĩ ngay tới cái tương-phản của nó là *hữu*. Còn nghĩ tới, là còn khái-niệm. Như vậy, chữ vô mà ta thường gặp là chữ vô còn nằm trong vòng khái-niệm. Mà hễ còn khái-niệm là còn có cái loạn-động suy-nghĩ trong tâm. Đấng giác-ngộ là *phải bỏ cái vô thường-tình.* Phải

vô vô. Cái vô vô mới là cái tuyệt-đối trong tinh-thần Bát nhã vậy. Nó chém văng cái phiền-trược cuối-cùng để chân-lý tuyệt-đối hiển-lộ.

*
* *

Cỏ Biếc có bài *Thay Lời Tựa* xác-định hướng đi trong thơ của tác-giả. Rằng :

Ai bảo thơ anh vơi tình nước
Chỉ nặng buồn riêng trong cõi riêng
Thì, anh vẫn một đời mơ-ước
Chẳng lẽ thi- văn cũng xích-xiềng !

(Thay Lời Tựa, trang 9)

Cỏ Biếc vẫn là một nơi dung chứa thơ tình, đề-tài muôn thủo của người làm thơ :

Hôn em một lần cuối
Đưa người qua sông xa
Vẫy tay một lần cuối
Tình thắp nến trong ta.

(Ly-Xá, trang 33)

Tình đã làm cho nội-tâm người tình-si bừng sáng, nên chàng âu-yếm bảo đối-tượng của tình-yêu rằng :

Con chim nhỏ
Rớt bên đường
Còn em rớt xuống vô-thường chờ-mong
Nhặt chim về ủ trong lồng
Rước em về ngự giữa buồng ngực anh.

(Chim, trang 25)

Chàng dặn-dò nàng bằng lời ngọt như mật ong :

Mai sau dù có qua cầu
Nhớ đừng bóp vỡ mạch sầu trong anh
Đừng hớn-hở
Chớ ăn-năn
Chỉ xin gót nhỏ sẽ-sàng ra đi.

(Qua Cầu, trang 29)

Tình-yêu trong *Cỏ Biếc* có những nỗi buồn êm-êm như *hiu-hiu gió thoảng cho vừa nhớ-nhung :*

Thương em nắng nhẹ hồn sầu
Cho lá thay màu
Cho vàng cỏ biếc

(Hoa Cỏ, trang 19)

Đôi lúc thơ thật nồng-nàn, tiếng thơ xôn-xao và hình-ảnh trong

thơ rực-rỡ, xán-lạn hơn :

Ai đó yêu em
Hoa vàng trải lối
Còn ta yêu em
Rực đỏ mây trời
Giọt nước mắt lên
Hóa thành ngũ-sắc

(Yêu Em, trang 16)

Cỏ Biếc dù khoác vóc-dáng nào, dù thấm-nhuần phong-vị nào, dù chọn đề-tài nào, cũng vẫn là những vần thơ dào-dạt tình-cảm. Ở đây, người thơ suy-tư rất ít, mà cảm-xúc rất nhiều. Như thế, thơ mới đúng là thơ chứ : phần *cảm* phải nhiều hơn phần *nghĩ*. Sự suy-nghĩ phong-phú quá sẽ làm thơ *hóa-thạch*. Còn chỉ có *cảm* thuần-túy, thơ sẽ không có chiều sâu. Cảm nhiều, nghĩ ít sẽ làm thơ vừa đưa vào cõi suy-tư, vừa vào cảm-giác mơn-trớn, mềm-mại hơn.

Cung Vũ là nhà thơ đã chứng-kiến những đổ-vỡ của đời mình, những đổ-vỡ chung-quanh mình :

Than ôi, đã hết thật rồi sao
Mấy kiếp nhung-y cưỡi sóng đào
Giờ như chút nắng tàn trên bến
Khép mắt đời, khép cửa trăng sao.

(Uống Rượu Một Mình
Ở Phi-Trường, trang 31)

Đó đây, ta gặp những đoạn thơ ngậm-ngùi, buồn-bã :

Gian-nan đời đã mọc
Ước-mơ xa diệu- vời
Ngựa già trông đỉnh dốc
Rồi nhìn chân ngậm-ngùi.

(Dốc Mơ, trang 32)

Con người thơ rất đỗi cô-đơn, buồn-bã. Cái buồn lẻ đôi, chia cách :

Chiều em hong tóc
Bên bờ suối xanh
Mây cài lược bạch
Nắng vàng mông-mênh
Em bỏ đi đâu
Để con nước cạn
Cá rưng rưng sầu.

(Bên Suối, trang 17)

Người thơ đi suốt trong cõi đời ảm-đạm. Hắn chờ-mong, tìm-kiếm bóng-dáng hạnh-phúc, nhưng hạnh-phúc đã rời tầm tay :

Từ dạo ta buồn ta lên non
Hay về biển rộng vẫn cô-đơn
Ừ nhỉ, suối-khe trùng-điệp ấy
Làm sao xóa-nổi dấu chân son.

Từ dạo ta buồn ta ngu-ngơ
Như cành khô-mục đứng chơ- vơ
Ừ nhỉ, cây khô còn mọc nấm
Hồn-hoang ta mọc những mong-chờ.

Từ dạo ta buồn xa rất xa
Nhớ em như nhớ trọn quê nhà
Ừ nhỉ, cho dù sông hay nước
Núi non gì em cũng riêng ta...

(Từ Dạo Ta Buồn, trang 15)

Theo tôi, trong *Cỏ Biếc*, bài thơ ngậm-ngùi nhất là bài *Giấc Mơ Nửa Đời*, gồm 28 đoạn thơ mới bốn câu chiếm 7 trang giấy (từ trang 48 tới trang 54). Đây cũng có thể là một bài hồi-ký ngắn bằng thơ. Tác-giả kể lại những chặng đời của mình từ thuở lọt lòng cho tới khi lưu-lạc xứ người. Tác-giả có tuổi ấu-thơ côi-cút, tuổi hoa-niên đầy ước-vọng, nhưng không có ước-vọng nào trở-thành sự thật nguyên-vẹn. Từ bốn tuổi, tác-giả đã mang những ảo-vọng, ngây-ngô có, hợp với căn-cơ nguyện-vọng có. Tác-giả đã vào đời quân-ngũ, rồi năm hăm tám tuổi anh vượt biển với vợ con. Tuy-nhiên, ở vào tuổi hăm hai, tác-giả cố-gắng thực-hành những điều mơ-ước, nhưng thời-cuộc, lịch-sử và thực-tế đã nghiền nát tất cả :

Hăm hai tuổi làm hết điều mình muốn
Nhưng chỉ nửa vời, dở dở ương ương
Rồi nhân-loại nhao-nhao đòi chôn sống
Một nửa nước còn thoi-thóp trong sương...

Và ở hải-ngoại, tác-giả bắt đầu đổ-đốn, bắt đầu chán-nản, tiêu-cực :

Rồi cứ thế, đời rơi như lịch bóc
Mỏng theo ngày, chờ đến lúc tàn hơi
Cũng có lúc mơ gặp người cứu-quốc
Nhặt lá mật-đồ, kiến cắn dấu đồng thôi.

Nên từ đó, mơ thành người giữ mộng
Lòng sạch trơn như bọt nước đầu sông
Không suối nhỏ, cũng không hồ biển rộng
Thân này chôn trong một cõi vô cùng...

(Giấc Mơ Nửa Đời, trang 54)

Tác-giả có khiêm-nhượng khi nói rằng mình chôn thân *trong một cõi vô-cùng* không ? Tôi tin rằng, nếu anh không khiêm-nhượng, thì anh cũng nói lẫy để hờn-dỗi với cuộc đời. Sự thực đâu

phải như anh nói. Bằng-chứng là anh đã làm thơ, đã chiến-đấu bằng văn-nghệ qua bài thơ ngời ngời can-trường nhiệt-huyết, là *Bài Ca Xung Trận* trong tập thơ trước, *Hồng-Trần*. Anh đã mơ thành ký-giả, mơ thành thi-sĩ, mơ thành nhạc-sĩ. Anh đã đạt thành sự thật hết rồi đó. Mười bảy giấc mơ, anh đã được bốn, kể luôn giấc mơ làm thầy giáo. Nhưng tôi tự hỏi anh còn mơ giấc mơ lúc lên chín không ?

Rời lên chín ta mơ làm kiếm-khách
Biệt Yên-kinh mang trủy-thủ sang Tần
Ta chẳng ngắm nắng tàn trên sông Dịch
Chỉ mỉm cười, vị nghĩa quyết an dân...

*
* *

Cỏ Biếc là một tập thơ ghi bước nối dài của cuộc hành-trình thi-ca Cung Vũ, từ tập thơ đầu tay *Hồng-Trần*. Nếu nói cho công-bằng, *Cỏ Biếc* cũng chưa đánh dấu một bước rẽ quan-trọng, một hướng đi mới của tác-giả. Tuy-nhiên, anh luôn giữ phong-độ mình khỏi bị sa-sút. Ngôn-từ trong *Cỏ Biếc* đổi mới rất nhiều so với ngôn-từ trong *Hồng Trần*, nhưng đường hướng thì vẫn là đường hướng chung : ngậm-ngùi về thân-thế, sầu-mộng sầu tình trong lãnh-vực yêu-đương, vươn tới cái thiền-phong thiền-vị trong tư-tưởng và cách sống. Điều đáng nói là chất lửa đấu-tranh trong thơ *Cỏ Biếc* đã giảm-thiểu, và chất mật ong, chất đường trong thơ lại ngọt-ngào, bát-ngát hơn ●

Đôi khi

Đưa em đi học
Trở lại trường thi
Lòng có đôi khi
Nghe đời chật ngất

Phố lạ người dưng
Chậm bước lưng chừng
Chân nặng nề chân
Hồn như chập chững
Đi lại đường xưa
Nỗi nhớ đong đưa
Phượng thắm đỏ lòng
Tìm anh tan vữa

Ta ba mươi năm
Quẩn quanh phố thị
Sách ba mươi năm
Quẩn quanh tâm trí

Người có đôi khi
Bạc tình, phai mặt
Ta vẫn đôi khi
Như từng trang sách
Mở ra dưới những
ngón tay búp ngà
Đam mê ngập ngừng
Núp sau
mặt chữ !

Phạm Vũ

Nguyễn Văn

Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật

● **Lời xin lỗi muộn.**

Mở đầu Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật kỳ này, trước hết Nguyễn Văn xin gửi tới bạn đọc một lời cáo lỗi muộn.

Nguyễn Văn là bút hiệu chung của rất nhiều bạn trong ban chủ biên, nên như bạn đọc đã nhận ra, bút pháp của Nguyễn Văn cứ thay đổi xoành xoạch. Khi thì dí dỏm, khi thì nghiêm trang, khi thì bay bướm, khi thì phóng túng, làm cho bạn đọc chẳng biết Nguyễn Văn là ai. Lý do đơn giản: cái mục "từ thành tới tỉnh văn học nghệ thuật" này bị nhiều người chê, ít ai chịu nhận phụ trách thường xuyên, đó là chưa kể tai bay vạ gió khi động chạm đến ngài này, đấng nọ. "Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật" như cha chung không ai khóc, hoặc như cái nhà cất bên đường. Người này chờ người kia, kẻ này nhường kẻ khác, vì vậy mới bị bỏ quên nhiều kỳ.

Thôi, "chúng tôi" xin trân trọng cáo lỗi, và hứa từ nay làm việc nghiêm túc. Một lời cáo lỗi khá muộn, nhưng muộn còn hơn không.

● **Tin vui tin buồn trong làng.**

Ba tháng bỏ bê nhiệm vụ làm cho Nguyễn Văn mang lỗi nặng với một số người. Tin vui không chia vui ngay. Tin buồn không phân ưu kịp.

Tin vui nhất là gia đình nhà văn Thế Uyên đã đến được trại tị nạn Bataan Phi luật tân theo chương trình ODP, và họa sĩ Vị Ý đã vượt biên thành công hiện đang ở trại tị nạn Galang.

Theo thư của nhà văn Thế Yên cho biết, có lẽ khoảng cuối tháng Sáu gia đình ông sẽ qua định cư tại tiểu bang Washington Hoa kỳ sau khi học xong khóa Anh văn và hướng dẫn văn hóa ở Bataan. Giới văn học hải ngoại thêm được một cây bút sắc sảo và

hứa hẹn nhiều tác phẩm mới mẻ, độc đáo. Vị Ý thì nhờ một người anh đang ở quận Cam bảo lãnh nên chắc sẽ về định cư ngay tại thủ đô tị nạn này.

Mấy tháng vừa qua, làng văn hải ngoại nhận được hai tin buồn. Ngày 7-3-87, nhà văn Bình Nguyên Lộc qua đời, bỏ dở công trình nghiên cứu đồ sộ của ông về nguồn gốc Mã Lai của tiếng Việt cùng các dự định sáng tác khác.

Đúng một tháng sau 7-4-87, học giả Đào Đăng Vỹ tác giả một số tự điển và dịch phẩm quan trọng lại qua đời. Thế hệ những người cầm bút lớp lớn lần lượt ra đi, gửi thân nơi đất khách. Hết Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan, nay đến lượt Bình Nguyên Lộc, Đào Đăng Vỹ. Tuổi già như lá úa. Chỉ cần một chút gió... Buồn!!

● **Phong trào viết hồi ký.**

Có lẽ vì sợ thời gian không chờ đợi, và tuổi đời giới hạn, nên nhiều người đua nhau viết hồi ký, tạo thành một phong trào sôi nổi.

Đã gọi là hồi ký, thì tất nhiên người viết phải là các bậc có danh, có nhiều điều đáng nhớ và đáng ghi. Thế giới chữ nghĩa ít thấy có những cuốn hồi ký của cu Tèo, cái Hĩm, mà chỉ có hồi ký của các đấng, các ngài. Người tò mò chịu bỏ tiền ra mua hồi ký cũng phải liệu xem người viết có đủ kích thước để mình nhịn tiền thuốc lá cà phê hay không.

Mấy tháng qua, có cuốn *The Palace File* (đã được dịch sang Việt ngữ thành cuốn *Hồ sơ mật dinh Độc Lập)* của tiến sĩ *Nguyễn Tiến Hưng,* phụ tá đặc biệt của Tổng thống Thiệu những năm cuối cùng nền Đệ nhị Cộng hòa, và cuốn *Việt Nam máu lửa, quê hương tôi,* hồi ký chính trị của cựu thiếu tướng *Đỗ Mậu.* Một cuốn hồi ký khác sắp do nhà Xuân Thu phát hành cũng hứa hẹn nhiều gây cấn là hồi ký *Việt Nam Một Trời Tâm Sự* của cựu trung tướng *Nguyễn Chánh Thi.*

Hai cuốn hồi ký đã phát hành của Nguyễn Tiến Hưng và Đỗ Mậu hiện đang tạo "tranh luận" rất sôi nổi. Thật ra dùng chữ "tranh luận" không được chính xác. Phải dùng chữ "cãi cọ" mới đúng! Một cuộc cãi cọ huyên náo, tận tình. Người bênh thì khen tít cung mây, người chê thì xỏ xiên ra rít. Tất cả kho thông minh và ưu uất dồn hết vào cuộc cãi cọ.

Nguyễn Văn là kẻ hậu bối không biết ai sai ai đúng, chỉ dám lạm bàn thế này: Sở dĩ Nguyễn Tiến Hưng và Đỗ Mậu bị đem ra khen chê chí chạp, chỉ vì hai ông không chịu bắt chước ông Lê văn Phúc ở Texas. Ông Lê văn Phúc cũng viết hồi ký, nhưng đặt nhan đề cuốn tự thuật của mình là: *"Tôi làm tôi mất nước".* Người đọc tìm ra được thủ phạm của cuộc mất nước, yên tâm lớn. Đằng này,

hai nhân vật từng nắm một tí vận mệnh quốc gia lại chỉ muốn bảo: "Người ta làm tôi mất nước". Thế là "người ta" phát sùng, nhào vô bề hội đồng!

● **Những hồi ký dễ thương.**

Nói thế không phải là gần đây không có những hồi ký dễ thương. Không phải hồi ký của cu Tèo, cái Hĩm! Cũng không phải loại hồi ký của các quan lớn muốn dùng chữ nghĩa để biện hộ điều này, thanh minh điều nọ. Mà là hồi ký của loại nhỡ nhỡ. Không cao quá, không thấp quá. Loại hồi ký của những sĩ quan cấp trực tiếp chiến đấu, trực tiếp chịu đựng lịch sử, loại sĩ quan không có gậy chỉ huy để cầm, và cùng với binh sĩ trực tiếp nhận hòn tên mũi đạn. Cuối năm ngoái, một cuốn hồi ký dễ thương như vậy ra đời, tác giả là một sĩ quan thủy quân lục chiến từng bị Sài gòn bỏ rơi tại bờ biển Thuận An tháng 3/1975. Cuốn *Tháng Ba Gãy Súng* của *Cao Xuân Huy*, một Trung úy Thủy quân lục chiến.

Dịp Tết vừa qua, một nhà văn gốc pháo binh lại cho ra một hồi ký thuộc loại này, từ một mặt trận khác: cuốn *Xuân Buồn Thảm* của *Nguyên Vũ*. *Đỗ Giang* một Trung úy thủy quân lục chiến khác cũng đang cho đăng một hồi ký nhan đề *Những ngày cuối cùng* trên tạp chí Việt Nam Tự Do. *Phạm Huấn* cũng vừa phát hành hồi ký *Cuộc triệt thoái cao nguyên 1975*.

Hầu hết các tập hồi ký dễ thương đều lấy khung cảnh là miền Nam những ngày cuối cùng, lúc các ngài các đấng sắp sửa hay đã chuẩn bị va li "di tản chiến thuật", bỏ lại đằng sau rất nhiều tác giả những cuốn hồi ký dễ thương. Chắc chắn trong tương lai, loại hồi ký này sẽ được viết nhiều hơn, nói rõ cho hậu thế biết "ai làm ai mất nước".

● **Phong trào xuất bản sách.**

Nguyễn Văn gác bút đúng vào lúc sách vở in ra ào ào, thật trái cựa. Sau Tết, tưởng thiên hạ hưởng Xuân mệt nhoài phải nghỉ xả hơi trả nợ một thời gian, ai ngờ nhân mùa Xuân con Mèo, giới viết lách và xuất bản cứ theo Xuân mà "hồ hởi" xông tới.

Ba nhà xuất bản chịu khó in sách mới nhiều nhất là nhà Văn Nghệ ở Cali, nhà Làng Văn ở Canada và nhà Nam Á ở Paris.

Sau Tết, nhà xuất bản Văn Nghệ ào ạt cho ra đời 6 cuốn:
Mùa hè một nơi khác của *Phan Thị Trọng Tuyến*,
Hợp Lưu của *Hồ Trường An*,
Một chút riêng tư của *Mai Kim Ngọc*,
Xuôi dòng của *Nguyễn Mộng Giác*,
Truyện ngắn 1 của *Võ Phiến*, và
Đêm dài một đời của *Lê Tất Điều*.

Theo dự tính, trong năm 1987, Văn Nghệ sẽ in tất cả trên 20 cuốn. Hiện nay, Văn Nghệ đã sẵn sàng để tung ra bảy cuốn khác vào đợt hai, gồm *Cuống rún chưa lìa* của *Bình Nguyên Lộc*, *Con đường thiên lý* của *Nguyễn Hiến Lê*, *Thơ Cao Tần*, *Vòng đai xanh* của *Ngô Thế Vinh*, *Tạp luận* của *Võ Phiến*, *Nụ cười tre trúc* của *Kiệt Tấn*, *Chuyện của một người di cư nhức đầu vừa phải* của *Nguyễn Bá Trạc*. Liệu cư sĩ Từ Mẫn có đủ sức thực hiện chương trình xuất bản này không, chờ xem!

Làng Văn thì đã phát hành :

Nước đục của *Nguyễn Ngọc Ngạn*,

Ngọn hải đăng mù của *Mai Thảo*,

Ăn khế trả vàng của *Vivi và Cung Vũ*, và

Cỏ Biếc của *Cung Vũ*.

Riêng Nguyễn Ngọc Ngạn cũng được nhà xuất bản Đông Phương in cho cuốn *Những người đàn bà còn ở lại*, tác phẩm đầu tay của anh, lâu nay chưa hề xuất bản.

Nhà Nam Á sau đợt xuất bản ồ ạt trước Tết các tác phẩm của Sĩ Trung, Duyên Anh, Nguyên Vũ, sau Tết có khựng lại. Những cuốn tiểu thuyết *Một lần lầm lỡ* của Sỹ Trung, hoặc *Bảy sư tử lãng mạn*, *Sỏi đá buồn*, *Thơ tù*, *Một người Nga tại Sài gòn* của *Duyên Anh*, và *Xuân buồn thảm* của *Nguyên Vũ*, trước đây chỉ nghe báo chí Việt ở Pháp nhắc tới ca tụng, nay độc giả ở Mỹ được dịp mua chính các tác phẩm ấy để đọc. Nghe khen chê làm sao bằng được đọc chính tác phẩm. Công phổ biến sách Nam Á ở Mỹ chính nhờ nhà văn Nguyên Vũ.

● **Giới y khoa xuất quân.**

Trong những sách vừa được in ở Hoa Kỳ, có điều lý thú là tác phẩm các bác sĩ kiêm thêm văn sĩ khá nhiều.

Người khởi xướng là bác sĩ Nguyễn Xuân Quang, giao cho Người Việt xuất bản tập truyện ngắn *Người cắm thù ruồi*, tập hợp một số truyện loại kinh dị trong đời sống y khoa.

Tiếp nối *Người cắm thù ruồi* là *Sông Mỹ sông Việt* của bác sĩ Huỳnh hữu Cửu, một tập hợp các đoản văn dung dị tác giả viết về quê nhà, quê người. Tác phẩm của bác sĩ Cửu do Văn xuất bản.

Cuối cùng là tập truyện ngắn *Một chút riêng tư* của bác sĩ Vũ Đình Minh, bút hiệu Mai Kim Ngọc, do nhà Văn Nghệ xuất bản. Ba trong năm truyện ngắn đặc sắc của Mai Kim Ngọc đã được chọn đăng trên Văn Học, và truyện nào cũng được độc giả khen ngợi, bàn tán.

Cả ba tác giả đều mở tiệc tiếp tân ra mắt sách, giới y sĩ đồng nghiệp đến dự để mừng hobby mới của đồng nghiệp, giới báo chí đến mừng một bạn cầm bút giàu có, giới văn thơ tới mừng một văn

hữu bất ngờ. Người được mời lên phát biểu đều nhắc tới những Anton Tchekov, Somerset Maugham, Cronin, những văn hào gốc y sĩ. Người dự tiếp tân thầm hỏi liệu ba ông bác sĩ này có dám vất nghiệp y để theo nghiệp văn như ba văn hào kia không? Chắc phu nhân ba vị bác sĩ đọc đến đây, phải nhíu mày rủa thầm Nguyễn Văn là cái tên chuyên phá hoại gia cang nhà người. Và ba vị thì chắc cũng muốn làm sao cho bà xã bằng lòng.

● **Viết dai, viết dài!**

Giới y sĩ chuyên trị bệnh, đột ngột biểu diễn một màn văn chương, khi kinh dị, khi thâm hậu, khi lả lướt. Ba màn của ba ông bác sĩ: một chuyên về thận, một chuyên về mắt, một chuyên về phổi.

Giới viết lách chuyên nghiệp ngồi lâu, viết nhiều đọc nhiều, hút thuốc như ống khói tàu thủy, nên thận kém, mắt kém, phổi kém. Kết quả, đều trở thành khách hàng của các bạn văn y sĩ mới ra chiêu!

Các khách hàng này, dường như càng ngày lại càng lậm thêm một cái bệnh khác nữa: bệnh ưa viết dai, viết dài. Người cầm bút nào Nguyễn Văn được hân hạnh quen biết cũng dọa viết trường thiên tiểu thuyết cả. Không ai chọn con đường ngắn hơn, như truyện dài, hoặc trung thiên tiểu thuyết. Truyện ngắn để đăng báo, dĩ nhiên không bỏ được.

Dài hơi viết, nhưng ngắn hơi tiền, nên *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác cứ rả rích mỗi năm một tập, bắt độc giả phải chờ, đọc sau quên trước, tìm lại cuốn trước thì đã lạc đâu rồi! Phiền! Năm 1986 *Mùa biển động* ra được tới cuốn 3, theo tác giả hứa thì 1987 ra thêm một cuốn, 1988 ra cuốn chót là xong. Trường thiên tiểu thuyết mà phải "trườn" đến 5 năm, dai quá!

Nhà văn Nguyên Vũ cũng vừa cho ra tập 1 của bộ trường thiên *Giặc Cờ đỏ*, và sắp ra tập 2 ngay trong năm nay. Theo Nguyên Vũ, tác giả sẽ tận dụng sở học về lịch sử của mình để phá tan huyền thoại về các tay chóp bu cộng sản Việt, nhất là huyền thoại tô vẽ quanh cuộc đời Hồ Chí Minh. Để làm việc đó, cần đến sở học của tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu hay là cần đến tài năng của nhà văn Nguyên Vũ? Bạn đọc được đọc tập 1 hơi bị lẫn lộn giữa cái chính xác của sử liệu và cái tưởng tượng của tiểu thuyết. Nhưng tác giả tin rằng mình có thể kết hợp được sử và văn để thực hiện một mục tiêu lớn. Wait and see!

Nhiều bộ trường thiên khác hiện đang cho đăng từng kỳ trên báo, của Du Tử Lê, Lê Mỹ Hương, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Ngọc Ngạn hoặc đang tiếp tục viết như bộ trường thiên của Phạm Quốc Bảo.

Kết quả chắc chắn đoán được: giới cầm bút lại trở thành bệnh nhân của các bác sĩ thận, mắt, phổi ráo trọi!

Nguyễn Văn

TÂM THƯ CỦA MỘT NHÓM NGƯỜI LÀM VĂN HÓA GỬI ĐỒNG BÀO VIỆT NAM.

Thưa toàn thể bà con,

Chưa bao giờ lịch sử đất nước cung cấp cho văn học nghệ thuật được những đề tài phong phú và giá trị như trong khoảng nửa thế kỷ vừa qua. Những quằn quại dưới một chế độ thực dân, cuộc vùng dậy của một dân tộc giành độc lập, cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, cuộc chiến tranh chống xâm lăng cộng sản v.v..., bao nhiêu là sự việc, là cảnh trạng bi thương, hùng tráng, đã diễn ra quanh mình. Thế nhưng cho đến ngày giã từ đất nước ra đi, ai nấy trong chúng tôi đành ngậm ngùi hối tiếc là quả chưa phản ảnh được muôn một thực trạng bi hùng nọ vào tác phẩm văn nghệ.

Rồi trong những năm gần đây, một cuộc di cư cực kỳ gian lao nguy hiểm, một cuộc di cư lớn lao hàng triệu người, liên tục quá một thập niên kỷ, diễn ra trong hoàn cảnh lắm khi tàn khốc làm xốn xang cả lương tâm nhân loại. Tuy vậy đã mười hai năm trôi qua, chúng ta vẫn chưa có những cuốn truyện, tập thơ, cuốn phim, câu ca, bức vẽ, hay công trình biên khảo nào thực sự xứng đáng với biến cố ấy.

Thời gian không chờ đợi. Đa số các chứng nhân của mùa Xuân 75 tại Sàigòn, và lớp người chủ động cuộc ra đi bắt đầu từ thuở ấy, ngày nay tuổi đã xế chiều. Một số cao niên lần lượt khuất bóng vĩnh viễn: ai biết họ đã mang theo những kinh nghiệm hãi hùng như thế nào về chiến tranh, về cuộc vượt thoát qua biển cả rừng sâu? Một kho tàng những báu vật tinh thần vô giá đã mất đi. Và nhiều kỷ vật liên quan đến từng dòng họ, mà đồng thời cũng liên quan đến văn hóa Việt Nam, nhiều kỷ vật khác liên quan đến các biến thiên chính trị, đến cuộc di cư đau đớn vừa qua chắc chắn cũng đang lần lần mất mát, hư hỏng, qua những đổi đời liên tiếp trong cuộc sống bất trắc nơi miền đất mới. Và rồi trải qua những bận rộn vất vả, những quay cuồng mưu sinh trong giai đoạn lập nghiệp đầu tiên trên xứ lạ, chắc chắn trong ký ức của thế hệ di dân này cũng phai mờ dần những cảnh tượng hào hùng nhất, những kỷ niệm đau thương nhất... Chẳng mấy chốc, thời gian sẽ xoá nhòa đi rất nhiều, trước khi chúng ta kịp ghi lại được chút gì. Chút gì về cuộc di cư, và cả về những bước gây dựng đầu tiên trên xứ này.

Một mùa gặt tốt cách đây hơn ba trăm rưỡi năm của một

nhóm tín đồ Thanh giáo miền Đông Bắc còn để lại đến ngày nay một lễ Tạ Ơn. Còn những cố gắng về kinh tế, văn hóa, chính trị trong buổi đầu của chúng ta liệu rồi có chìm cả vào quên lãng để biến chúng ta thành một thành phần vô vị trong cái cộng đồng hợp chủng lớn lao này chăng?

Hơn nữa chúng ta không phải chỉ lo lắng vì tác dụng của thời gian. Ngay lúc này đã thấy những âm mưu, những hoạt động nhằm xuyên tạc lý do, ý nghĩa và tầm mức cuộc di cư của chúng ta. Những xuyên tạc để hạ nhục chúng ta trước dư luận quốc tế trong hiện tại, để trình bày chúng ta như một đám hèn nhát trước mắt lớp con cháu mai sau. Tai hại quái ác khôn lường rất có thể xảy ra nếu chúng ta không phát huy kịp thời lẽ phải của mình, và không bảo tồn được chứng liệu cho tương lai.

Vì vậy từ lâu chúng tôi vẫn ao ước một trung tâm bảo tồn như thế. Càng ao ước trung tâm ấy được thiết lập ở Tây Nam Hoa Kỳ, nơi qui tụ một cộng đồng ngót nửa triệu di dân Việt Nam, với những hoạt động kinh doanh, văn hóa, chính trị sôi nổi.

Sự ra đời của Văn Khố Việt Nam *vừa rồi đáp ứng đúng sự ao ước nọ, là một tin vui lớn đối với chúng tôi. Chúng tôi biết ơn những hoạt động âm thầm và kiên nhẫn bấy lâu của nhiều vị thức giả trong cộng đồng ta đã hết lòng với văn hóa; chúng tôi biết ơn thái độ sốt sắng và sáng suốt của các vị học giả trong viện đại học UC Irvine đang thực hiện một công cuộc có tầm lợi ích rộng rãi và dài lâu.*

Sự thành lập Văn Khố Việt Nam vừa rồi không chỉ là tin vui riêng cho giới văn hóa mà là cho cả cộng đồng lưu vong chúng ta; và hơn nữa, chắc chắn còn vượt ra ngoài khuôn khổ của cộng đồng chúng ta. Bởi vì cuộc di cư của các dân tộc Đông Dương từ 1975 cũng là một biến cố lịch sử của Hoa Kỳ, và phong trào di cư chính trị rộng lớn xôn xao khắp hoàn cầu còn là một đặc điểm của thế kỷ này.

Sự thành công của Văn khố Việt Nam sẽ nhờ ở tài năng của các học giả trong UC Irvine, và sự thành công ấy cũng sẽ trông cậy rất nhiều ở sự hưởng ứng của cộng đồng chúng ta. Chúng tôi mong ước mọi người trong cộng đồng tùy khả năng tùy phương tiện cùng nhau góp tay xây dựng văn khố.

Cho đến hôm nay, chúng tôi là những người làm văn học nghệ thuật bất lực, chưa làm nên công trình xứng đáng. Hi vọng rằng một ngày kia Văn Khố Việt Nam sẽ thành một kho tàng tư liệu quí báu, một nguồn hứng khởi cho những công trình sáng tạo xứng tầm với các biến cố trọng đại vừa qua, cho thế hệ này tiếp thế hệ nọ, tiếp tục nhiệm vụ đối với lịch sử. Đó là chưa nói đến giá trị tâm lý, giá trị tinh thần của nó đối với cộng đồng di dân Việt Nam, đối với

các phần tử mai sau muốn tìm về nguồn gốc.

Trong niềm trước mơ ấy chúng tôi tin tưởng ở tấm lòng thiết tha của đồng bào.

California, tháng 2, 1987

Võ Phiến, Lưu Trung Khảo, Trần Huy Bích, LM Vũ Đình Trác, Phạm Cao Dương, Lê Tất Điều, Trúc Chi, Ngô Thế Vinh, Nhật Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Võ Đình, Quyên Di, Nguyễn Tất Nhiên...

BÁC SĨ
PHÓ NGỌC VĂN
Y KHOA TỔNG QUÁT GIA ĐÌNH
SEVEN CORNERS PROFESSIONAL PARK
6400 J. Seven Corners Place
Falls Church, VA. 22044
Điện thoại : (703) 241. 8008 & 241. 8334

* *Tốt nghiệp Hậu Đại học Y khoa Giải phẫu và Gia đình*
* *Bác sĩ điều trị tại các bệnh viện Doctor Hospital & Arlington Hospital.*
* *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa kỳ.*

CHUYÊN MÔN BỆNH NỘI VÀ NGOẠI THƯƠNG

* Người lớn và trẻ em, bệnh phụ nữ thai sản, kế hoạch hoá gia đình.
* Bệnh tim. Cao áp huyết. Các bệnh về máu. Bệnh phổi. Suyễn. Bệnh đường tiêu hoá và bao tử. Bệnh đường tiểu và sinh lý, hoa liễu. Bệnh phong thấp.
* Các bệnh ngoài da, dị ứng, phong ngứa kinh niên.
* Tiểu giải phẫu, may vết thương, cột ống dẫn tinh, cắt da qui đầu, cắt bỏ bướu da. Bệnh thần kinh, suy nhược tinh thần.
* Nhận làm bác sĩ gia đình, khám bệnh tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, lập hồ sơ y khoa tai nạn lao động, xe cộ.
* Bệnh nặng sẽ được điều trị và theo dõi tại các bệnh viện trong vùng.

Nhận MEDICARE, MEDICAID & và các loại bảo hiểm

Khám bệnh theo giờ hẹn từ thứ Hai đến thứ Bảy.

Giới thiệu sách mới nhận được.

SAU NGÀY TANG

tuyển tập truyện ngắn của Vũ Nam
Do Trung tâm Văn hóa Phật giáo Tây Đức xuất bản.
gồm 14 truyện ngắn của Vũ Nam, một cây bút trẻ dùng văn chương như một khí cụ tranh đấu tại Tây Đức. Sách dày 124 trang. Không đề giá bán. zđịa chỉ liên lạc :

Vũ Nam
Bruhlstr 13. 7413 Gromaringen. WEst Germany

THƠ ĐẤT NƯỚC
của nhà thơ Chu Vương Miện
Do nhà xuất bản Việt Nam Mới tại Nhật ấn hành. Dày 82 trang. Không đề giá bán.
Địa chỉ liên lạc : Nhà xuất bản Việt Nam Mới
2 . 35 . 13 Futabaso # 8
Ikebukuro Honcho Toshima-ku
Tokyo 170 Japan

NGÀY THÁNG BỆNH BỒNG
tập truyện ngắn của Nguyễn văn Sâm
Do Gió Việt Texas xuất bản, nhà Văn Nghệ Cali phát hành. Gồm 12 truyện ngắn, bìa và phụ bản của hoạ sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn thị Hợp, dày 190 trang. Giá 8 MK. Địa chỉ liên lạc : Nhà xuất bản Văn Nghệ :
PO Box 2301 Westminster, Calif USA 92683
Phone : (714) 832 8445

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Trên đất mới (truyện VN), Tương ngộ (thơ ĐPQ), Cái méo chuyên môn đáng yêu của BNL (của TK), Truyện thần tiên, Chợt bơ vơ, Mưa San Jose nhớ Barbara (thơ ND), Vài góp ý nhỏ về bài THTK , Tham dự chuộc vui đi tìm ghềnh (của ĐĐT) , Cây mắm (của NND) , Đoàn du ca con sáo, Thầy tôi, Cố đô, (truyện NTNL), Cảnh tượng (truyện LT), Say vào hoa tạng (thơ NXH), Lưu đầy (thơ HST).

SÁCH VỪA XUẤT BẢN

Nhà Xuất Bản **TRẦN THI** tái bản lần thứ nhất
tại Hoa Kỳ.

Mọi liên lạc để mua sách xin gởi về:
Trần Thị Loan
12161 Faye Ave
Garden Grove, CA 92640 U.S.A.
Phone: (714) 636-0153

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

BÁC SĨ
HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate American Board of Ophthalmology

*** TRỊ BỊNH MẮT**
*** GIẢI PHẪU MẮT**
*** LÀM KIẾNG**
*** SOFT CONTACT LENS**

9559 BOLSA AVE., SUITE B
WESTMINSTER, CA 92683
Góc Bushard trên lầu Bolsa Mini Mall
ĐT: (714) 531-9401

GIỜ LÀM VIỆC:
9:30 sáng đến 5:30 chiều
Nghỉ sáng Thứ Tư và Chủ Nhật

XIN LẤY HẸN TRƯỚC
(Thứ bảy đến 3 giờ chiều)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF OBSTETRICS & GYNECOLOGY
F . A . C . O . G

* *Fellow of American College of Obstetrics and Gynecology*
* *Văn bằng chuyên môn sản phụ khoa Hoa Kỳ*
* *Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu đại học sản phụ khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và USC Women Hospital , Los Angeles.*
* *Bác sĩ chuyên môn sản phụ khoa hành nghề tư đầu tiên tại California.*
* *Giảng huấn viên tại UCI Medical Center, Khu sản phụ khoa.*

Với sự cộng tác đặc biệt của nữ bác sĩ :
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG
Diplomate American Board of Family Practice
Tốt nghiệp chuyên môn Y khoa Gia đình tại UCI

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

Thăm thai và đỡ đẻ. Bệnh đàn bà. Huyết trắng. Kế hoạch hoá gia đình : Cột hoặc đốt ống dẫn trứng. Kinh nguyệt bất thường. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn. Giải phẫu bệnh phụ nữ. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Truy tầm và chữa trị ung thư cổ tử cung...

Phòng mạch tại :
14536 Brookhurst Street, Phòng 101
(Góc Brookhurst và Hazard)
Westminster, CA 92683

ĐIỆN THOẠI : (714) 531 5505

Giờ khám bệnh : Thứ hai đến thứ sáu : 10.00 đến 6.00
Thứ bảy : 9.30 đến 2.00 PM
Nghỉ thứ tư và Chủ nhật . Xin vui lòng lấy hẹn

ĐÃ PHáT HÀNH KHẮP NƠI :

NGƯỜI CĂM THÙ RUỒI

tập truyện ngắn của nhà văn
NGUYỄN XUÂN QUANG
do Người Việt xuất bản
14841 Moran Street
westminster CA 92683 USA
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA
Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG,DDS.

9251 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
(714) 895-1246
Khu chợ Tân Hưng- Ngọc Diệp

NHA KHOA TỔNG QUÁT - CHỈNH NHA

Hành nghề từ từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha khoa tư tại Phú Thọ, Sài gòn.
Kiên nhẫn với trẻ em, dù là trẻ em khó tính

ĐẶC BIỆT : NHA KHOA THẨM MỸ

Orthodontics: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô, móm..., bằng phương pháp mang niềng răng(braces), hay mang bộ chỉnh hàm (functional orthodontic appliances).
Cosmetic Bonding :Thay men răng bị đổi màu, đắp, vá các răng sứt mẻ, dị dạng, làm khít kẽ răng thưa...
Nha khoa tổng quát : Khám định kỳ, làm sạch , chữa, trám và nhổ răng.

Giải phẫu răng khôn mọc lệch, răng ngầm.
Điều trị và giải phẫu bệnh nướu răng.
Răng giả các loại.

BÁC SĨ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM ***Tel : (714) 641. 0263***
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng ..... 15 MK
Một năm ..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng ..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy ..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay ..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy ..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay ..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay ..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

HỢP LƯU

truyện dài của Hồ Trường An

176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Hồ Trường An nhìn xuống cái nhạt nhẽo (của cuộc sống thường nhật), nhìn với tất cả tâm hồn mình. Và quả nhiên không uổng công. Một cái nhìn trìu mến nồng nàn như thế, chiếu vào một xác chết tưởng cũng có thể khiến xác chết trở nên hồng hào sống động, cựa quậy được, huống hồ là xuống cuộc sống thường nhật của những cặp nam nữ đang yêu nhau.

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC

tập truyện của Phan thị Trọng Tuyến

250 trang. Giá 10 Mỹ kim.

...Truyện của chị Phan thật nhiều vẻ. Chị viết về tâm lý người già, về cuộc sống giới trẻ; chị viết về sinh hoạt xã hội bên nhà, về đời sinh viên du học hải ngoại; chị viết truyện tâm tình ái ân, lại viết về những vấn đề triết lý, chính trị; trong truyện của chị có nghệ sĩ, có trí thức, lại có những người nhà quê ngây ngô lú lẩn, có trẻ con mũi dãi lòng thòng nghèo đói ỏng eo; chị viết những chuyện thương tâm đứt ruột, lại viết những chuyện khôi hài nhẹ nhõm v.v...

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ.

tập truyện của Mai Kim Ngọc

248 trang. Giá 10 Mỹ kim.

Không phải ai cũng kể được chuyện lành, vẽ được cảnh đẹp, nói được lời nhân hoà. Đã mấy thập niên qua, chúng ta luôn phải chiến đấu, sống trong thù hằn; ít ai giữ được lòng khoan thứ, tin tưởng ở cuộc đời, tác phẩm của chúng ta phần lớn chứa đựng đau thương, hằn học. Mai Kim Ngọc đến từ một cảnh sống khác; nghệ thuật của ông thổi một luồng gió mới vào bầu không khí văn chương của chúng ta. Một luồng gió mát mẻ, thật dễ chịu. Đời đẹp ra, và tác phẩm văn chương trông cũng thấy dễ mến hơn.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA

Phone : (714) 832 8445

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại NVPRINTING (714) 897-3628

NHỮNG SÁCH VỪA XUẤT BẢN
CỦA NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

XUỐI DÒNG

tập truyện của Nguyễn Mộng Giác

176 trang. Giá 7 Mỹ kim

Tập truyện ngắn thứ nhì Nguyễn Mộng Giác viết và cho xuất bản tại hải ngoại, sau tập truyện đầu *Ngựa Nản Chân Bon* đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, phải tái bản đến lần thứ nhì trong vòng hai năm. XUÔI DÒNG tập hợp 13 truyện ngắn tác giả viết từ trại tị nạn Kuku Nam Dương cho đến ngày nay. Từ truyện đầu *Đêm Cuối Năm* lấy khung cảnh là tối giao thừa trên một đảo tị nạn hoang vắng cho đến truyện cuối *Xuôi Dòng* lấy khung cảnh ngày cuối năm tại một thương xá Hoa Kỳ tấp nập, tuy khung cảnh có khác, nhưng 13 truyện ngắn là 13 tiếng thở dài. Những tiếng thở dài nhẹ, nhưng sâu, như hầu hết các truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

TRUYỆN NGẮN I

Tập truyện của Võ Phiến

320 trang. Giá 13 Mỹ kim

* Từ Nguyễn Bá Học đến Tự Lực văn đoàn, tiểu thuyết Việt nam tiến từ phôi thai đến chỗ hoàn chỉnh một hình thức cổ điển. Từ 1954 về sau, tiểu thuyết Việt nam phá vỡ khuôn khổ cổ điển với những tìm tòi không ngừng. — TRUYỆN NGẮN I vừa phản ảnh những diễn biến của một thời tiểu thuyết phá thể, vừa tiêu biểu cho những nét Việt nam truyền thống không suy suyển trước phong trào thời-thượng tiểu-thuyết-mới. Nó không "mới" theo kỹ thuật Tây phương xa lạ, nó không cũ theo nề nếp tiền chiến.

Trong TRUYỆN NGẮN I : Những xôn xao của thời thế, những băn khoăn ý thức hệ, những nhân vật Việt Nam đến tận cùng xương tủy cốt cách, một khung cảnh Việt nam đến từng ngọn lá gốc cây, một xã hội Việt nam đến tận cùng ngõ hẻm hang cùng.

Cuốn thứ ba trong bộ Toàn Tập của Võ Phiến :

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI

truyện dài của Lê Tất Điều

152 trang. Giá 7 Mỹ kim.

Một đứa trẻ hồn nhiên yêu đời : Một quả mìn nổ dưới con tàu đang chạy. Thế là đứa trẻ thành ra côi cút mù loà. Thế là "Đêm dài một đời". Một trẻ mù giữa bao nhiêu trẻ mù khác, cả một thế giới những kẻ vô tội bất hạnh dưới cái nhìn chan hoà nhân ái của một tác giả luôn luôn nghiêng xuống nhìn cảnh đời hẩm hiu trong xã hội.

(xem tiếp bìa trong)

Giá 3 Mỹ kim